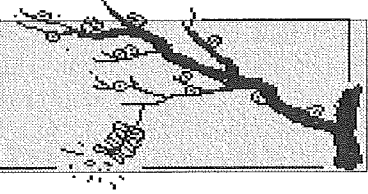


THÔNG LUẬN

NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHỊ LUẬN

Publiée par Association Vietnam Fraternité, 7 allée Bouleau Carreau, 77600 Bussy-Saint-Georges, France
Inscrite à la Commission Paritaire des Publications et Agences de Presse sous le No 70359
Adresse Web: <http://www.thongluan.org> □ Directeur de publication: Diệp Tường Bảo

Kính chúc quý độc giả an khang thịnh vượng trong năm Tân Tỵ



Câu đối Tết Tân Tỵ

Rồng Rắn Giao Thừa

RỒNG hết thuở RỒNG,
cụ khủng LONG ngọc thể bất an,
đã tâng ký lại "tâng-xông",
tiêm thuốc Mỹ cũng xuôi miền Tây trúc!

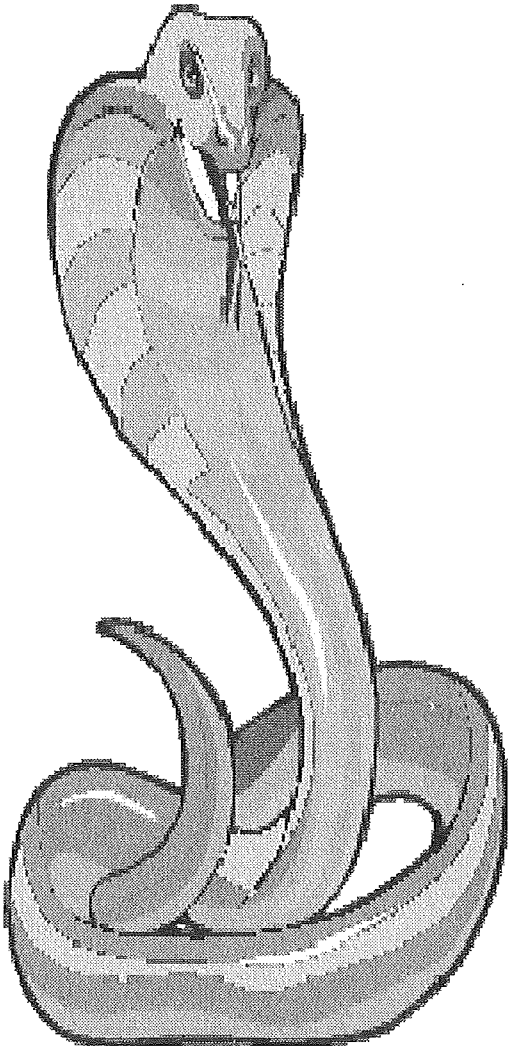
RẮN đang mùa RẮN,
rượu tam XÀ âm dương lưỡng bỏ,
hết quốc doanh sang "quốc lử",
ngâm táo Tàu để chấn khí Đông-A?(1)

Hà Sĩ Phu

Một ngày giáp Tết Tân Tỵ

Chú thích:

(1) Đông A: Hai chữ Hán tự Đông và A ghép lại thành chữ Trần. Hào khí thời nhà Trần (hào khí Đông A) đã thành tượng trưng cho hào khí Việt Nam, hào khí dân Việt.



Thử thách lớn cho Đảng Cộng Sản Việt Nam

Trong lịch sử của nó chưa bao giờ Đảng Cộng Sản Việt Nam bối rối trước khi họp tại đại hội bằng lần này.

Bối rối cụ thể và trước mắt là nhân sự lãnh đạo. Tổng bí th Lê Khả Phiêu sau ba năm cầm quyền đã tỏ ra thiếu cả kiến thức lẫn khả năng lãnh đạo. Ông lại đã đến tuổi phải về hưu. Tuy nhiên đảng cộng sản vẫn chưa tìm ra được người có thể thay thế ông một cách ôn hòa. Ông Lê Khả Phiêu sẽ ra đi hay ở lại ? Ở lại, ông sẽ là một tổng bí thư rất suy giảm. Ra đi, ông sẽ chỉ nhường chỗ cho một tổng bí thư mới mờ nhạt và không uy quyền, dù là Nông Đức Mạnh hay Nguyễn Phú Trọng, hay ai khác. Bộ chính trị xuất phát từ đại hội 9, mà có lẽ khoảng một nửa sẽ là những ủy viên cũ, sẽ là một ê kíp gồm những nhân vật ít ai biết tới và càng ít người kính nể. Ban chấp hành trung ương mới sẽ là một hội đồng của những người vô danh trong trường hợp tốt nhất. Đảng Cộng Sản Việt Nam sẽ phải đương đầu với một giai đoạn đầy thử thách và có một cơ cấu lãnh đạo yếu kém.

Vấn đề đặt ra cho đại hội này là chuyển giao thế hệ. Thành phần cán bộ có thành tích trong chiến tranh đã già và phải nhường chỗ cho lớp người trẻ. Thành phần lãnh đạo mới sẽ là những người chưa hề có một thành tích đáng ghi nhận nào. Họ sẽ dựa vào uy tín nào để lãnh đạo, nhất là khi trong đại bộ phận họ là những người ít kiến thức, ít sáng kiến và đã được thăng tiến chính nhờ ở chỗ không có ý kiến ? Cơ chế độc đoán và sơ cứng của họ đã loại bỏ những người có phẩm giá và trí tuệ và chỉ để sót lại những phần tử không cá tính.

Bối rối trầm trọng kế tiếp là về đường lối. Ban lãnh đạo đảng cộng sản vẫn không biết làm gì khác là cố bám lấy "chủ nghĩa Mác-Lênin" và "tư tưởng Hồ Chí Minh", trong khi không những quần chúng mà cả đại đa số đảng viên

đều thấy ngượng khi nhắc tới những cụm từ này. Tư tưởng của ông Hồ Chí Minh hoàn toàn không có gì. Càng nói đến "tư tưởng Hồ Chí Minh" càng tội nghiệp cho ông. Chủ nghĩa Mác-Lênin cũng chưa bao giờ có. Nó chỉ là sự gán ghép không lương thiện những suy nghĩ của Mác, mà phần lớn đã bị đánh giá là làm lạc, với một kỹ thuật cướp chính quyền và giữ chính quyền bằng mọi giá và kể cả bằng bạo lực và tội ác của Lenin. Càng ngày càng thêm những khẩu cứu phôi bày Lenin như một con người nham hiểm, dối trá và hung bạo, một tội phạm hàng đầu đối với loài người. Lenin không chỉ độc ác mà còn đủ thông minh để làm đẹp tội ác và lời kéo nhiều người vào tội ác. Bám lấy "chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh" là một sự ngây ngô có thể chọc cười trong một thời gian, nhưng nếu kéo dài quá lâu nó sẽ khiến người ta nổi giận. Và các đảng viên cộng sản đã bắt đầu nổi giận. Chưa bao giờ mà các đóng góp từ cơ sở cho dự thảo báo cáo chính trị của một đại hội sôi nổi bằng lần này. Tất cả những đóng góp đều có chung hai điểm : bác bỏ "chủ nghĩa Mác-Lênin" một cách bực bội, phê phán sự thiếu khả năng và trong sạch của các cấp lãnh đạo một cách gay gắt. Một chính đảng còn tồn tại được không khi mà đa số đảng viên phủ nhận cả cơ sở tư tưởng lẫn ban lãnh đạo đảng ?

Nhưng sự bi đát của đảng cộng sản không phải chỉ dừng lại ở đó. Nó còn bị đại đa số nhân dân thù ghét và xa lánh. Đảng và dân cách biệt hẳn với nhau, người dân chỉ nhìn những tranh cãi và tranh chấp gay go trong nội bộ đảng với con mắt bàng quan. Họ nhìn đảng như một ách thống trị ngoại bang.

Đảng cộng sản đang đứng trước hai vấn đề sinh tử : phải thích nghi đảng với tình huống mới để đảng có thể tồn tại và phải hòa giải được với nhân dân Việt Nam đã tích lũy quá nhiều phần

nộ. Cả hai đều đòi hỏi dân chủ hóa. Mọi người đều biết như vậy, mọi đảng viên đều biết như vậy nhưng các ban lãnh đạo liên tiếp đã choáng váng trước mức độ trầm trọng của các khó khăn và chọn giải pháp dậm chân tại chỗ. Các vấn đề đã khó lại càng khó hơn với thời gian. Đảng cộng sản giống như một con tàu hỏng máy đang trôi giạt không biết về đâu, chưa dám chỉ vì chưa gặp sóng to gió lớn. Nhưng sóng gió chắc chắn sẽ tới. Trào lưu toàn cầu hóa và dân chủ hóa lừng lừng tới gần Việt Nam ; đảng cộng sản đang lo âu vì phong trào khiếu kiện tập thể, không khác bao nhiêu các cuộc biểu tình, đang gia tăng tại các tỉnh miền Bắc, nhưng những chống đối này không thể so sánh được với sự phân nộ có thể sẽ bùng lên từ các tỉnh phía Nam.

Từ mười lăm năm nay khẩu hiệu của đảng cộng sản là "đổi mới hay là chết". Đại hội 9 sẽ có một ý nghĩa đặc biệt quan trọng : nó chứng tỏ đảng cộng sản không thể đổi mới.

Thông Luận

Quả Đất - Quê Hương

Nguyên tác : Terre-Patrie, Edgar Morin và Anne Brigitte Kern, Ed. du Seuil, 1993. Bản dịch của Nguyễn Hồi Thủ. Sách dày 300 trang, khổ A5, bìa cứng do nhà xuất bản Chân Mây Cuối Trời.

Một tác phẩm nói về các vấn đề nhân loại trong thời đại toàn cầu.

Một tài liệu quan trọng cần có trong tủ sách gia đình.

Giá bán: 80 FRF (+ 10 FRF cước phí, ngoài Âu Châu thêm 30 FRF). Chi phiếu xin đề: Mme Nguyễn và gửi về: 106 avenue Jean Jaurès, 94110 Arcueil.

E-mail: nht1@aol.com.

Phi Luật Tân : sức mạnh của quần chúng

Sau khi đã sử dụng tất cả những mánh khoé chính trị để né tránh lối thoát không lấy gì làm vinh dự, ông Joseph Estrada, tổng thống Phi Luật Tân cuối cùng cũng đã phải cuốn gói ra đi. Trước đó, một phiên họp thượng viện được dựng lên ngày 7-12-2000 để cách chức ông đã phải đình lại vì 11 người trong số 21 thượng nghị sĩ tham dự cuộc bỏ phiếu đã được ông mua chuộc để bầu chống việc công bố số tiền mà ông có trong một chương mục ngân hàng. Thiếu yếu tố quan trọng này, việc biểu quyết truất phế ông khó hy vọng thành công. Trước thái độ thiếu minh bạch của một số nghị sĩ, dân chúng không còn nhẫn nại được nữa. Họ đã huy động nhau qua điện thoại di động, tự động xuống đường reo hò trong tiếng nhạc rock, tràn ngập trung tâm Manilla tại khu vực mang tên Quyền Lực Quần Chúng 1986 (1986 People Power), đòi ông phải từ chức. Họ kêu gọi nhau và cuối cùng người ta ước lượng số người biểu tình lên đến một triệu người. Đồng thời các sĩ quan cao cấp trong quân đội trước đây vẫn ủng hộ ông cũng đã đi đến quyết định chung là không ủng hộ ông nữa mà sẽ ủng hộ phó tổng thống là bà Gloria Macapagal-Arroyo. Lúc đó ông Estrada mới thấy rằng những âm mưu lật ngược tình hình và "câu giờ" không còn hy vọng gì.

Như vậy đây là lần thứ nhì từ ngày thiết lập nước Cộng hòa Phi Luật Tân năm 1946, quần chúng Phi Luật Tân đã đông đảo xuống đường để bảo vệ quyền tự do của mình và nói lên mạnh mẽ khát vọng của mình. Lần thứ nhất năm 1986 để truất phế tổng thống Marcos, một nhà độc tài nổi tiếng tại Á châu được Hoa Kỳ ủng hộ suốt từ 1965.

Ông Estrada đã đắc cử tổng thống một cách vẻ vang năm 1998 nhờ được lòng quần chúng. Là một cựu diễn viên điện ảnh trong vòng 30 năm, ông đã năm lần được trao giải thưởng diễn viên điện ảnh xuất sắc. Ông đã được lòng quần chúng nhờ đóng những vai anh

hùng cướp tiền người giàu đem tặng người nghèo. Bản thân ông cũng thoát thân từ một gia đình nghèo nhưng ông đã vươn lên được trên chính trường, thành công trong vai thị trưởng thành phố San Juan trong 16 năm trời cho đến khi xảy ra cuộc cách mạng bất bạo động năm 1986 lật đổ cựu tổng thống Marcos. Sau đó, ông lại tranh được chức nghị sĩ và năm 1992 trở thành phó tổng thống dưới thời tổng thống Fidel Ramos. Từ khi đắc cử tổng thống năm 1998, ông mới để hiện rõ bộ mặt thật của một con người không có đạo đức, xu thời, bải bạc, rượu chè và có một cuộc sống thác loạn nhưng cũng rất mánh lới trong những giao du với các giới tài phiệt. Cuối cùng đến những "bạn nhậu" của ông như tỉnh trưởng Luis Singson cũng phải tố giác ông đã ăn hối lộ và biển thủ khoảng 12 triệu USD của những sòng bạc và tiền thuế trên thuốc lá. Công tố viên Phi Luật Tân buộc tội ông Estrada đã tích lũy một tài sản khổng lồ khoảng 63,5 triệu USD trong bảy chương mục ngân hàng, một trị giá lớn hơn gấp 100 lần trị giá tài sản mà ông đã khai là 690.000 USD. Tội biển thủ công quỹ ở tầm cỡ này, theo kiểm soát viên quốc hội, ông Desierto, có thể khiến bị can bị kết án tử hình.

Dân chúng Phi Luật Tân giờ đây mới ngỡ ngàng trước tình hình bi đát của nền kinh tế Phi Luật Tân với ngân sách quốc gia thâm thủng đến 2,8 tỷ USD năm 2000. Tân bộ trưởng tài chánh Alberto Romulo đã phải muốn khóc lên khi phát hiện số liệu này. Tân tổng thống Gloria Macapagal-Arroyo lo lắng nhận định rằng có lẽ chính phủ sẽ phải vay tiền để trả lương cho nhân viên. Là cựu phó tổng thống, bà Arroyo, con gái của cố tổng thống Macapagal, người đã cầm quyền từ năm 1961 đến năm 1965 trước tổng thống Marcos, là một nhân vật khác hẳn ông Estrada. Bà là người cẩn thận, cầu toàn, có học thức, tốt nghiệp tiến sĩ kinh tế vì mô. Nhưng dân chúng cũng đánh giá bà là một người có

những tính toán chính trị. Bà cũng thuộc giai cấp giàu có trong nước, trưởng thành trong nhung lụa. Trong thời gian làm phó tổng thống, bà đã âm thầm nhận nhiệm vụ đặc trách Bộ Xã hội và gây thanh thế bằng cách chăm lo giải quyết những vấn đề liên quan đến đời sống hàng ngày của quần chúng. Nhưng bà đã không tỏ ra có can đảm chống đối ra mặt ông Estrada. Từ nhiều thập niên, các chính trị gia Phi Luật Tân cũng chỉ là những người của thành phần trưởng giả tạo điều kiện cho nhau ngày càng giàu trong khi 60% dân chúng nghèo đói.

Nhiều người Phi Luật Tân phải tự đặt câu hỏi tại sao họ đã bầu cho một con người tồi dở và vô liêm sỉ như Joseph Estrada. Nghị sĩ Pimentel đã đi đến kết luận đau lòng rằng dân tộc Phi Luật Tân đã chỉ có người lãnh đạo tương xứng với trình độ tư tưởng của họ. Cả một tầng lớp tinh hoa của xã hội đã chỉ biết chạy theo vinh hoa phú quý quên đi mất tất cả những giá trị đạo đức tinh thần. Họ đã không màng tới quyền lợi quốc gia, tới quyền lợi của đại đa số quần chúng còn nghèo khổ.

Nhưng cái quần chúng nghèo khổ đó đã hai lần can trường, bất chấp hiểm nguy xuống đường đòi quyền sống khi những định chế xã hội không làm đầy đủ bổn phận và chức năng mà toàn dân đã giao phó. Họ đã đánh đổ được một lãnh tụ độc tài và một lãnh tụ thối nát. Đã đành hai lần họ đã được sự ủng hộ tích cực ban đầu của một số lãnh đạo công giáo và vào giờ phút chót của quân đội nhưng ý chí phấn đấu của họ phải là một gương sáng cho tất cả dân chúng các nước đang âm thầm chịu đựng những lãnh đạo tồi dở và thối nát. Họ cũng giống lên một tiếng chuông cảnh tỉnh đối với những người dân các nước nào còn quan niệm rằng trong một xã hội băng hoại mỗi người vẫn có thể tìm được giải pháp cho cá nhân mình.

Nguyễn Thành Nhân

Tiến trình hiện đại hóa Thái Lan

Diệp Tường Báo

Chúng ta cần phải cẩn thận nếu muốn đánh giá đúng đắn cuộc khủng hoảng chính trị đang diễn ra ở Thái Lan. Ngược với những gì người ta có thể tưởng, nó không đánh dấu sự trì trệ của nếp sống chính trị ở vương quốc này mà là một bằng chứng của sự tiến bộ dân chủ. Riêng nó, nguyên do của cuộc khủng hoảng cũng là một bước tiến của nền dân chủ Thái Lan. Hiến pháp 1997 cấm mua lá phiếu và bắt buộc các nhà chính trị phải khai tài sản của mình, cho thấy rằng người Thái Lan đã ý thức nhu cầu minh bạch trong nếp sống dân chủ. Vì đã "quên lãng" một phần tài sản của mình (15 trên 600 triệu Mỹ kim), ông Thaksin Shinawatra, có thể sẽ bị Tòa án Hiến pháp tước quyền công dân trong vòng năm năm mặc dầu đảng Người Thái Yêu Người Thái của ông đã chiếm được 256 ghế trên 500 qua cuộc bầu cử ngày 6-1-2001 vừa qua. Nhưng có sao đâu? Khác với chế độ tổng thống, chế độ đại nghị không gắn liền chức vị thủ tướng với một cá nhân mà chỉ dành nó cho người lãnh đạo phe đa số ở quốc hội. Người Thái Yêu Người Thái hoàn toàn có thể tuyền cử một nhận vật khác để thay thế ông Thaksin nếu quả thực ông này sẽ bị kết án. Mặt khác, việc truy tố người cầm đầu hành pháp cũng không phải là cái gì khủng khiếp lắm, nó có thể xảy ra ở những nền dân chủ vùng mạnh như và dù sao cũng còn hơn là việc bao che những nhà lãnh đạo hư hỏng. Chúng ta cần nhận rõ điều đó, cuộc khủng hoảng mà nước Thái Lan đang trải qua là một cuộc khủng hoảng chính trị chứ không phải là một cuộc khủng hoảng chế độ (binh biến) hay cả hiến pháp (vì nó sẽ được giải quyết bằng những phương pháp... hiến định). Nếu không sợ bị chỉ trích là lạc quan một cách ngoan cố, người ta còn có thể cho rằng đây là một cơ hội để người Thái Lan thử nghiệm những quan hệ mật thiết giữa dân chủ và nhà nước pháp trị và bước thêm một bước trên con đường hiện đại hóa, một lộ trình

được xây đắp cách đây hơn hai trăm năm.

Nền tảng văn hóa

Các sử gia thường gán cho vua Mongkut công ơn khởi xướng công cuộc canh tân Thái Lan nhưng nhìn xa hơn về quá khứ, ai nấy cũng có thể nhận thấy sự hiện diện của một số giá trị hiện đại trong xã hội Xiêm La hầu như có ngay từ thời lập quốc. Người ta có thể kiếm ra nhiều yếu tố để giải thích điều đó. Tội tử tống tất bằng một nhận định nghịch thường: vai trò năng động của cộng đồng người Hoa nhưng đồng thời sự xa cách đối với Trung Quốc. Yếu tố thứ hai đã có tác động giới hạn ảnh hưởng của nền văn minh Trung Quốc, đặc biệt là Khổng giáo. Khác với Việt Nam, cuộc "Nam tiến" của người Thái đã tạo sự đồng hóa lẫn nhau của các dân tộc chiến thắng và chiến bại, nền thống trị chính trị - quân sự của người Thái đi đôi với thắng lợi văn hóa và tôn giáo của các dân tộc bản xứ Môn và Khơ Me. Nhờ thế, những giá trị hiện đại của Phật giáo như lòng bao dung, tinh thần bình đẳng, tánh thực tế, đã phát huy một cách dễ dàng ở Xiêm La. Chúng ta sửa soạn cơ sở cho tiến trình hiện đại hóa bằng cách cởi mở đầu óc của người Xiêm đối với tất cả những gì mới lạ. Trong suốt lịch sử Xiêm La, các thủ đô đều là những nơi gặp gỡ, trao đổi và cư trú của nhiều dân tộc khác nhau, Ấn Độ, Ba Tư, Trung Hoa, Nhật Bản, Bồ Đào Nha, Pháp, Anh, Hòa Lan, v.v. Các vua chúa Xiêm La đã không bao giờ ngần ngại vận dụng khả năng của người ngoại quốc để khắc phục một số yếu kém của dân tộc mình, đặc biệt là sự thờ ơ đối với thương mại và mức sanh sản thấp. Huyền thoại Thái Lan miêu tả nước Xiêm La đầu tiên, Sukhotai (1238-1438), như một vương quốc phồn thịnh đến nỗi nhà vua không cần phải thu thuế nhưng các công trình nghiên cứu mới phủ nhận hình ảnh đó để kết luận rằng miễn thuế thiệt ra đã là một biện pháp giúp cho thương mại, và

đồng thời thu hút người ngoại quốc, đặc biệt là người Hoa. Nói tóm lại, yếu tố Phật giáo Tiểu Thừa đã tránh cho người Thái những đặc tính thủ cựu, giáo điều và phân biệt giai cấp của nền văn hóa Khổng-Mạnh trong khi đóng góp của những cộng đồng ngoại quốc, đặc biệt là người Hoa, đã cho phép người Thái Lan không rơi vào những thái độ thụ động của những xã hội Án hóa thuần túy.

Nước Thái Lan tiền hiện đại

Cũng như một số trường hợp khác, quá trình hiện đại hóa Xiêm La bắt nguồn từ một thảm họa trọng đại, cái loại tai biến chỉ để lại cho con người hai khả năng, hoặc là phục hưng bằng cách cải cách triệt để hoặc là tiêu vong vĩnh viễn. Vào năm 1767, cuộc chiến kéo dài từ hơn hai trăm năm trước giữa nước Xiêm và Miến Điện kết thúc bằng sự chinh phục thủ đô Ayutthaya bởi các đạo quân Miến Điện. Toàn thể cơ sở Ayutthaya bị giặc Miến Điện phá sạch, chúng đem đi tất cả những gì có thể cướp, của cải cũng như con người, và hủy hoại tất cả những gì còn lại, ruộng đất, nhà cửa cũng như tài liệu. Trong hoàn cảnh đó, tái thiết đất nước không chỉ là dựng lại một vài công trình mà là phục hồi toàn thể quốc gia trên những khía cạnh vật chất cũng như tâm lý, văn hóa, trí tuệ, pháp luật, kinh tế, chính trị, v.v. Đây là một công trình quá lớn để có thể được thực hiện bởi một người duy nhất. Viên gạch đầu tiên do vua Phya Taksin (1769-1777)*, một nhà quý tộc mẹ Thái, cha Hoa. Là một nhà lãnh đạo có bản lĩnh lớn kèm một nhà chiến lược quân sự xuất chúng, ông đã biết vận dụng cuộc tấn công Miến Điện bởi Trung Quốc và cuộc nổi dậy Tây Sơn ở Việt Nam để đánh đuổi ngoại xâm và thống nhất đất nước. Nước Xiêm La vào lúc đó gồm có nước Thái Lan và nước Lào bây giờ, phần tư phía Tây Căm Pu Chia và một số lãnh thổ miền Nam Miến Điện và miền Bắc Mã Lai Á. Nhưng nếu Phya Taksin là một nhà

"cách mạng" tài giỏi, ông lại là một chánh trị tồi dở. Vào năm 1777, ông bị một đám công thần sát hại và thay thế bởi tướng Thong Duan, một bạn chiến đấu từ thuở ấu và cũng là một người Thái lai Hoa. Thong Duan lấy niên hiệu Rama I và thành lập triều đại Chakti tồn tại tới bây giờ. Nước Xiêm dưới thời Rama I, Rama II và Rama III tập trung tất cả các cố gắng vào công trình tái thiết tài sản dân tộc trên bình diện vật chất cũng như tinh thần, văn hóa và chánh trị.

Vua Mongkut - Rama IV (1851-1868) lên ngôi vào lúc mà những mối đe dọa trên Xiêm La không còn là nước láng giềng mà là các cường quốc Tây phương. May mắn của người Xiêm là vua Mongkut là một người vừa thấm nhuần văn hóa dân tộc vừa am hiểu kiến thức Tây phương. Ông ý thức rất sớm rằng phương pháp duy nhất để ngăn chặn tham vọng bành trướng của các nước Tây phương là một mặt nhượng bộ, mặt khác, làm cho họ vô hiệu hóa lẫn nhau. Vào năm 1855, ông ký một hiệp ước mở cửa Xiêm La cho các hàng hóa Anh nhưng giới hạn được ảnh hưởng của đế quốc Anh bằng cách mở rộng quy chế này cho các cường quốc Âu châu khác. Song song, ông bắt đầu hiện đại hóa hạ tầng cơ sở và cải thiện các hệ thống tài chánh, pháp luật và công an của vương quốc. Để thực hiện các công trình này, Rama IV vận dụng chuyên gia của nhiều nước khác nhau, người Anh để canh tân tài chánh, người Đan Mạch để tổ chức lại cảnh sát, người Pháp và người Bỉ để tu chỉnh luật pháp, người Đức để xây dựng đường sắt và bưu điện, v.v. Vua Chulalongkorn - Rama V (1868-1910) tiếp tục chánh sách "đối cường" khéo léo của ông cha. Vào năm 1886, Anh và Pháp tuyên bố sẽ tôn trọng độc lập của "vùng thung lũng Chao Praya". Ngón từ biểu lộ những mưu đồ dai dẳng của Anh và Pháp. Điều đó thúc đẩy Xiêm La ký thêm một thỏa ước mật với London theo đó Anh hứa sẽ can thiệp nếu Xiêm La bị xâm chiếm. Mặc dầu tất cả những biện pháp ngoại giao đó, nước Xiêm cũng đã phải nhượng bộ rất nhiều lãnh thổ để giữ được độc lập, Căm Phu Chia và Lào cho Pháp, một số lãnh thổ miền Nam Miến Điện và miền Bắc Mã Lai

cho Anh và cả một tỉnh cho Trung Quốc, tổng cộng là gần một phần nửa đất nước. Về mặt đối nội, công lao chánh của vua Rama V là giải thể một số định chế lỗi thời, các chế độ nô lệ và lao dịch, hệ thống giáo dục và cấu trúc nội các hoàng gia.

Khuyết điểm nguyên thủy

Nhưng người ta sẽ lầm lớn nếu coi tiến trình hiện đại hóa của Thái Lan giống như Nhật Bản. Lý do không chỉ là khác biệt phát triển giữa hai nước vì đó chỉ là kết quả của một nguyên tố sâu hơn, đó là sự hình thành của một quốc gia mà dân chủ là thành phần cấu tạo. Đối với một nước độc lập và hòa bình từ lâu, dân chủ đã ra đời khá trễ ở Thái Lan. Người ta có thể tìm ra nguyên do bằng cách nghiên cứu bản chất của các tầng lớp xã hội Thái Lan theo cách phân tách của nhà sử học Jean Bæchler. Thành phần tinh hoa Thái Lan là tầng lớp tăng ni mà trình độ độc lập đối với chánh quyền ở giữa đẳng cấp võ sĩ Nhật Bản (mức cao) và đẳng cấp kẻ sĩ Trung Hoa (mức thấp). Về thành phần trung lưu, khác với Khổng giáo, đạo Phật tuy không đề cao nhưng cũng không kỳ thị thương mại và các vua chúa Xiêm La đã đủ sáng suốt để bù đắp sự thờ ơ của người Thái đối với nghề này bằng cách khuyến khích sự lập cư của người ngoại quốc, chủ yếu là người Hoa. Nhờ thế, nước Xiêm rất sớm có được một giai cấp trung lưu cởi mở (vì phần đông là những người đến từ phương xa) và độc lập (vì đó chính là một biện pháp thu hút). Từ thế kỷ thứ mười lăm, giai cấp thống trị Xiêm La không còn là các lãnh chúa mà là thành phần quý tộc hoàng gia, một điều bất lợi cho tiến trình dân chủ. Trên giấy tờ, dân gian gồm có người nô lệ và các tá điền nhưng trên thực tế, điều kiện sinh sống của hai thành phần này gần như giống nhau. Chủ điền đô hộ tá điền đến nỗi có quyền xâm mình để đánh dấu những kẻ làm việc cho họ. Thêm vào đó, còn có chế độ nô lệ vì nợ nần. Vào nửa thế kỷ thứ mười chín, thành phần nô lệ lên tới 1/3 dân số Xiêm La và 9/10 tại thủ đô Bangkok. Cách phân tách của Jean Bæchler tỏ ra xác đáng trong trường hợp Thái Lan. Thành phần chủ động của quá trình dân chủ hóa Thái Lan là

giai cấp tư sản với sự ủng hộ ngầm hay công khai của tầng lớp tăng ni. Đóng góp của các thành phần quý tộc và nông dân hầu như không có.

Nhìn dưới khía cạnh đó, vai tuồng minh chủ của các vua Mongkut và Chulalongkorn giống vua Friedrich II của nước Preussen hơn là hoàng đế Minh Trị Nhật Bản (một biểu tượng dùng để chánh thống hóa công cuộc cách mạng của các võ sĩ cấp tiến). Và một cách kỳ lạ, cũng như nước Đức, Thái Lan sẽ lâm vào những sai lầm của chủ nghĩa dân tộc duy cơ thể trước khi nhận ra những mối quan hệ mật thiết giữa cá nhân và công dân, dân chủ và quốc gia. Ý thức được rằng quốc gia là điều kiện không có không được để tiếp tục phát triển nhưng lầm lẫn chủ nghĩa quốc gia với chủ nghĩa dân tộc, vua Vajivarudh - Rama VI (1910-1925) lôi kéo Thái Lan vào con đường phát xít với tất cả những tệ nạn bài ngoại, bất dung tôn giáo và quân phiệt của nó. Tuy rằng triều đại Rama VI không tồn tại được hơn 15 năm nhưng nó đã gây cho Thái Lan bịnh quân phiệt một cách lâu dài. Vào năm 1932, chế độ quân chủ chuyên chế Thái Lan bị nhóm Đền xuống lật đổ. Lúc đầu, tổ chức này gồm có hai thành phần hầu như ngang nhau, cánh dân sự do ông Pridi Panomyong cầm đầu và cánh quân nhân do đại tá Plaek Phibunsongkhrum (1938-1945) chi phối nhưng một năm sau cuộc đảo chánh, thành phần thứ hai đánh đuổi thành phần thứ nhất ra khỏi chánh quyền. Từ đó đến cuối Đệ nhị Thế Chiến, dưới sự thống lãnh của "Phibun", nước Thái Lan đi theo đường lối phát xít thuần túy, bài Hoa một cách khắc nghiệt về mặt đối nội, liên Thái** và theo Nhật về mặt đối ngoại. Tuy thế, Thái Lan thoát khỏi được sự "trừng phạt" của đồng minh, một lần nữa, nhờ sự thực tế truyền thống của họ. Một tháng trước khi Thế Chiến Thứ hai chấm dứt, ông Phibun rút lui và nhường chỗ cho ông Pridi để được các quốc Tây phương chấp nhận hơn vì đã tổ chức kháng chiến chống Nhật. Sau ba năm "ở ẩn", ông Phibun trở lại chánh quyền (1948-1957) với sự ủng hộ của Huê Kỳ vì lập trường chống cộng cứng rắn của ông. Kể từ lúc đó đến 1975, tình thế Thái Lan có nhiều điểm chung với

miền Nam Việt Nam. Một nền phát triển dựa trên kinh tế thị trường và sự viện trợ của Mỹ. Một đời sống chánh trị có phần đa nguyên nhưng thường bị bọn quân phiệt dập tắt. Điều cần nhấn mạnh là cũng như tất cả các con "rồng" và "cọp" khác, Thái Lan đã phát triển được tuy có độc tài chứ không phải nhờ có độc tài như thỉnh thoảng được nghe, nếu có dân chủ, các nước này đã còn phát triển mạnh mẽ và bền vững hơn. Khác biệt lớn đối với Việt Nam là nền độc lập lâu đời của Thái Lan khiến cho phe cộng sản đã không bao giờ lợi dụng được chiêu bài quyết định đó. Một yếu tố phụ nhưng cũng không kém quan trọng là chế độ quân phiệt Thái Lan đã ít nhứt đủ khôn để cởi trói đời sống chánh trị vào những lúc mà áp lực cộng sản mạnh nhứt, nhờ thế mà một số lớn thanh niên Thái Lan đã ở lại để tranh đấu trên bình diện chánh trị thay vì đi theo hàng ngũ cộng sản. Đây là một bằng chứng thêm là dân chủ chẳng những không phải là một trở ngại mà còn là một phương tiện hữu hiệu nếu không nói là duy nhứt để ngăn chặn cộng sản.

Trên đường dân chủ

Kinh nghiệm dân chủ thực sự đầu tiên của Thái Lan xuất hiện vào năm 1973. Hiến pháp 1973 quy định một quốc hội được bầu và một thượng viện do nhà vua - tức chánh phủ - chỉ định. Đây là thành quả của phong trào sinh viên một năm trước đó. Từ 1973 đến 1976, đời sống chánh trị Thái Lan sôi nổi nhưng thắng lợi cộng sản tại Đông Dương đã là lý do để quân đội và các nhóm phát xít kết liễu nền dân chủ phôi thai. Tuy thế, cuộc "thí nghiệm dân chủ" 1973-1976 đã không vô ích. Người dân đã nếm hương vị tự do và tánh cách dân chủ dần dần trở thành một tiêu chuẩn không có không được cho sự chánh đáng của các chánh phủ tiếp theo. Ông Thanin Kravichien - một thành phần dân sự - áp đặt chế độ khắc nghiệt nhứt của lịch sử Thái Lan nhưng nó không trụ được lâu và cũng là ách độc tài tuyệt đối cuối cùng mà người Thái Lan phải chịu. Một năm sau, ông Thanin bị chính nhóm quân nhân đã đưa ông "lên ngôi" lật đổ và thay thế bởi tướng Kriangsak Chamanan. So với ông Thanin, chế độ của ông Kriangsak

cởi mở hơn, báo chí bớt bị kiểm duyệt, các đảng phái được phép sinh hoạt và một hiến pháp mới được ban hành. Tuy nhiên, vào năm 1980, những khó khăn do cuộc khủng hoảng năng lượng làm cho nội các Kriangsak bị lật đổ. Tân thủ tướng Prem Tinasulanon tiếp tục công trình dân chủ hóa Thái Lan. Ông được tái cử hai lần qua những cuộc bầu cử tự do và trở thành thủ tướng ổn định nhứt từ thời Phibun. Đó cũng là thời kỳ phát triển mạnh của Thái Lan với những tỷ lệ tăng trưởng lên tới 13% mỗi năm. Ý muốn chia sẻ những thành quả kinh tế khiến cho dân chúng tuyển chọn "phía tả" do tướng Chatichai Chhunhawan vào cuộc bầu cử 1988.

Tuy có nhiều tiến bộ nhưng nền dân chủ Thái Lan vẫn còn mang nặng một số khuyết điểm chánh yếu. Một trong những vấn đề là nạn mua chuộc quyền thế. Đây là hiện thân tân tiến của mối quan hệ cổ điển giữa địa chủ và tá điền. Từ khi Thái Lan bước vào thời đại kỹ nghệ, giới kinh doanh dần dần lấy lại vai trò bảo hộ của của các điền chủ. Tiền bạc, địa vị, công ăn việc làm là những phương tiện để tranh thủ hậu thuẫn quần chúng và từ đó, chỗ đứng trong các đảng phái. Trong hoàn cảnh đó, người ta không nên ngạc nhiên nếu ưu tư đầu tiên của phần lớn các chánh trị gia Thái Lan là kinh tài các vốn "đầu tư" trong cuộc vận động bầu cử hơn là chăm lo việc nước. Vào năm 1991, quân đội viện cớ tham nhũng để cố thủ lấy lại quyền hành. Nhưng độc đoán không còn chỗ đứng ở Thái Lan nữa. Một năm sau cuộc đảo chánh, phe đối lập thắng cuộc bầu cử mà chánh quyền đã phải tổ chức để chánh đáng hóa chế độ mới. Lúc đầu, chánh quyền quân phiệt dự tính qua mặt kết quả của cuộc bầu cử nhưng sau nhiều cuộc xung đột đẫm máu với sinh viên, tướng Suchinda Krapayoon đành phải từ chức để có một cuộc bầu cử mới. Phe về đầu là một liên minh gồm có bốn đảng do ông Chuan Leekpai, cầm đầu. Ông cai trị được ba năm nhưng đã phải giải tán quốc hội vào năm 1995 khi Đảng Dân chủ của ông bị kết tội tham nhũng. Thủ tướng kế tiếp là ông Banharn Silpa-Archa, tổng thư ký đảng Quốc gia Thái. Sau một năm cai trị, ông bị quốc hội bất tín nhiệm. Chánh đảng về đầu cuộc bầu cử

được tổ chức sau đó là đảng Khát vọng Mới do tướng Chavalit Yongchaiyudh thành lập và lãnh đạo. Ông này không cai trị được hơn một năm thì bị cuộc khủng hoảng tài chánh 1997 cuốn đi. Cuộc bầu cử tiếp theo đưa ông Chuan Leekpai trở lại chánh quyền. Bốn năm sau, với những chủ trương gần gũi với dân chúng hay mị dân, tùy theo cách nhìn, - gia hạn thanh toán các món nợ nông nghiệp, trợ cấp cho khu vực tài chánh và thôn quê -, lần đầu tiên trong lịch sử của nền dân chủ Thái Lan, một chánh đảng duy nhứt chiếm được đa số tuyệt đối ở quốc hội.

Vì nó là một trường hợp trung bình, không hẳn ưu tú nhưng cũng không quá tồi dở, Thái Lan phơi bày nhiều khía cạnh và cho phép chúng ta để nhận một số định luật. Bài học thứ nhứt là nếu sự sáng suốt của các nhà vua giúp cho tiến trình hiện đại hóa, "minh chủ" không bao giờ là một giải pháp. Sớm hay muộn, sớm tốt hơn là muộn, cũng cần phải có một quốc gia, hiểu như những người chia sẻ một tương lai chung. Bài học thứ hai là nếu dân chủ là điều kiện cần thiết cho sự phát triển bền vững và lâu dài, nó cũng là trạm đường bắt buộc của mọi tiến trình phát triển. Trong những trường hợp mà nó đã không là nền tảng của sự phát triển, dân chủ luôn luôn trở thành mục tiêu tranh đấu hàng đầu của chính những thành phần trung lưu thừa hưởng sự phát triển vì đó là điều kiện không có không được để duy trì sự phát triển. Hiện tượng này đã xảy ra tại tất cả các nước phát triển gần đây, Đại Hàn, Đài Loan, Thái Lan, Nam Dương, v.v. Nó cũng sẽ xảy ra ở Việt Nam. Vấn đề là chúng ta sống trong một thế giới ngày càng liên lập và cạnh tranh trong đó câu hỏi đặt ra cho mọi dân tộc không chỉ là phát triển hay không mà là phát triển với vận tốc nào so với những quốc gia khác. Đó là những lý do cho phép người dân chủ Việt Nam tin tưởng ở sự cần thiết của cuộc tranh đấu của mình cũng như thắng lợi cuối cùng của dân chủ.

Diệp Tường Báo

* Thời gian cai trị

** Phibun đổi tên nước Xiêm thành "Muang Thai", tiếng Anh gọi là "Thailand", tức "nước của người Thái"

Vấn đề chánh trị trong việc khai thác sông Mê Kông

LTS : Sau đây là bài thuyết trình của ông Nguyễn Hữu Chung trong hội nghị về sông Mê Kông tổ chức ở California vào ngày 18-11-2000

Lưu vực sông Mê Kông, vào lúc Ủy ban Mê Kông (UBMK) được thành lập vào năm 1957 là một vùng đất đầy bất ổn và xung đột. Lúc đó Việt Nam vừa bị chia đôi bởi hiệp định Genève và các nước trong vùng bắt đầu tham gia vào cuộc chiến tranh lạnh, xếp hàng theo 2 khối Hoa Kỳ và Liên Xô. Cam Bốt là một nước trung lập nhưng lại đang chống cả Việt Nam lẫn Thái Lan. Trong một hoàn cảnh như vậy, sao lại có chuyện thành lập ủy ban này để vận động xây những đập thủy điện trên sông Mê Kông? Chiêu bài là phát triển để chung sống hòa bình và UBMK được Liên hiệp Quốc (LHQ) bảo trợ, với người tổng thư ký của ủy ban do Cơ quan Phát triển LHQ cung cấp, nhưng thật ra chính là vì Thái Lan cần nhiều điện nên muốn đẩy mạnh việc khai thác thủy điện trên sông Mê Kông và các phụ lưu. Khi đó người ta đã lượng định quá thấp những phức tạp chánh trị của bán đảo Đông Dương và lượng định quá cao sức mạnh của tiền bạc. Rồi UBMK đã thất bại hoàn toàn, không đạt được một kết quả nào trong thời gian từ 1957 đến 1975. Đến năm 1975, khi phe cộng sản thắng cuộc chiến trong vùng thì UBMK ngưng hoạt động.

UBMK phải ngưng hoạt động vì những chế độ chánh trị mới ở Việt Nam, Lào và Cam Bốt đều là cộng sản và thù nghịch với Thái Lan, một đồng minh của Hoa Kỳ trong cuộc chiến. Nhưng trước tình hình chánh trị mới trong vùng, Thái Lan đã phản ứng rất nhanh, đã làm ra vẻ tách xa Hoa Kỳ, đóng cửa các căn cứ quân sự Hoa Kỳ ở Thái và hòa điệu với Trung Quốc cũng như với Việt Nam. Thái Lan thấy có khả năng khai thác thủy điện trên sông Mê Kông nếu có sự thỏa hiệp của Việt Nam. Họ ắt biết rõ thế chánh trị của Việt Nam trên nước Lào. Họ không tìm sự thỏa hiệp của Cam Bốt (với Khmer đỏ), một điều

không thể có được và cũng không cần lắm. Chính vì vậy mà UBMK đã được tái sinh năm 1978 dưới danh nghĩa một ủy ban lâm thời, gồm có Thái Lan, Việt Nam và Lào, không có sự tham dự của Cam Bốt.

Qua năm sau, 1979, Việt Nam tấn công và chiếm đóng Cam Bốt. Trung Quốc tấn công Việt Nam để trả đũa cho Polpốt. Bán đảo Đông dương lại chìm trong khói lửa. Cuộc chiến của Việt Nam ở Cam Bốt kéo dài 10 năm, trong thời gian đó Việt Nam bị cả thế giới lên án, vì vậy trong thời gian này ủy ban lâm thời Mê Kông không có hoạt động nào cả. Năm 1989, Việt Nam rút quân khỏi Cam Bốt. Tuy rút quân nhưng Việt Nam vẫn tiếp tục có khả năng kiểm soát chánh trị ở Cam Bốt vì ở đây đã có một chánh phủ thân Việt Nam. Nhờ vậy mà 3 năm sau, 1992, Cam Bốt lại tham gia vào UBMK, ủy ban này được tái lập nguyên vị và đã đổi tên từ Mekong River Committee thành Mekong River Commission. Ba năm sau, 1995, Thỏa ước Mê Kông (TUMK) được ký kết.

Đó là quá trình hình thành của TUMK 1995 song song với những diễn biến chánh trị trong vùng. Cũng cần lưu ý một điểm là trong suốt thời gian hoạt động này, UBMK không hề công bố bất cứ một tài liệu khoa học nào, ra một thông cáo nào về chương trình hoạt động của ủy ban và không một ai trong giới khoa học hay truyền thông có thể lấy một dữ kiện hoặc tin tức nào từ ủy ban. Tính cách bí mật của những cuộc thương thảo, việc vội vã tái tham gia UBMK của Cam Bốt năm 1992 khi nước này vẫn còn nội chiến cũng như việc TUMK được ký kết nhanh chóng như vậy làm cho người ta nghĩ rằng đã có những vận động chánh trị ráo riệt trong quá trình hình thành thỏa ước, chứ không phải chỉ là những thương thảo kỹ thuật hay kinh tế. Chúng ta có thể thấy

rằng các nhà lãnh đạo Thái Lan lúc nào cũng cố gắng vượt qua những khó khăn chánh trị trong vùng, vượt qua những bức tường chủ nghĩa để thực hiện những kế hoạch quốc gia của họ. Đó là sự khôn khéo cổ truyền của nền ngoại giao Thái trong hơn một thế kỷ qua.

Thỏa ước Mê Kông 1995 không phải là một thỏa ước hợp tác kỹ thuật giữa 4 nước ven sông vì nó không hề đề cập gì đến các khía cạnh kỹ thuật của việc khai thác thủy điện, mà chỉ là một sự thỏa thuận để ai muốn làm gì thì làm. Thỏa ước chỉ có lợi cho 2 nước thượng nguồn là Lào (nước sản xuất điện) và Thái Lan (nước tiêu thụ điện). Nó là một sự bất lợi cho 2 nước Việt Nam và Cam Bốt, vì ở phía hạ lưu nên phải chịu tất cả những hậu quả tai hại do các đập thủy điện gây ra. Trong cuộc hội thảo vào tháng 5 năm 1999 do Mekong Forum và Vietnamese-American Sciences and Technologies Association (VAST) tổ chức cùng tại thành phố này, chúng tôi đã phân tích TUMK 1995 và so sánh nó với "Quy ước Quốc tế (QUQT) về việc xử dụng các con sông ngoài mục đích giao thông" do LHQ ban hành. QUQT được ủy ban luật pháp LHQ đệ trình lên Đại hội đồng năm 1994, sau 20 năm soạn thảo, tham khảo và tu chính, và Đại hội đồng LHQ đã ban hành vào năm 1997. Trên nguyên tắc bình đẳng và tôn trọng nhau giữa các quốc gia, TUMK so với QUQT của LHQ là một thỏa ước vô cùng thiếu sót và chắc chắn sẽ là nguồn gốc của những tranh chấp trong vùng về việc xử dụng nước và làm thay đổi môi trường. Chúng tôi thấy rằng UBMK đã vận động ký thỏa ước này trước khi Đại hội đồng LHQ ban hành QUQT để đi một bước trước LHQ, làm cho QUQT không được áp dụng trong vùng Mê Kông. Chúng tôi thấy rằng hành động này là một sự phản bội hai dân tộc Việt Nam và Cam Bốt.

Thỏa ước Mê Kông 1995 sẽ gây ra những gì cho 20 triệu người dân ở đồng bằng sông Cửu long nói riêng và 70 triệu người Việt Nam nói chung? Viễn ảnh là đối khổ và tranh chấp. Trận lụt vừa xảy ra cho chúng ta thấy một cách sơ khởi về tầm vóc của những tai ương mà dòng sông này có thể mang đến, nếu người ta không hiểu biết nó và làm đi hại đến nó. Ngoài vấn đề khí tượng là mưa nhiều, có những nguyên nhân khác như việc phá rừng mãnh liệt trong cả ba xứ Việt Nam, Lào và Cam Bốt, những công tác thủy điện của Lào và Trung Quốc, và những công tác thủy lợi do chánh quyền Việt Nam thực hiện bừa bãi làm nước sông không thoát nhanh ra biển được khi có lụt. Không ai biết tai ương sẽ như thế nào nếu tất cả 7 dự án thủy điện ở Trung Quốc, 50 ở Lào và 9 trên dòng chánh của sông Mê Kông được thực hiện. Cũng không ai hiểu vì sao Việt Nam đã ký thỏa ước 1995. Có rất nhiều giả thuyết nhưng tôi không muốn nêu ra hết, sợ mang tội bất kính đối với những nhà khoa học Việt Nam. Tôi chỉ xin nêu ra đây một vài lý do chánh trị có thể có:

- Chính Việt Nam cũng không muốn bị ràng buộc gì cả khi thực hiện các công trình thủy điện của Việt Nam trên các phụ lưu của sông Mê Kông như các đập Yali, Sesan3, Sesan4 v.v... Nhưng chuyện này nhỏ vì Việt Nam chỉ có vài ba đập nước;

- Có thể đã có thỏa hiệp để Thái Lan ngưng ủng hộ Khmer đỏ và những phe võ trang khác trong cuộc chiến nhắm lật đổ chánh phủ thân Việt Nam ở Phnom Penh;

- Việt Nam nghĩ rằng họ đang có khả năng kiểm soát chánh trị trên toàn thể bán đảo Đông Dương, vì vậy họ có khả năng ngăn chặn các công trình trên sông Mê Kông nếu họ không muốn;

Nếu như vậy, theo ý tôi, thì Việt Nam đã phạm một lỗi lầm vì đã lượng định quá thấp những khả năng biến chuyển chánh trị trong vùng. Lịch sử không ngưng lại ở năm 1995 hay năm 2000. Việc toàn cầu hóa kinh tế và thông tin sẽ làm cho các dân tộc nhược tiểu dần dần có chỗ đứng, có tiếng nói và có tự chủ. Lào không còn là một quốc gia bị bỏ quên bởi thế giới. Không kể những người Tây phương đang nườm

nướp ra vào để viện trợ và đầu tư trong ngành thủy điện, các cường quốc trong vùng đều đang để ý đến Lào. Hôm cuối tháng 10 đã diễn ra ở Vientiane hội nghị của "trục Hằng Hà - Cửu Long" (Grange-Mekong axis) mà nước khởi xướng là Ấn độ, với thâm ý ngăn chặn ảnh hưởng Trung Quốc trong vùng hạ lưu Mê Kông. Từ lâu, Trung Quốc đã âm thầm tạo ảnh hưởng lớn ở Lào. Gần đây, theo các nhà ngoại giao Tây phương thì Việt Nam đã phải đem quân qua Lào để củng cố vị thế của phe thân Việt Nam khi phe thân Trung Quốc bắt đầu có lợi thế (Việt Nam nói là để giúp Lào chống lại phiến loạn Hmong). Những vụ nổ bom ở thủ đô Vientiane nhằm chống Việt Nam vẫn còn đang tiếp diễn (lần chót cách nay chỉ có vài tuần lễ). Về phần Thái Lan thì nước này có một liên hệ truyền thống với Lào và trên phương diện văn hóa thì người Lào và người Thái gần như anh em, trong khi người Lào và người Việt Nam không có cùng một tập quán nào cả. Chắc chắn Thái Lan không từ bỏ tham vọng ảnh hưởng trên nước Lào vì trên thực tế hầu hết tiềm năng thủy điện trên lưu vực Mê Kông đều nằm trong lãnh thổ Lào (8 đập trên dòng chánh và 50 đập trên các phụ lưu). Từ 25 năm qua, Việt Nam thật sự có ảnh hưởng lớn ở Lào. Ảnh hưởng này có được nhờ cuộc chiến đấu chung chống Pháp và chống Mỹ của 2 đảng Cộng sản anh em (vốn là một: đảng Cộng sản Đông dương). Nhưng chủ nghĩa cộng sản đã đi theo các lãnh tụ già lên thiên đàng, để lại những người trẻ bơ vơ không có định hướng và cũng không có nhiều hành diện về cuộc chiến mà mình không có tham dự. Rồi nhiều người đã và sẽ đến gặp họ, nói cho họ nghe về đủ mọi chuyện, nhất là chuyện quyền lợi của dân họ, Việt Nam khó mà giữ mãi ảnh hưởng. Trong viễn ảnh đó, Việt Nam sẽ không thể mãi mãi đóng quân ở Lào để giữ ảnh hưởng chánh trị của mình. Khi Việt Nam không còn khả năng kiểm soát chánh trị trên Lào và nếu Thái-Lào muốn làm gì thì làm trên lưu vực sông Mê Kông như thỏa ước 1995 đã cho phép thì môi trường đồng bằng sông Cửu long sẽ phải chịu nhiều thảm họa.

Thỏa ước Mê Kông 1995 sẽ tạo nên nhiều viễn tượng đen tối trong vùng.

Viễn tượng nguy hiểm mà tôi nêu ra không phải xa xôi gì cả. Nó đã bắt đầu xảy ra. Việc không có nghiên cứu ảnh hưởng xấu trên môi trường khi phát họa đồ án, không dự liệu những tác hại khi điều hành nhà máy, hoặc không có thiết kế những kế hoạch bảo vệ an toàn cho dân chúng đã đưa tới cái chết của nhiều người dân Cam Bốt ở hạ lưu của đập Yali khi đập này xả nước. Lý do là vì thiết kế các đập nước và các hồ chứa mà không có nghiên cứu thận trọng về các hiện tượng thủy học cũng như việc điều hành thiếu thận trọng các hồ nước khiến, khi có mưa nhiều, người ta phải xả nước khẩn cấp nếu không các đập nước sẽ bị bể. Việc đập bị bể hay việc xả nước khẩn cấp sẽ gây ra những đợt sóng với tốc lực rất lớn làm lật chìm tàu bè và làm ngập lụt nhiều vùng đất ven sông, một điều mà những người trong ngành thủy điện đều biết. Sau vụ tai nạn do đập Yali gây ra, không thấy có báo cáo khoa học nào của phía Việt Nam hay của UBМК để trình bày những dữ kiện thủy học và thủy động học và đề nghị những biện pháp an toàn trong tương lai. Chỉ nghe toàn những lời tuyên bố lảm cẩm của những viên chức Việt Nam, Cam Bốt và của cả UBМК. Có người dám hồ đồ nói rằng tại vì nơi đó không có điện thoại nên không có cách nào báo động dân chúng nên phải chịu vậy (và việc họ chết là một việc... không thể tránh). Gần đây nhất, theo sự suy đoán của nhiều người, chính việc xả nước từ các đập của Trung Quốc và của Lào đã làm cho nạn lụt ở đồng bằng sông Cửu long thêm trầm trọng, chứ không phải chỉ vì mưa nhiều ngay trên đồng bằng như các đài phát thanh đả nôi. Bởi vì chẳng những đồng bằng sông Cửu long bị lụt mà những vùng đất ven sông Mê Kông ở Thái Lan và Lào cũng đã bị lụt nặng.

Lưu vực Mê Kông là một vùng rừng rú nên ngay trong lãnh vực thủy điện người ta cũng hành động một cách tùy tiện. Về phía Trung Quốc, cho tới nay, Trung Quốc không hề cho ai biết những chi tiết kỹ thuật về các đập nước của họ trên sông Mê Kông, biết những đặc tính thủy học của khúc sông này, và phương cách điều hành các hồ nước của họ. Trên một con sông quốc tế, những chi tiết này phải được các nước cùng chia sẻ con sông biết rõ và chấp thuận.

Ông kỹ sư Tyson Roberts, sau khi đi viếng những vùng bị lụt ở Cam Bốt có gửi điện thư hỏi Trung Quốc về việc xả nước từ các đập nước của họ thì không được trả lời. Ông này vào trụ sở của UBMK ở Phnom Penh để hỏi thì họ bảo không biết gì về chuyện này. (theo điện thư từ Cam Bốt của kỹ sư Tyson Roberts gửi Australian Mekong Research Network). Chúng tôi có thấy đồ biểu về sự biến chuyển của mực nước sông Mê Kông nơi biên giới Trung Quốc trong năm 2000 và nhận thấy có nhiều sự nhảy vọt của mực nước vào tháng 8 và tháng 9, nhưng chúng tôi không thể có một kết luận vì phải có những dữ kiện của nhiều năm trước khi Trung Quốc xây đập để so sánh hầu biết rằng đây là một hiện tượng thiên nhiên hay nhân tạo. Đối với các đập nước của Lào thì cũng vậy, UBMK nói không biết gì cả. Về phía Việt Nam, Việt Nam đang có dự án xây thêm một đập khác cách đập Yali khoảng 20 km về phía hạ lưu. Ngân hàng Phát Triển Á Châu (NHPTAC) đã hứa cho Việt Nam vay 60 triệu US\$. Sau vụ tai nạn Yali, ngân hàng này đã vô cùng bối rối và đã rút lời hứa, không cho vay nữa, lấy cớ rằng họ đã yêu cầu Việt Nam nghiên cứu thêm về tác hại trên môi trường nhưng Việt Nam đã từ chối. Điều này đã nói lên tính chất cẩu thả lâu nay của NHPTAC, đợi đến khi có tai nạn chết người rồi mới yêu cầu nghiên cứu trong khi trên nguyên tắc họ phải yêu cầu nghiên cứu trước đây đủ những tác hại của đập nước rồi mới chấp thuận cho vay. Dĩ nhiên là Việt Nam đã từ chối việc nghiên cứu thêm, vì nếu làm như vậy thì sẽ phơi bày những tác hại của dự án. Cho tới nay, Trung Quốc, Việt Nam, Thái Lan và Lào, ai muốn làm gì thì làm, hậu quả ra sao không cần biết. Đó là tinh thần bang giao quốc tế trong việc khai thác sông Mê Kông, một tinh thần do UBMK chủ trương từ 43 năm nay.

Nhưng gần đây cũng có một vài tin đáng mừng. Vào tháng 10 vừa qua, NGPTAC có công bố một tài liệu mang tên là "Strategic environmental framework for the Greater Mekong Subregion", tạm dịch là "Sách lược môi sinh cho vùng Mê Kông". Đây là một tài liệu nằm trong chương trình yểm trợ kỹ thuật của ngân hàng trong việc phát

triển vùng. Việc này cho thấy NGPTAC đã bắt đầu giác ngộ trong vấn đề bảo vệ môi trường, thay vì chỉ biết nhìn các khía cạnh kinh tế nhất thời của những dự án khi cho vay, như trước đây. Thái độ mới của NGPTAC quan trọng ở chỗ ngân hàng này hiện nay là người đỡ đầu của UBMK và là nguồn tài trợ chánh của những dự án lớn trong vùng Mê Kông. Cùng trong nhịp điệu đó, ngày 25 tháng 10 vừa qua, UBMK đã ra một thông cáo về sự chuyển hướng lịch sử của họ (chữ họ dùng là historical turning point) để đi theo một hướng đi mới (a new course, chữ của họ). Sở dĩ có chuyện này là vì 11 quốc gia và tổ chức quốc tế đang tài trợ cho ủy ban như WB, ADB, UNDP, ESCAPE v.v... đã đòi hỏi sự chuyển hướng. Thông cáo nói rằng "Hoạt động của ủy ban nhằm vào việc phát triển bền vững và sẽ không làm đi hại đến thế thăng bằng mong manh của môi trường Mê Kông. Hoạt động chánh sẽ nhằm vào việc quản lý nguồn nước, một yếu tố tối quan trọng trong tương lai, và điều này cần sự hợp tác giữa các quốc gia của sông Mê Kông. Trong vòng 25 năm nữa, dân chúng trong lưu vực sẽ tăng thêm 50% và nhu cầu thực phẩm cũng sẽ tăng như vậy. Vì vậy, việc bảo vệ môi trường là khẩn thiết. Hơn nữa, ngăn ngừa những xung đột tương lai trong việc sử dụng nước sông sẽ là ưu tiên số một của ủy ban". Thông cáo này là một ngạc nhiên thích thú đối với chúng tôi, vì những gì họ nói chính là những điều mà chúng tôi, Mekong Forum, đã kêu gào từ nhiều năm qua. Người ta bắt đầu hiểu rằng Mê Kông là nguồn thực phẩm duy nhất của dân chúng trong vùng và việc sử dụng nước sông sẽ là nguyên nhân cho những xung đột. Để thực hiện việc chuyển hướng này, UBMK đã công bố chương trình hoạt động năm 2001, theo đó sinh hoạt xưa nay dựa trên những dự án (oriented project) được thay thế bằng sinh hoạt theo chương trình (oriented programme) và họ đưa ra 9 chương trình để nghiên cứu và quản lý con sông. Theo các chương trình này thì việc nghiên cứu để bảo vệ môi trường và phát triển những tài nguyên thiên nhiên vô giá của con sông sẽ được đặt lên hàng đầu thay vì chỉ lo việc xây nhà máy thủy điện như trước đây. Như vậy là UBMK đã thú

nhận những sai lầm của họ. Điều này đã biện minh cho những ai đã chỉ trích ủy ban này trong quá khứ là chính đáng. Mekong Forum và VAST đã góp phần vào công tác này trong nhiều năm qua, đặc biệt là tổ chức hội thảo năm 1999 và sau đó đã xuất bản một bạch thư về những vấn đề của sông Mê Kông, phổ biến hằng ngàn bản khắp thế giới.

Nhưng sự chuyển hướng của UBMK có đem lại sự hòa hợp trong mối bang giao của các dân tộc trong lưu vực Mê Kông hay không (tôi nhấn mạnh là tôi muốn nói các dân tộc chứ không phải giữa các chánh phủ), và sự hòa hợp giữa con người khai thác và môi trường hay không là một vấn đề cần phải chờ xem. Lý do là vì cái thỏa ước 1995 vẫn còn đó để 4 nước Việt Nam, Lào, Thái Lan, Cam Bốt có thể dựa trên nó để muốn làm gì thì làm; và vì Trung Quốc vẫn tiếp tục chánh sách "không cần biết tới ai" trong việc xây đập ở Vân Nam. Chúng tôi có chút hy vọng nhưng chúng tôi không lạc quan. Trong tinh thần xây dựng và đặt hy vọng vào sự chuyển hướng thật sự của UBMK, chúng tôi đề nghị 3 việc làm cụ thể sau đây:

Chúng tôi đề nghị UBMK soạn thảo một "khôn mẫu nghiên cứu môi sinh cho những dự án" (Framework for Environmental Impact Assessment) để áp dụng cho các dự án thủy điện và thủy lợi trong lưu vực. Theo khôn mẫu này, nếu một dự án có những tác hại lớn thì phải có những phương cách giảm thiểu (mitigation) tới mức chấp nhận được mới được thực hiện. Khôn này phải được 4 quốc gia thành viên chấp thuận để theo đó mà thi hành. Mục đích của cái khôn này là để lành mạnh hóa TUMK 1995 hầu tránh những xung đột, theo tinh thần của QUQT do LHQ ban hành.

Chúng tôi đề nghị rằng, với đường hướng mới, hoạt động tương lai của UBMK sẽ trong sáng và UB sẽ mở tất cả các hồ sơ cho mọi người tham khảo.

Chúng tôi đề nghị UBMK vận động để Trung Quốc tham gia ủy ban. Nếu không được, ủy ban phải liên hệ với Trung Quốc để thương thảo với Trung Quốc về việc tôn trọng môi trường trong việc thiết kế các dự án của Trung Quốc cũng như việc điều hành các hồ

nước và các nhà máy. Dĩ nhiên là ủy ban phải vận động để Trung Quốc cung cấp tất cả những dữ kiện thủy điện của họ trên sông Mê Kông cũng như ủy ban phải theo dõi việc điều hành lưu lượng của các nhà máy Trung Quốc.

Đối với UBMK và các nước trong vùng, Mekong Forum, với những thành viên ở Hoa Kỳ, Gia Nã Đại và Pháp là chuyên viên trong các ngành thủy học (hydrology), thủy lực (hydraulics), thủy động học (hydrodynamics), thủy môi sinh (environmental hydraulics) địa chất (geology), cơ học đất và đá (soil and rock mechanics), sinh học (biology) v.v..., chúng tôi sẵn sàng cộng tác trong việc nghiên cứu để bảo vệ môi trường sông Mê Kông.

Về phía người Việt Nam, chúng tôi thấy rằng dân tộc Việt Nam đã sống hết chiều dài lịch sử của mình trong chiến tranh. Chúng tôi ước mong rằng bắt đầu từ nay chiến tranh không còn là đầu đề của lịch sử Việt Nam. Đã đến lúc dân tộc Việt Nam phải có một đời sống bình an, sống chẳng những trong sự phồn thịnh về kinh tế, mà còn trong sự phồn thịnh về tinh thần, sống trong sự trung thực, biết kính trọng mọi người và được mọi người kính trọng. Trong khuôn khổ của những công trình thủy điện như đập Yali, chúng tôi đề nghị Việt Nam thiết lập một hệ thống báo động để thông báo cho dân chúng ven sông khi phải xả nước. Cũng cần thiết lập một chương trình điều hành hồ nước để vào mùa mưa khi xả nước thì có thể xả từ từ, và vào mùa khô giữ một lưu lượng tối thiểu (ecological flow) để bảo tồn sự sống nơi vùng hạ lưu. Cũng nên chấp nhận rằng việc không có nghiên cứu về môi sinh trong vùng hạ lưu của các đập nước (trên lãnh thổ Cam Bốt) là một thiếu sót, cũng như Trung Quốc đã thiếu sót vậy.

Nhân dịp này, chúng tôi xin cảm ơn các cơ quan quốc tế đã cho chúng tôi nhiều tài liệu và thông tin như IRN-Hoa Kỳ, AIDWATCH-Úc, Australian Mekong Research Network của Australian National University, PROBE-Gia Nã Đại, TERRA-Thái Lan, v.v.

Nguyễn Hữu Chung

Tài liệu mật về Thiên An Môn

Nguyễn Phi Phụng

Vào đầu năm 2001, ông Trương Lương (Zhang Liang), bí danh của một đảng viên cao cấp Đảng Cộng sản Trung Quốc đưa ra ngoài nước một bản tường thuật ngoài 500 trang của những cuộc thảo luận giữa các thành viên thường vụ bộ chính trị đương thời và giữa những bộ lão bảo thủ từ giữa tháng 4 đến đầu tháng 6-1989 trong sự kiện Thiên An Môn. Bản tường thuật này được dịch ra Anh ngữ và in thành sách và được hai giáo sư chuyên về Hán học ông Andrew J. Nathan của đại học Columbia và ông Perry Link của đại học Princeton duyệt ý. Một bản tóm lược 17 trang sau đó được tạp chí Foreign Affairs Mỹ đưa lên mạng lưới Web và được báo chí trên thế giới trích dẫn và đăng tải. Nhưng có lẽ giới báo chí Hoa ngữ đang tải đầy đủ nhất vì nguồn tư liệu là tiếng Hán và vì sự kiện nói trên có liên hệ đến tương lai vận mạng của họ. Do đó, bản tường thuật của ngày 21 và ngày 27-5 được chép lại rất tỉ mỉ, theo đó 8 bộ lão mà đa số không còn chức vụ chính thức đã áp đặt, trái với điều lệ của Đảng, ông Giang Trạch Dân ở chức tổng bí thư Đảng. Họ Giang, như theo bản tường thuật, được xem là người để bảo.

Trước khi bình luận về văn kiện nói trên cũng như ý đồ của những người đưa ra văn kiện vào lúc này, chúng tôi thiết nghĩ cần phải tóm lược bối cảnh đương thời cũng như kiểm điểm lại những nhân vật có trách nhiệm trong việc đàn áp đẫm máu sinh viên và học sinh.

Bối cảnh chính trị trước sự kiện Thiên An Môn

Đại hội lần thứ 13 được tổ chức trong tháng 10-1987 sau khi tổng bí thư Hồ Diệu Bang (Hu Yao Bang) bị nhóm bảo thủ cách chức vào đầu tháng giêng 1987 vì bị lên án quá yếu kém trước sự đòi hỏi tự do dân chủ của sinh viên học sinh và trí thức "trưởng giả". Hai nhân vật đầu não Đặng Tiểu Bình và Trần Vân (Chen Yun) ra khỏi thường vụ bộ chính trị và ban chấp hành trung ương Đảng,

nhưng ông Đặng còn tiếp tục giữ chức chủ tịch ban quân ủy trung ương và họ Trần chủ tịch ban cố vấn. Ở thường vụ bộ chính trị có 5 người là: Triệu Tử Dương (Zhao Zi Yang), tổng bí thư Đảng, Lý Bằng (Li Peng), thủ tướng, Hồ Khải Lập (Hu Qi Li), đặc trách ý thức hệ, Kiêu Thạch (Qiao Shi), bí thư kiểm sát kỷ luật Đảng và thành viên bí thư và Diêu Y Lâm (Yao Yi Lin), đặc trách kinh tế. Nếu Kiêu Thạch là người "đứng giữa" thì Triệu Tử Dương và Hồ Khải Lập thuộc phái cấp tiến, Lý Bằng và Diêu Y Lâm thuộc trường phái bảo thủ. Thế quân bình giữa các nhóm, trên lý thuyết, được tôn trọng.

Ở bộ chính trị, ngoài 5 uỷ viên thường vụ nói trên còn có 12 uỷ viên chính thức và một uỷ viên dự khuyết được phân công là: Vạn Lý (Wan Li), chủ tịch quốc hội, Điền Kỳ Vân (Tian Ji Yun), phó thủ tướng, Giang Trạch Dân, bí thư thành uỷ Thượng Hải, Lý Tích Minh (Li Xi Ming), bí thư thành uỷ Bắc Kinh, Lý Thụy Hoàn (Li Rui Huan), bí thư tỉnh uỷ Thiên Tân, Dương Nhữ Đại (Yang Ru Dai), bí thư tỉnh uỷ Tứ Xuyên, Lý Thiết Ánh (Li Tie Ying), đặc trách cải tổ kinh tế kiêm bộ trưởng điện tử, Dương Thượng Côn (Yang Shang Kun), chủ tịch nước kiêm bí thư ban quân uỷ, Ngô Học Khiêm (Wu Xue Qian), bộ trưởng ngoại giao, Tống Bình (Song Ping), trưởng ban tổ chức Đảng, Tần Cơ Vi (Qin Ji Wei), bộ trưởng quốc phòng, Hồ Diệu Bang (không được phân công), và Đinh Quan Căn (Ding Guan Gen), ban bí thư. Ban bí thư phần lớn do nhóm canh tân nắm nhưng không còn là cơ quan công tác hàng ngày của Đảng mà chỉ là một "cơ cấu bàn giấy" của thường vụ và bộ chính trị.

Dù trên nguyên tắc là số "1", họ Triệu bị ông Đặng và nhóm bảo thủ với những chức vụ trọng yếu trong guồng máy của Đảng và nhà nước (tổ chức Đảng, thủ tướng, chủ tịch và phó chủ tịch nước, ngoại giao, kinh tế v.v) bao vây và canh chừng mọi hành động. Trong năm

đầu (1988), Triệu Tử Dương không thành công ổn định kinh tế. Đời sống công nhân và công chức càng thêm khó khăn. Hàng triệu nông dân bỏ ruộng đi tìm công ăn việc làm ở đô thị. Sự thất bại về kinh tế của ông Triệu làm ông Đặng mất tín nhiệm và số phận của ông trở thành bấp bênh.

Ngòi nổ là sự từ trần của Hồ Diệu Bang ngày 15-4-1989 mà dư luận cho là vì có tranh cãi ở bộ chính trị. Đặc điểm của ông Hồ là người rất được lòng của giới sinh viên và trí thức vì ông muốn mở rộng chính trị và kinh tế cùng lúc. Sinh viên và trí thức có cảm giác là lý tưởng của họ đã bị Đảng phản bội và dân chúng thì thất vọng vì Trung Quốc đã đi vào kinh tế thị trường mà chưa có dân chủ. Họ lấy cố tưởng niệm ông Hồ, xuống đường chiếm quảng trường Thiên An Môn để đòi chế độ phải dân chủ hoá như họ đã đòi trong mùa đông 1986. Trong bảy tuần chiếm quảng trường, từ giữa tháng tư đến ngày 4 tháng 6, họ đòi chính quyền tiếp kiến để thỏa mãn nguyện vọng. Chính quyền trả lời bằng cách gán cho họ là những phần tử "phản cách mạng" trên xã luận báo Nhân Dân ngày 26-4. Thái độ này là do Lý Bằng và nhóm bảo thủ chủ xướng với sự đồng tình của ông Đặng trong khi Triệu Tử Dương đang công du ở Bắc Triều Tiên. Trên thực tế, ông Đặng muốn dẹp phong trào đòi dân chủ của sinh viên trong khi ông Triệu muốn giải quyết theo nguyên tắc dân chủ phù hợp với luật pháp. Trước sự ngoan cố của chính quyền, sinh viên bắt đầu làm tuyệt thực vào ngày 13-5. Tình hình trở nên căng thẳng vì sinh viên được các giới thành phần xã hội ủng hộ mỗi ngày càng đông và vì chính quyền cần phải giải toả quảng trường để tiếp đón tổng bí thư Liên Xô Mikhail Gorbachev sang viếng thăm chính thức Trung Quốc vào ngày 15-5. Các nhà lãnh đạo Bắc Kinh đã từ lâu chuẩn bị chuyển công du quan trọng này và họ thăm kín tưởng tượng Gorbachev sẽ "quì" trước ông Đặng để xin lỗi việc Nikita Khrushchev đã rút chuyên gia về nước trong năm 1960! Sinh viên không những đã làm họ mất thể diện mà còn đặt hy vọng ở Gorbachev làm áp lực họ để thực hiện sự trong sáng (glasnost). Do đó, sinh viên nhất định không rời quảng trường nếu không được chính quyền tiếp kiến. Tình hình hoàn toàn bế tắc trong khi số người

biểu tình lên đến gần một triệu vào ngày 17-5. Ngày 18-5, Lý Bằng miễn cưỡng chịu tiếp đón sinh viên nhưng một mực từ chối thoả mãn những yêu sách của họ. Sáng hôm sau, Triệu Tử Dương đến quảng trường kêu gọi sinh viên đình chỉ tuyệt thực và rời khỏi quảng trường nhưng thực sự ông và Hồ Khải Lập đã bị các bộ lão lên án và cuối cùng cách chức ngày 21-5 (xem bản tường thuật sau). Ngày 20-5, Lý Bằng ký sắc lệnh ban bố thiết quân luật và cho 22 sư đoàn quân đội tiến vào Bắc Kinh. Bộ chính trị hoàn toàn bị chia rẽ và không còn đóng vai trò chủ đạo. Nhóm bộ lão do ông Đặng đứng đầu hoàn toàn thao túng thay bộ chính trị và ban chấp hành Đảng chỉ định Giang Trạch Dân thay Triệu Tử Dương ngày 27-5 (xem bản tường thuật sau). Vào đêm 3-6 rạng ngày 4-6, quân đội được lệnh cho nổ súng vào sinh viên làm nhiều ngàn người chết và bị thương. Trái với những tư liệu từ trước đến nay, Giang Trạch Dân thực sự có xa gần tham dự vào đàn áp sinh viên với tư cách tân tổng bí thư.

Tám bộ lão và những nhân chứng còn sống trong sự kiện Thiên An Môn

Theo bản tường thuật của ông Trương Lương, tám bộ lão nhiều lần họp nơi tư thất của ông Đặng ở phía sau Trung Nam Hải là: Đặng Tiểu Bình, Trần Vân, Lý Tiên Niệm (Li Xian Nian), Vương Chấn (Wang Zhen), Bành Chân (Peng Zhen), Bạc Nhất Ba (Bo Yi Bo), bà Đặng Đình Siêu (Deng Yong Chao), Dương Thượng Côn (Yang Shang Kun). Họ là ai và đang làm gì?

Như đã nói trên, ngoài ông Đặng là chủ tịch ban quân uỷ, Dương Thượng Côn và Vương Chấn chủ tịch và phó chủ tịch nước, những người kia không có chức vụ nào trong Đảng và nhà nước. Trần Vân và Bạc Nhất Ba dù là chủ tịch và phó chủ tịch ban cố vấn nhưng không còn ở Ban Chấp hành trung ương Đảng cũng như ông Đặng và Vương Chấn. Lý Tiên Niệm là cựu chủ tịch nước (1982-1987), bà Đặng Đình Siêu, góa phụ của Châu Ân Lai, có lúc vào bộ chính trị ở đại hội thứ 12 (tháng 9-1982) đã ra khỏi cơ quan này trong năm 1985 trong khi Bành Chân là cựu chủ tịch quốc hội (1982-1987). Những người này, có lẽ ngoại trừ Bạc Nhất Ba, đã từ trần.

Năm uỷ viên thường vụ bộ chính

trị đương thời chỉ còn Lý Bằng là đương kiêm chủ tịch Quốc hội sau khi giữ chức thủ tướng trong 10 năm cho đến 1997. Kiêu Thạch sau khi trở thành chủ tịch Quốc hội (1992-1997) bị loại ở đại hội thứ 15 (1997). Hồ Khải Lập được ở lại Ban Chấp hành ở đại hội thứ 14 (1992) nay là thành viên của chính hiệp. Diêu Y Lâm thì về hưu trong khi Triệu Tử Dương vẫn còn bị quản thúc tại gia.

Những người tham dự trực tiếp khác còn có Trần Hy Đồng (Chen Xi Tong), cựu thị trưởng Bắc Kinh đang bị tù vì tham nhũng, Trì Hạo Điền (Chi Hao Tian), đương kiêm bộ trưởng bộ quốc phòng, Dương Bạch Băng (Yang Bai Bing) và Lưu Hoa Thanh (Liu Hua Qing) bị loại ở đại hội thứ 15, v.v.

Lý do đưa ra bản tường thuật của ông Trương Lương

Trong lời đề tựa để giải thích lý do đưa ra bản tường thuật, ông Trương Lương đã viết như sau. Chúng tôi xin dịch lại để cống hiến độc giả.

"Là nhân chứng tích cực sự kiện Thiên An Môn, lại có tiếp xúc các tư liệu lưu trữ lịch sử, tôi nghĩ tôi có bổn phận phải cho đảng tải bản tường thuật. Sự thật xảy ra năm 1989 được giấu kín trong các tư liệu lưu trữ mật của Đảng ở Bắc Kinh hơn ngoài một thập niên. Tôi chọn con đường mạo hiểm có thể liên lụy cho tôi bởi vì tôi tin tưởng những người muốn phục vụ Trung Quốc phải suy nghĩ nghiêm túc về bài học của biến cố. Từ 1989, đất nước dù đã có nhiều thay đổi lớn, Trung Quốc không những phải duyệt lại cụm từ "bạo loạn phản cách mạng" đã gán cho phong trào 4-6 mà còn phải đưa ra một quá trình cải tổ chính trị và dân chủ hoá mà hiện nay còn đang ở trong tình trạng bế tắc. Tôi tin tưởng những đề kiện này sẽ phục vụ cho những mục tiêu không thể nắm lấy được. Mặc dù thảm kịch Thiên An Môn đã xảy ra hơn 10 năm, nó chưa làm biến mất trong ký ức tập thể. Lịch sử của Trung Quốc hình như không động đậy về ngày 4-6. Nhiều câu hỏi chưa được trả lời. Trước hết, để đi đến một đánh giá lại một cách đúng đắn, toàn diện và khách quan phải "tìm kiếm sự thật qua sự kiện" theo như câu nói nổi tiếng của Đặng Tiểu Bình. Chỉ có cách đó người ta mới tái lập sự thật lịch sử. Lý do đã thúc đẩy tôi làm việc này là phải rút tía bốn bài học sau để làm chỉ đạo cho những người đấu tranh

cho sự thay đổi ở Trung Quốc.

-Một là, mặc dù chế độ cộng sản Trung Quốc hoàn toàn tham nhũng, tăng trưởng kinh tế và cải thiện đời sống đã tăng cường Đảng và giúp Đảng gia tăng thâm nhập trong mọi khu vực xã hội. Không có lực lượng chính trị nào có thể chống đối. Những người bất mãn với Đảng phải nhận thức được rằng là họ không còn nơi nào để nương tựa. Họ chỉ còn trông cậy ở chính mình. Mặc dù sự phá sản của cộng sản ở Trung Quốc hình như chắc chắn, sự sụp đổ của Đảng Cộng sản Trung Quốc sẽ không do từ thế lực bên ngoài mà do từ thành viên trong Đảng.

-Hai là, vì Đảng đã hoàn toàn nắm chặt guồng máy quyền lực, việc xây dựng dân chủ tùy thuộc vào những lực lượng đã thành hình trong xứ. Những người hoạt động cho tự do dân chủ và nhà nước pháp quyền ở ngoài nước bằng cách tìm kiếm sự hỗ trợ của cộng đồng quốc tế đã làm một nhiệm vụ cần thiết. Nhưng phải do chính từ trong xứ mới tìm những giải pháp thiết thực cho vấn đề đất nước.

-Ba là, một sự thay đổi ở trong xứ có thể xảy ra bởi vì Đảng Cộng sản Trung Quốc ngày nay giống như đảng cộng sản Liên Xô vào năm 1989. Nhìn từ bên ngoài, Đảng Cộng sản Liên Xô có cơ cấu vững chắc nhưng bị tan vỡ một sớm một chiều. Đảng Cộng sản Trung Quốc đã từ lâu không còn là một đảng cộng sản truyền thống. Nó chỉ là một khối tụ của nhiều tập nhóm với mục đích khác nhau và với ý thức hệ trái ngược. Sự khác biệt từ trong Đảng giữa nhóm cấp tiến và bảo thủ còn rộng lớn hơn sự khác biệt giữa cộng sản và kẻ thù lịch sử Quốc dân Đảng. Nhóm thân cận dân chủ hợp thành một đội ngũ tiên phong cho sự thay đổi chính trị. Có lẽ một lực lượng mới hiện ra từ trong Đảng sẽ thay thế Đảng Cộng sản Trung Quốc. Một nhóm sẽ hối tiếc sự sai lầm của Đảng và một nhóm khác sẽ kiến lập một nền dân chủ lành mạnh. Nhóm này sẽ đoàn kết với thế lực trong và ngoài nước để thiết lập một chế độ thực sự dân chủ.

-Bốn là, trên phương diện lịch sử, không thể không duyệt lại cụm từ chính thức của sự kiện ngày 4-6 như đa số quần chúng đã mong muốn. Ngày nay, ngày 4-6 còn đè nặng trên tất cả những người yêu nước. Hầu như mọi người đều tin rằng sự duyệt lại chỉ là vấn đề thời gian. Hiển nhiên, lãnh đạo Đảng đã chia rẽ từ

lúc ban đầu trong việc giải quyết sự kiện Thiên An Môn. Đa số những người chọn giải pháp đàn áp - Đặng Tiểu Bình và các bạn đồng hành cũ - nay đã từ trần. Số người kêu gọi duyệt lại mỗi ngày càng lớn mạnh trong và ngoài Đảng. Nó sẽ trở thành một trào lưu áp đảo. Thế lực tự do dân chủ hiện có trong Đảng sẽ đáp ứng nắm lấy cơ hội lịch sử, không những phải duyệt lại cụm từ của sự kiện mà còn tiến lên phá vỡ chế độ cộng sản.

Nền dân chủ Trung Quốc còn phải trải qua một giai đoạn dài và gian nan. Một trong những điều phải làm là cần phải tạo lập lại một giai cấp của những chiến sĩ có học thức đã mất vì nhiều người trẻ đã ra nước ngoài du học và hiện nay có đời sống sung túc. Một đòi hỏi mạo hiểm về sự hy sinh của giới này là họ phải trở về để tiếp tay với người trong nước kể cả những người trong Đảng để làm nhiệm vụ thay đổi.

Như Lô Tấn (Lu Xun) đã nói: "Một chiến sĩ chân chính dám nhìn thẳng nỗi buồn của cuộc đời và nhìn máu chảy".

Ký tên Trương Lương.

Bình luận về sự nhận định và bản tường thuật của ông Trương Lương

Có thể nói nhận định của ông Trương Lương rất sáng suốt. Ông phân tích tình hình trong nước đã chín muồi. Đảng Cộng sản Trung Quốc ngày nay không còn là một đảng truyền thống mà chỉ là một nhóm hỗn tạp đang tranh giành và thao túng quyền lực. Mâu thuẫn giữa các phái cấp tiến và bảo thủ còn lớn rộng hơn mâu thuẫn giữa và kẻ thù lịch sử Quốc dân Đảng. Đảng Cộng sản Trung Quốc đang trong thời kỳ tan rã như Đảng Cộng sản Liên Xô trước đây. Sự sáng suốt của ông Trương Lương là ông tin tưởng chỉ có thế lực dân chủ trong và ngoài Đảng ở trong xứ mới có thể thay đổi cục diện. Còn những người đấu tranh cho dân chủ ở ngoài nước chỉ là những người yểm trợ để đi đến thành công. Dù vậy, con đường đi đến dân chủ, theo ông, còn phải trải qua một giai đoạn dài và gian nan.

Thực vậy, từ 10 năm qua, mặc dù tăng trưởng kinh tế có khả quan, nhưng tình hình chính trị ở Trung Quốc hoàn toàn bị bế tắc thậm chí còn kém hơn thập niên 80. Tất cả mọi chống đối, dù là bất bạo động, đều bị đập tan từ trứng nước. Những chiến sĩ đấu tranh cho dân chủ

nếu không bị tù đày thì cũng bắt buộc phải lưu vong. Các môn đồ của môn phái Pháp Luân công bị trấn áp triệt để nhưng họ không ngừng biểu thị. Những người đấu tranh cho quyền con người hoặc cho nghiệp đoàn cũng không may mắn hơn. Tham nhũng và buôn lậu trở thành hai bộ môn "thể thao" ưa chuộng của giới cầm quyền mà mọi người đều công nhận còn trầm trọng hơn trong thời kỳ Quốc dân Đảng của Tưởng Giới Thạch. Thỉnh thoảng có vài người bị tử hình, nhưng những người này là những vật tế thần nếu không nói là nạn nhân của sự tranh chấp quyền lực ở đầu não của các phe nhóm. Ngày nào chưa có tự do báo chí, tự do thành lập hiệp hội, đảng phái, tự do tín ngưỡng, một tư pháp độc lập thì những biện pháp thanh trừng cũng chỉ là một trò hề không hơn không kém.

Về bản tường thuật sự kiện Thiên An Môn của ông Trương Lương, giới cầm quyền Bắc Kinh rất bối rối. Phản ứng đầu tiên của họ qua người phát ngôn viên ông Chu Bang Tạo (Zhu Bang Zao) cho là một văn kiện "ngụy tạo". Đương nhiên, Bắc Kinh khó công nhận tính xác thực của văn kiện vì nó sẽ làm tung toé đến hai nhân vật đầu não đang cầm quyền là Giang Trạch Dân và Lý Bằng. Nhưng theo các chuyên gia về Trung Quốc của Mỹ thì văn kiện này có tính chất xác thực. Ngày 11-1, họ mở một buổi hội thảo với sự tham dự của năm học giả, một cựu chủ nhiệm về Á Châu ở toà Bạch Cung và nhiều quan chức cao cấp đương thời đã đi đến kết luận là một văn kiện đích xác. Cùng trong ngày, ký giả tờ Liep hiệp báo ở Nữu Ước có tiếp xúc với cựu chuyên gia lịch sử Đảng ông Tư Mã Lộ (Si Ma Lu) và bà Qua Dương (Ge Yang), một cựu thứ trưởng hiện còn lánh nạn ở Nữu Ước. Ông Tư Mã Lộ cho biết theo kinh nghiệm nghiên cứu về lịch sử Đảng của ông thì văn kiện có tính chất trung thực. Còn bà Qua Dương thì cho biết bà trước đây là bạn thân của bà Đặng Đình Siêu, được hưởng nhiều đặc ân của chế độ nhưng bà chọn con đường lưu vong. Về văn kiện, theo kinh nghiệm đã được đọc nhiều văn kiện của giới lãnh đạo, bà khẳng định là chính xác. Bà còn phản ứng việc ông Giang đã kích đài CBS cho quay "60 phút" về một văn kiện bị "bóp méo". Bà cho không đáng chú trọng vì địa vị của ông Giang không cho phép ông làm khác hơn.

Ở trong nước, chỉ có ông Bào Đổng (Bao Tong), cựu uỷ viên trung ương Đảng và bí thư chính trị của nguyên tổng bí thư Đảng Triệu Tử Dương, bị 7 năm tù từ 1989 đến 1996, phản ứng. Ông tuyên bố với giới báo chí rằng "ở giai đoạn này, không có lý do nào nghi rằng những văn kiện này không trung thực". Ông còn thách thức chế độ khi ông nói "trừ phi là chính quyền cho đăng tải bản tường thuật hoặc những văn kiện phối thai, chúng tôi chỉ có thể xem những văn kiện này là đích xác".

Nhưng câu hỏi được mọi người đặt ra là tại sao ông Trương Lương đưa bản tường thuật về sự kiện Thiên An Môn vào đầu thiên niên kỷ ba? Giả thiết đầu tiên được đưa ra có thể là để làm mờ đi hình ảnh của hai lãnh đạo đầu não của Bắc Kinh trước ngày nhậm chức của tân tổng thống đảng Cộng hoà George W. Bush. Như mọi người đều biết, lập trường của Đảng Cộng hoà đối với các chế độ cộng sản thường cứng rắn hơn lập trường của Đảng Dân chủ. Chẳng hạn như việc thiết lập chương trình "hệ thống phòng ngự phi đạn quốc gia" (NMD) mà ông Clinton đã cho đình hoãn, ông Bush trái lại nói sẽ cho thực hiện. Điều này đi ngược lại ý muốn của Âu châu, Nga và Bắc Kinh nhưng được Đông Kinh và Đài Bắc hoan hô.

Giả thiết khác là cuộc tranh chấp mãnh liệt đang diễn hành trong nội bộ trước đại hội lần thứ 16 dự trù vào tháng 10 năm tới. Việc đưa mật kiện Thiên An Môn ra ngoài nước của ông Trương Lương là để giúp phái cải cách thắng thế và đưa các nhân vật có xa gần liên hệ với sự kiện rút ra khỏi chính trường. Trên lý thuyết, ba nhân vật đầu não Giang Trạch Dân, Lý Bằng và Chu Dung Cơ sẽ ra đi vì đã ngoài 70 tuổi cũng như đa số uỷ viên chính trị khác. Nhưng sự việc không đơn giản như vậy. Ông Giang đã nhiều lần nói là ông sẽ rời khỏi chức tổng bí thư Đảng vào năm tới và chức vụ chủ tịch nước vào đầu năm 2003. Nhưng ông ngờ ý muốn ở lại chức vụ chủ tịch ban Quân uỷ như ông Đặng Tiểu Bình sau đại hội thứ 13 (1987) để đóng vai "thái thượng hoàng". Chức vụ này không nhất thiết phải là thành viên ban chấp hành hay bộ chính trị nhưng thực tế là người lãnh đạo số một. Vì lý do nói trên, ông Giang lúc ban đầu chỉ định ông Hồ Cẩm Đào (Hu Jin Tao), nhân vật số 5, là người "thừa

kế" của mình. Ông Hồ lần lượt được ông Giang bổ nhiệm phó chủ tịch nước và nhất là phó chủ tịch thứ nhất ban quân uỷ trước hai tướng thâm niên là Trương Vạn Niên (Zhang Wan Nian) và Trì Hạo Điền. Đây là lần đầu tiên một dân sự không phải là tổng bí thư Đảng được nâng lên ở cương vị này. Nhưng trong năm qua, người ta chưa biết lý do tại sao ông Giang lại muốn đưa một người thân tín khác của ông là ông Tăng Khánh Hồng (Zeng Qing Hong), trưởng ban tổ chức Đảng, ra trước chính trường bằng cách đề nghị ông Tăng trở thành uỷ viên thực thụ bộ chính trị kiêm trưởng ban tuyên truyền. Không may cho ông là đề nghị của ông đã bị các "bạn" đồng hành của ông bác bỏ. Còn Lý Bằng, một nhân vật bảo thủ, đã cố tình đưa ra một tấm tranh kinh khủng đen tối của tình trạng Thiên An Môn bằng cách gọi ra sự thâm nhập của cơ quan tình báo CIA Mỹ và Đài Loan. Họ Lý có trách nhiệm lớn trong vụ này chắc chắn phải ra đi không ai thương tiếc! Riêng ông Chu Dung Cơ, bản thân ông không tham quyền cố vị, nhưng được cộng đồng quốc tế và một số người không nhỏ trong và ngoài Đảng đánh giá cao. Nhiều người trong Đảng muốn ông ở lại. Cũng không nên quên ông Lý Thụy Hoàn, nhân vật thứ 4, tương đối còn trẻ, đương là chủ tịch chính trị hiệp thương. Ông Lý này được ông Đặng tiến cử thay Triệu Tử Dương nhưng cuối cùng chiều theo hai bô lão Trần Văn và Lý Tiên Niệm chọn Giang Trạch Dân (xem bản tường thuật ngày 27-5-1989).

Ông Trương Lương cách đây 22 thế kỷ đã tìm ra Hàn Tín giúp Lưu Bang đánh đổ nhà Tần tạo dựng cơ nghiệp Tây Hán hơn ngoài 200 năm. Liệu ông Trương Lương của thế kỷ thứ 21 có làm hơn không? Dù sao ông cũng giúp chúng ta tìm hiểu được những "thâm cung bí sử" đang còn giấu kín ở cung đình Trung Nam Hải. Một việc làm không nhỏ.

Sau đây chúng tôi dịch lại bản tường thuật trong ba ngày quyết định: ngày 21-5, 27-5 và 2-6-1989. Bản này trích từ báo Hoa ngữ Âu châu Nhật báo xuất bản ở Paris ngày 9-1-2001.

Ngày 21-5

Sau khi thiết quân luật được ban hành, một cuộc họp ở tư thất của ông

Đặng gồm có những nhân vật sau: Đặng Tiểu Bình, Trần Văn, Lý Tiên Niệm, Vương Chấn, Bành Chân, bà Đặng Đình Siêu, Dương Thượng Côn, Bạc Nhất Ba. Đương thời, hai lão cựu nguyên soái Từ Huống Tiên (Xu Xiang Qian) và Nhiếp Vinh Trăn (Nie Yong Zhen) mặc dù còn tráng kiện, năng lực và kinh nghiệm không thua kém với tám bô lão nói trên, nhưng từ lâu không muốn nghe đến chính trị. Do đó, hai lão tướng này không tham dự vào quyết sách của các bô lão. (Trong buổi họp này, các bô lão rất hoang mang không biết chọn ai làm tổng bí thư thay Triệu Tử Dương. Có đến 5 người được chọn ra thay thế nhưng cuối cùng vì không đồng nhất ý kiến phải đợi đến ngày 27-5).

-Đặng Tiểu Bình: "Trong cuộc bạo loạn gần đây, Triệu Tử Dương đã bị lột mặt nạ. Đồng chí Triệu rõ ràng đứng về phía bạo loạn và một cách khách quan và thực tiễn xúi giục sự chia rẽ với ý đồ làm Đảng tan rã. May mắn là chúng còn ở đây! Họ Triệu đã khuyến khích bạo loạn, chúng ta không còn lý do để giữ lại. Hồ Khải Lập cũng không còn thích ứng ở lại ở uỷ viên thường vụ bộ chính trị (...). Một người lãnh đạo phải là một đồng chí biết đoàn kết, có khả năng giác ngộ cao, năng lực công tác mạnh mẽ, phẩm chất tư tưởng tốt. Xin đồng chí Trần Văn cho ý kiến".

-Trần Văn: "Mọi người đã nói nhiều về quan điểm của Triệu Tử Dương. Tôi đồng ý với đồng chí Tiểu Bình là Triệu Tử Dương và Hồ Khải Lập không còn thích hợp ở thường vụ bộ chính trị nữa. Một tân bí thư Đảng, một người đứng đầu bộ chính trị phải là người dưng cao ngạo cờ huy hoàng của Đảng, phải có thái độ kiên quyết, có nguyên tắc đảng tính hùng mạnh, cần học hỏi và thông suốt lý luận Mác-Lê, trí thức bao quát.. Đồng chí Lý Tiên Niệm và tôi đã đồng ý là đồng chí Giang Trạch Dân là người thích hợp để tuyển chọn"

-Lý Tiên Niệm: "Tôi với đồng chí Giang Trạch Dân không tiếp xúc nhiều nhưng đồng chí cho tôi một ấn tượng khá tốt. Tôi còn nhớ, vào đầu năm 1987, khi cao trào phản kháng của sinh viên đang lên, đồng chí đã làm công tác rất tốt ở Thượng Hải (...). Trong những năm gần đây, công tác của đồng chí về cơ sở kinh tế ở Thượng Hải cũng khá tốt. Tôi nhiều lần nghe đồng chí Giang nói về quy hoạch

rất thông suốt. Ngoài ra, hình tượng của đồng chí Giang khá tốt, niên kỷ đang trong thời kỳ sung mãn. Tôi đồng ý chọn đồng chí Giang làm tổng bí thư Đảng".

-Vương Chấn: "Giang Trạch Dân không có kinh nghiệm công tác ở Trung ương. Tổng bí thư Đảng phải xuất thân từ thường vụ bộ chính trị. Đồng chí Lý Bằng có thể đảm nhiệm tổng bí thư Đảng. Đồng chí Lý đã biểu hiện rất tốt trong sự chống lại bạo loạn; mọi người đã thấy điều đó".

-Bành Chân: "Đồng chí Vạn Lý có kinh nghiệm công tác phong phú ở địa phương và trung ương, lại thuần thực tình hình toàn quốc. Đồng chí Vạn Lý hiện tại đặc trách kiến nghị pháp chế có uy tín trong quảng đại cán bộ và quần chúng".

-Trần Văn: "Đồng chí Vạn Lý tuổi tác cao đã được bố trí ở Quốc hội lại có ý muốn rút lui ở nhiệm kỳ hai. Trong việc đề cử các thành viên thường vụ bộ chính trị, tôi đề nghị khảo xét để đồng chí Tống Bình [Song Ping] vào. Đồng chí tiếp nhiệm trưởng ban tổ chức Đảng vì hành trình cán bộ của đồng chí có nhiều thành tích. Về phương diện này, lão Bạc [Bạc Nhất Ba] hiểu biết nhiều hơn tôi".

-Bạc Nhất Ba: "Đồng chí Tống Bình xuất thân từ ban kế hoạch, công tác rất cẩn thận, tinh vi và sắc sảo trong việc khảo sát và bồi dưỡng cán bộ tinh bộ. Đồng chí được tổ chức đánh giá cao. Đồng chí tự nghiêm khắc với chính mình và có tính kỷ luật tổ chức cao. Về sự kiện [Thiên An Môn], thái độ của đồng chí rất rõ ràng. Tôi đồng ý với kiến nghị của đồng chí Trần Văn".

-Dương Thượng Côn: "Tổng bí thư Đảng có thể khảo xét từ thành viên thường vụ bộ chính trị. Hiện nay các mũi dùi từ các phía đều chia về đồng chí Lý Bằng. Tiếng vang phản đối đồng chí lên rất cao. Nếu như đề nghị đồng chí Lý Bằng làm tổng bí thư, Đảng nội sẽ có nhiều áp lực cao độ. Đồng chí Kiều Thạch niên kỷ đang cường lực, người đang kiêm nhiệm nhiều chức vụ ở thường vụ bộ chính trị, đã từng là trưởng ban tổ chức, thành viên ban bí thư, bí thư kiểm sát kỷ luật, có lúc đảm nhiệm phó thủ tướng, thuần thực tình trạng các cơ quan trung ương, con người thanh liêm, năng lực công tác dồi dào có nhiều uy tín lớn. Tôi đề nghị Kiều Thạch giữ chức tổng bí thư".

-Đặng Tiểu Bình: "Tổng bí thư phải can đảm thừa đảm trách nhiệm, phải biểu

minh thái độ dũng cảm, dâng cao ngọn cờ rực rỡ Đảng. Đồng chí Lý Thụy Hoàn là người hăng say nồng nhiệt, có tư tưởng quả quyết, giỏi làm công tác chính trị quần chúng, giỏi biết hóa giải mâu thuẫn các vấn đề, thích hợp đảm trách công tác cổ động tuyên truyền. Tôi nhiều lần chuyện trò với đồng chí. Đừng xem đồng chí là một anh thợ mộc, một nhân hiệu mô phạm lao động mà đồng chí phải mang lấy. Kỳ thực là đồng chí là người có tư tưởng, thông hiểu và biết vận dụng triết học, con người can đảm có nguyên tắc kiên trì, công tác kinh tế cũng xuất sắc [...]. Lý Thụy Hoàn có thể xem là người hành động, được mọi người ở Thiên Tân ca ngợi, trọng vọng. Ủy viên thường vụ phải là một cán bộ thực sự như Lý Thụy Hoàn (...). Đồng chí là người thích hợp được tuyển chọn ở thường vụ bộ chính trị".

-Đặng Đình Siêu: "Ấn tượng của tôi đối với Lý Thụy Hoàn khá tốt. Lãnh đạo đảng cộng sản phải có tư tưởng thân gần với quần chúng, tâm lý bất cứ lúc nào phải hoà hợp với quần chúng, nhất thiết không quên tôn chỉ phục vụ nhân dân, nhất định phải bồi dưỡng trình độ tư tưởng cao xa hơn".

-Lý Tiên Niệm: "Về tuyển chọn tổng bí thư, ủy viên thường vụ, tôi đề nghị nên chuẩn bị kỹ, suy nghĩ chu đáo và toàn diện, phải tuyển chọn những người làm lợi ích cho sự nghiệp Đảng, cho tiền đồ dân tộc".

-Đặng Tiểu Bình: "Tôi đồng ý với ý kiến của đồng chí Lý Tiên Niệm. Trong những ngày tới, mọi người chúng ta hãy suy nghĩ, tiến hành làm so sánh nhiều lượt. Đợi sau khi chín muồi suy nghĩ rồi sẽ chính thức đề xướng ý kiến của chúng ta cho bộ chính trị và kiến nghị triệu tập hội nghị trung ương".

Ngày 27-5

(Cuộc họp quyết định vào buổi tối ở tư thất của Đặng Tiểu Bình với tám bộ lão như ngày 21-5. Sau khi tham khảo nhiều lần, Đặng Tiểu Bình bắt đầu phải chọn Giang Trạch Dân dù có ba bộ lão khác không đồng ý).

-Đặng Tiểu Bình: "Chúng ta hãy cùng thảo luận vấn đề tuyển chọn ban lãnh đạo mới ở trung ương. Tôi muốn thỉnh cầu mọi người hãy suy nghĩ tuyển chọn những người có ý chí làm cải cách ở bộ chính trị, ở ban bí thư và đặc biệt là ở

thường vụ bộ chính trị. Ban lãnh đạo mới phải kiên trì làm cải cách để nhân dân tin tưởng rằng họ chân chính thực hành chính sách mở cửa khai phóng của hội nghị lần thứ ba khoá 11 (tháng 12-1978). Như vậy nhân dân mới an tâm. Về tuyển chọn, phải chú ý đến dư luận xã hội, không thể dùng tình cảm, phải từ bỏ ân oán, phải tỏ ra phong độ của một chính trị gia. Chúng ta đang tuyển chọn những người được nhân dân nhận thức là những người kiên trì tiếp tục cải tổ khai phóng [...]"

-Trần Văn: "Tôi đồng ý với ý kiến đồng chí Tiểu Bình và muốn bổ xung một điểm. Thành viên ban lãnh đạo mới phải được nhân dân tín nhiệm và có thành tích chính trị. Điều chính yếu là ban lãnh đạo mới phải kiên trì phản đối tự do hoá của giai cấp tư sản, phải kiên trì thực hiện 4 nguyên tắc cơ bản. Điểm này không thể dao động. Đó là chuyên chính dân chủ nhân dân, chủ nghĩa Mác khắc tư, xã hội chủ nghĩa và vai trò lãnh đạo của đảng cộng sản. Đó là vấn đề căn bản".

-Lý Tiên Niệm: "Đồng chí Tiểu Bình, mọi người muốn nghe ý kiến và suy nghĩ của đồng chí về việc tuyển chọn tổng bí thư Đảng".

-Đặng Tiểu Bình: "Suy đi tính lại, đích xác là đồng chí bí thư thành uỷ Thượng Hải Giang Trạch Dân có đủ khả năng đảm nhiệm vai trò này. Trong sự tuyển chọn này, tôi và hai đồng chí Trần Văn và Lý Tiên Niệm đều thiên về đồng chí Giang. Mọi người có ý kiến như thế nào?"

-Vương Chấn: "Ba đồng chí đã quyết định rồi thì kể như đã xong. Tôi không biết nhiều đồng chí Giang nhưng tôi tin tưởng nhân lực của đồng chí Tiểu Bình sẽ không lầm; như vậy thì chọn đồng chí Giang làm tổng bí thư".

-Đặng Đình Siêu: "Tôi không tiếp xúc nhiều với đồng chí Giang, nhưng chiếu theo phản ứng của mọi người thì cũng được. Tôi đồng ý".

-Lý Tiên Niệm: "Khuyết điểm thiếu kinh nghiệm công tác ở trung ương của đồng chí Giang là thực sự. Nhưng đồng chí có đầu óc chính trị, niên kỷ đang sung mãn, có thể tin cậy được".

[Theo nội quy Đảng, thiếu số phục tùng đa số, năm người trên tám đã biểu lộ thái độ ủng hộ Giang Trạch Dân. Do đó, Bành Chân, Bạc Nhất Ba, Dương Thượng Côn cũng bỏ ý kiến cá nhân của mình]

-Dương Thượng Côn: "Tân lãnh đạo ban chấp hành phải được quần chúng tin cậy, phải kiên trì hình tượng cải cách khai phóng. Điều này rất trọng yếu. Nhân dân toàn quốc đang chăm chú nhìn điều này. Cách chức và thay thế tổng bí thư, bế môn, làm như vậy không được. Trung Quốc không thể đóng cửa thêm một lần nữa để trở lại tình trạng bế quan tỏa cảng. Nếu ở vào trạng thái đó, kinh tế sẽ không phát triển, đời sống nhân dân sẽ không được cải thiện, tổng hợp lực lượng trên toàn quốc không thể tăng cao. Đó là điều đáng lo. Tôi đồng ý Giang Trạch Dân đảm nhiệm tổng bí thư và tôi cùng đồng ý với đồng chí Tiểu Bình để cho đồng chí Lý Thụy Hoàn vào thường vụ bộ chính trị. Hình tượng cải cách khai phóng của Lý Thụy Hoàn rất mãnh liệt và đích thực vì dân".

-Bạc Nhất Ba: "Con người không ai hoàn hảo, ai cũng có khuyết điểm. Không còn nghi vấn nào nữa, chiếu theo kinh nghiệm chính trị và kinh nghiệm đấu tranh, tân tổng bí thư có nhược điểm. Điều này là sự thực. Thành viên của ban lãnh đạo phải được Đảng và nhân dân tín nhiệm [...] Giang Trạch Dân và Lý Thụy Hoàn, cả hai đều được cả, có nhiệt tình công tác, có thể vào ban lãnh đạo, không nên ngăn cản họ làm, nên tin tưởng họ làm tốt".

-Trần Văn: "Tôi nghĩ rằng đồng chí Tống Bình là người thích hợp vào thường vụ bộ chính trị. Đồng chí tương đối có kinh nghiệm phong phú về chính trị, thuần thực công tác ở địa phương, làm việc với nguyên tắc kiên trì, đảng tính cường lực. Ban lãnh đạo mới cần có một hai đồng chí tương đối cao niên với kinh nghiệm phong phú".

-Lý Tiên Niệm: "Tôi nghĩ Giang Trạch Dân, Tống Bình, Lý Thụy Hoàn đều thích hợp vào thường vụ bộ chính trị [...] Đích thật như đồng chí Bạc Nhất Ba đã nói, Giang Trạch Dân và Lý Thụy Hoàn thiếu kinh nghiệm công tác ở Trung ương nhưng họ có nhiệt tình công tác, cần phải giúp đỡ họ. Còn đồng chí Tống Bình có kinh nghiệm phong phú. Do khả năng và kinh nghiệm, đồng chí hoàn toàn có thể làm nhiệm vụ của một uỷ viên thường vụ".

Ngày 2-6

Đây là buổi họp giữa 6 bô lão và 3 uỷ viên thường vụ bộ chính trị để thảo luận về việc quét sạch quảng trường. Có

mặt ở buổi họp gồm có: Đặng Tiểu Bình, Lý Tiên Niệm, Bành Chân, Dương Thượng Côn, Vương Chấn, Bạc Nhất Ba (hai bô lão vắng mặt là Trần Văn và bà Đặng Đình Siêu) và ba uỷ viên thường vụ là Lý Bằng, Kiều Thạch và Diêu Y Lâm. Người ta để ý Vương Chấn và Lý Bằng tỏ ra hung hăng nhất và một số người khác không cho ý kiến.

-Lý Bằng: "Hôm qua Đảng uỷ Bắc Kinh và bộ An ninh đã làm báo cáo cho bộ chính trị. Hai bản báo cáo đã chứng minh rõ ràng là, sau khi thiết quân luật được ban hành, những kẻ tổ chức và họa sách âm mưu bạo loạn đã tiếp tục chiếm quảng trường dùng làm trung tâm chỉ huy để chống Đảng và chính phủ. Quảng trường trở thành trung tâm của cái gọi phong trào sinh viên và có thể cho cả nước. Bất chấp quyết định của chính phủ, họ phản ứng cuồng nhiệt ở quảng trường. Những kẻ liều mạng muốn cản trở quân đội thi hành giới nghiêm. Những tên côn đồ này còn xung kích cục An ninh Bắc Kinh, cho triệu tập họp báo chí, dùng đội mô tô hô bay để loan truyền thông điệp. Tất cả âm mưu chỉ đạo đều xuất phát ở quảng trường".

-Vương Chấn: "Đ.M, đồ chó chết mất dạy! Ai có ngờ chúng đã chà đạp thánh trường Thiên An Môn lâu như vậy. Thật là chúng nó muốn tìm cái chết. Đồng chí Tiểu Bình, chúng phải tức khắc phái quân đội cho bắt những phần tử phản cách mạng. Quân đội giải phóng nhân dân dùng để làm gì, không lẽ chỉ ngồi chơi ăn uống nếu không phải là để bắt các phần tử phản cách mạng. Chúng ta phải làm nếu không chúng ta sẽ không được tha thứ. Kẻ nào muốn lật đổ đảng cộng sản thật đáng chết không có đất chôn thân".

-Đặng Tiểu Bình: "Nguyên nhân của sự kiện xuất phát từ bối cảnh quốc tế. Thế giới Tây phương, đặc biệt là Mỹ đã khởi động bộ máy tuyên truyền để cổ vũ khuyến khích và giúp đỡ phương tiện cho cái gọi những người dân chủ, cho cái gọi là phái phản đối để hình thành cục diện bạo loạn hiện tại. Thực tế chúng là đồ phản bội của dân tộc [...]. Đó là nguyên căn của cục diện hỗn loạn hiện nay. Một vài nước Tây phương viện cố vấn đề nhân quyền, chế độ xã hội chủ nghĩa bất hợp pháp, bất hợp lý v.v. để chỉ trích chúng ta; kỳ thực là muốn làm tổn hại chủ quyền của chúng ta [...]

-Dương Thượng Côn: "Chúng ta quét sạch quảng trường, dẹp bạo loạn và tái lập trật tự không có nghĩa là chúng ta từ bỏ chính sách cải cách và bế quan tỏa cảng"

-Đặng Tiểu Bình: "Không ai có thể ngăn cản Trung Quốc chính sách cải cách khai phóng. Nếu không làm cải cách thì không thể tiếp tục phát triển, sẽ bị thoái hoá. Nếu trở lại từ bước đầu, đời sống dân chúng sẽ xuống thấp. Xu hướng cải cách không thể ngừng chỉ. Chúng ta phải luôn luôn nhấn mạnh điểm này. Nếu hôm nay có biểu tình, ngày mai có dán báo chữ to thì chúng ta không còn tinh lực để kiến thiết nữa. Do đó, quyết tâm của chúng ta là không thể không quét sạch quảng trường".

-Dương Thượng Côn: "Quân đội đã được điều động về quốc hội, công viên Trung sơn, quảng trường văn hoá nhân dân và chung quanh cục An ninh. Sau hai tuần công tác giáo dục chính trị, toàn thể sĩ quan đều biểu lộ sự thông cảm trong việc đấu tranh khó khăn và phức tạp và hiểu rõ tính hợp pháp của luật giới nghiêm".

-Lý Bằng: "Tôi kiên quyết chủ trương quét sạch ngay quảng trường để chấm dứt bạo loạn".

-Kiều Thạch: "Sự thực cho thấy là không còn hy vọng sinh viên sẽ tự rút lui. Chính sách quét sạch quảng trường là một chọn lựa duy nhất. Tôi mong rằng thông cáo quét sạch quảng trường sẽ được rộng rãi chuyển đạt cho những người ủng hộ và hỗ trợ sinh viên. Quét sạch quảng trường là bước đầu của sự hồi phục trật tự của thủ đô".

-Đặng Tiểu Bình: "Tôi đồng ý với ý kiến của mọi người. Tôi đề nghị bộ chỉ huy quân đội giới nghiêm bắt đầu kế hoạch quét sạch quảng trường và hoàn tất trong hai ngày. Sau khi quét sạch xong, phải giải thích cho quần chúng và sinh viên nên rời khỏi quảng trường. Nếu họ không chịu rời bỏ quảng trường thì họ hoàn toàn chịu trách nhiệm".

Như mọi người đều biết tối ngày 3-6 rạng ngày 4-6, quảng trường Thiên An Môn được "quét sạch". Ngày 9-6, Đặng Tiểu Bình, trong buổi phát biểu với quân đội giới nghiêm, quốc vụ viện và công an, ra lệnh cho bắt các lãnh đạo sinh viên và những phần tử bạo động ở các thành phố.

Nguyễn Phi Phụng

Một vài nét về Bill Clinton

Võ Xuân Minh

Đánh giá bản tổng kết của một nguyên thủ quốc gia vừa mới mãn nhiệm là một điều khó khăn. Đối với Bill Clinton thì còn khó hơn vì ông là một nhân vật đa dạng lại ở trong một bối cảnh phức tạp: thế giới đang xét lại và tìm kiếm những điểm chuẩn mới. Tuy nhiên, chúng ta có thể phác họa một vài nét về Bill Clinton.

Đối với Bill Clinton chính trị là một nghề, và là một nghề phù hợp với năng khiếu, sở thích của ông. Hầu như ông có đủ mọi tài năng của một chính trị gia cần có: Thông minh, trí nhớ tốt, có tài hùng biện, có sức lôi cuốn và thu phục quần chúng, thỏa mái và tự nhiên trước ống kính truyền hình. Hoàn cảnh khó khăn trong lúc thiếu thời đã tôi luyện cho ông khả năng biết nhận lãnh những thất bại và lòng ham mê quyền lực thúc đẩy ông tiếp tục phấn đấu để vươn lên. Với một giác quan chính trị bén nhạy ông đã thấy được những dịp may, biết những yếu điểm của đối thủ, biết thị hiếu của quần chúng, biết theo thời. Một mình, không thừa hưởng một di sản tinh thần hay vật chất nào, ông đã thành công, và thành công lớn: ông đã đạt đến mức tột đỉnh của quyền lực. Hơn nữa, ông là một vị tổng thống đầu tiên thuộc Đảng Dân Chủ, kể từ Franklin Roosevelt, hoàn tất hai nhiệm kỳ, và vào lúc mãn nhiệm được 65% dân Mỹ cho là một tổng thống tốt. Đây là một kỷ lục.

Thành công đầu tiên của Bill Clinton là kinh tế của Mỹ đã phát triển mạnh mẽ và liên tục trong 8 năm qua: Lợi tức người Mỹ gia tăng; thất nghiệp giảm, từ 7% xuống 4%, thấp nhất trong vòng 30 năm nay; 22 triệu người đã kiếm được công ăn việc làm và phần đông lương bổng khá; ngân sách quốc gia dồi dào, thặng dư (230 tỉ USD) thay vì thâm thủng (290 tỉ vào cuối năm 1992). Điều đáng để ý là dưới thời Bill Clinton, khác với thời Reagan, mọi người Mỹ, giàu hay nghèo, đều được hưởng lợi do sự tăng trưởng kinh tế đem lại, và sự chênh lệch giàu nghèo có phần giảm

bớt.

Chắc chắn là Clinton đã gặp may, hai nhiệm kỳ của ông trùng với khoảng thời gian kinh tế tăng trưởng. Trước khi Clinton nhậm chức, kinh tế Hoa Kỳ đã trên đà phát triển và đầu năm nay khi ông chưa rời khỏi tòa Nhà Trắng thì đã trên đà khựng lại. Một may mắn khác là ông có những cố vấn kinh tế giỏi, như Alan Greenspan, Lawrence Summers, Robert Rubin, và sự xuất hiện những kỹ thuật mới cũng đã đóng góp không ít vào sự thịnh vượng của Hoa Kỳ. Hơn nữa, Đảng Cộng Hòa cũng có công trong việc phát triển kinh tế. Từ năm 1994, đảng này chiếm đa số trong quốc hội đã làm áp lực bắt Bill Clinton thực hiện một số yếu sách kinh tế, đặc biệt là ngăn chặn sự thâm thủng ngân sách và cải tổ hệ thống trợ cấp xã hội. Tuy nhiên không thể không cho rằng Clinton đã đóng góp vào sự phồn vinh của đất nước ông. Nếu khả năng của chính quyền trong việc nâng cao lợi tức của người dân rất giới hạn (vì chỉ có thể can thiệp trong ba lãnh vực: thuế, mức lãi suất và giá trị đồng bạc quốc gia) thì khả năng ngăn chặn phát triển hay làm suy thoái kinh tế của nó rất lớn. Để cho các xí nghiệp, các xã hội dân sự, người dân tự do làm ăn, mưu tìm lợi nhuận đã là một đóng góp không nhỏ của những người lãnh đạo quốc gia. Sự phát triển của nền kinh tế mới đã có thể chậm đi hay khựng lại nếu Clinton đánh thuế trên Web, hay ngăn chặn tư nhân dùng internet. Và biết dùng những người tài giỏi cũng là một sự sáng suốt của chính quyền. Đối với Đảng Cộng Hòa, Bill Clinton đã dùng những yếu sách của họ để quân bình ngân sách và cải tổ an sinh xã hội. Đạo luật cải tổ an sinh xã hội tháng 7-1996 loại bỏ hệ thống Welfare (bảo đảm cuộc sống vật chất tối thiểu cho mỗi người dân nhưng tạo nên tinh thần ỷ lại vào nhà nước, được các nhà kinh tế lỗi lạc như Samuelson, Friedman, Lucas, Becker đánh giá là có hại) và thay bởi trợ cấp thất nghiệp. Đây là một chọn lựa khó khăn đối với người thuộc Đảng Dân Chủ nhưng Clinton đã biết lợi dụng

cơ hội để thực hiện và đã tiết kiệm cho ngân quỹ quốc gia hàng chục tỷ đô la.

Thành công thứ hai là đời sống xã hội có những cải tiến khả quan. Trộm cắp, bạo lực đã giảm bớt rất nhiều, ở mức thấp nhất trong 20 năm nay. Phần lớn là do công lao của các thống đốc của mỗi vùng hay của các thị trưởng của mỗi thành phố, đặc biệt là New York, với thị trưởng Rudy Giuliani, thuộc Đảng Cộng Hòa. Nhưng cũng phải kể đến 100.000 cảnh sát được tuyển mộ do cố gắng của Bill Clinton cũng như chính sách kiểm tra vũ khí của ông. Những vùng mất an ninh đã được quan tâm, chương trình CRA (Community Reinvestment Act) đã mang lại những kết quả tốt đẹp. Bill Clinton cũng đã đặc biệt chú ý đến đời sống gia đình qua việc vận động cho sự thành hình đạo luật về gia đình và nghỉ bệnh (Family and Medical Leave Act). Quyền lợi và phẩm giá của phụ nữ được nâng cao, nhiều phụ nữ đã giữ những chức vụ quan trọng trong chính quyền, như Madeleine Albright (bộ trưởng ngoại giao), Janet Reno (bộ trưởng tư pháp). Một điểm đáng chú ý khác là nội các của ông gồm những người có chủng tộc khác nhau, và đặc biệt là ông có được một sự quan hệ rất tốt đối với người da đen, được mệnh danh là tổng thống da đen đầu tiên của Hoa Kỳ. Có thể đây chỉ là kết quả của những toan tính chính trị và của buổi thiếu thời sống trong những khu nghèo, hỗn tạp, đông dân da đen chứ không phải phát xuất từ một lý tưởng hay một tâm hồn lớn. Nhưng nó đã đóng góp rất nhiều cho hòa bình xã hội. Một đóng góp lớn cho nước Mỹ.

Ngoài ra có thể cho rằng Bill Clinton có công trong việc mở rộng thị trường, như NAFTA chẳng hạn. Nhưng thật ra ông chỉ tiếp tục công trình của George Bush. Còn việc cổ vũ cho sự toàn cầu hóa ông chỉ đem lại những kết quả rất khiêm tốn.

Khôn ngoan của Bill Clinton là lấy những cái hay của đối thủ làm cái hay của mình. Song song với chính sách kinh tế, mà phần lớn là của Đảng

Những khuyết điểm của nền dân chủ Hoa Kỳ

Đào Tăng Dực

Cộng Hòa, cộng với những ý chỉ mở rộng thị trường, cũng phát xuất từ Đảng Cộng Hòa, ông thêm vào một số giá trị nổi bật của Đảng Dân Chủ, như an sinh xã hội, dân chủ, nhân quyền, để đề xướng "con đường thứ ba". Và mô hình chính trị này đã ảnh hưởng đến các chính khách lớn ở Âu Châu như Tony Blair, Lionel Jospin, Gerhard Schröder, Massimo D'Alema, v.v.

Khó có thể đánh giá sự nghiệp chính trị của một nguyên thủ quốc gia lớn như Hoa Kỳ mà không đề cập đến chính sách ngoại giao hay thành tích của ông trong lãnh vực này. Nhưng Bill Clinton không có chính sách nào rõ ràng cả, và những thành tích của ông trong lãnh vực này coi như là không có. Hơn bảy năm qua kể từ khi thỏa ước Oslo được ký tại Washington, hòa bình tại vùng Cận Đông vẫn xa vời, và những vụng về hay tham vọng chính trị của ông trong những tháng gần đây đã là một trong những nguyên nhân gây ra những cuộc bạo động. Thỏa ước Dayton về Balkans do ê kíp của ông đạo diễn đã không ngăn chặn cuộc đổ máu tại Kosovo và kéo dài triều đại Milosevic. Clinton cũng đã không tạo được mối bang giao tốt đẹp với Nga, trái lại đã làm cho Nga co cụm lại và cách xa Mỹ. Đối với Trung Hoa ông vẫn nhượng bộ trong lãnh vực dân chủ và nhân quyền. Với Clinton, trong lãnh vực bang giao quốc tế, siêu cường quốc Hoa Kỳ đã không có địa vị xứng đáng với nó.

Và địa vị của tổng thống Mỹ cũng đã bị suy giảm bởi Clinton. Thái độ và tư cách của ông qua vụ Monica Lewinsky không những đã làm tổn thương đến danh dự của cá nhân ông mà còn cho cả nước Mỹ, và trong một thời gian dài.

Nói chung là Bill Clinton là một chính trị gia tài ba xu thời, biết lợi dụng cơ hội để tiến lên. Nhưng ông không có tư tưởng, lý tưởng chính trị nên đã thất bại trong một số lãnh vực và để lại vài vết không mấy đẹp trong sự nghiệp chính trị của ông. Bill Clinton là một chuyên viên chính trị giỏi, không phải là một nhà chính trị lớn.

Võ Xuân Minh

Dẫn nhập

Thế giới ngày hôm nay có một nền dân chủ tương đối hoàn chỉnh là nhờ vào 4 động lực chính của lịch sử nhân loại. Theo nhận xét của tôi, 4 động lực ấy gồm:

Những ý niệm về dân chủ của nền văn minh La Hy (tức La Mã và Hy Lạp) đặt căn bản trên 2 thành phố vĩ đại của vùng Địa Trung Hải thuở xưa: thành phố Nhà Điện (Athens) vào khoảng thế kỷ thứ năm trước Tây Lịch, tại xứ Hy Lạp cổ kính trước khi thành phố này bị thành phố Sparta chinh phục trong cuộc chiến Peloponnese (431-404 trước Công nguyên), cũng như những ý niệm dân chủ phát xuất từ thành phố La Mã từ thế kỷ thứ 6 đến thế kỷ thứ 2 trước Tây lịch, trước khi nhà độc tài Caius Julius Caesar lên ngôi (100-44 trước Công nguyên). Có thể nói rằng khi nền dân chủ Nhà Điện bị hủy diệt bởi Sparta thì những ý niệm dân chủ ấy được học hỏi và phát triển tại La Mã tối đa nhiều thế kỷ sau đó. Tuy đây là những ý niệm dân chủ tuyệt vời của nền văn hóa La Hy cổ kính, nhưng có khuyết điểm trầm trọng là xây dựng trên căn bản của sự thống trị của một giai cấp công dân cai trị một giai cấp nô lệ không được hưởng một lợi lạc nhỏ nào của ý niệm dân chủ cao đẹp ấy gì cả.

Bản The Great Charter có nghĩa là Đại Hiến chương được ký kết giữa quốc vương John của Anh Quốc và các nhà quý tộc (barons) đối lập với vương quyền, tại Runnymede gần Windsor bây giờ, ngày 15-6-1215. Mặc dầu rất nhiều điều khoản trong 63 điều khoản của hiến chương này chú trọng hoàn toàn đến việc bảo vệ quyền lợi cho giới quý tộc, tuy nhiên có một vài điều khoản có tính cách cách mạng thật sự đem lại dân chủ. Quan trọng nhất là hai quan điểm: Không một người tự do nào có thể bị trừng phạt mà không được tòa án xét xử, và nhà vua không được quyền thu thuế mà không có sự chấp thuận của Đại Hội Đồng (The Great Council vốn

là tiền thân của quốc hội hoặc The Parliament). Mặc dầu quốc vương John chối bỏ bản hiến chương này sau đó. Tuy nhiên các vị quốc vương kế tiếp lại công nhận. Nền dân chủ Anh Quốc từ từ sau đó chuyển mình, qua sự liên minh giữa giới quý tộc và giới thương gia, sau đó giữa 2 giới này và giới bình dân đại chúng để tiến đến một chế độ dân chủ tiến bộ nhất thế giới vào đầu thế kỷ 20 ngay cả khi so sánh với những quốc gia Âu châu tiến bộ thời bấy giờ.

Các nhà tư tưởng chính trị vĩ đại vào khoảng thế kỷ thứ 17 và 18 tại Á châu như: Jean-Jacques Rousseau (khế ước xã hội hoặc contrat social), Montesquieu (nguyên tắc phân quyền trong Vạn Pháp Tinh Lý), Jeremy Bentham (chủ nghĩa thực dụng utilitarianism), Thomas Paine (quyền tự nhiên tức Natural Rights), John Locke (sự thuần lý tức reason và sự phải chăng tức reasonableness đem lại cho tư tưởng chính trị sự bao dung cởi mở tức toleration và broadmindedness làm căn bản cho dân chủ bây giờ), Voltaire (quyết tâm tranh đấu cho công lý). Dĩ nhiên vai trò của Thomas Jefferson vô cùng quan trọng và sự đóng góp lớn lao và thực tế của vị tổng thống thứ ba của Hoa Kỳ này là quan điểm chiến lược cho ý niệm dân chủ đó là quân đội phải luôn luôn phục tùng một chính quyền dân sự. Đây là một quan niệm trọng đại mà các nước kém phát triển về dân chủ thường vấp phải, kéo dài sự chậm tiến và gieo rắc nhiều tang thương cho các dân tộc liên hệ.

Nền dân chủ của Hoa Kỳ qua 2 văn kiện bất hủ có thể gọi là hai án văn chương kiệt tác trên phương diện chính trị. Đó là bản Tuyên ngôn Độc lập (Declaration Of Independence) công bố và ký kết trước quốc hội Hoa Kỳ ngày 4-7-1776 giữa 13 tiểu bang nguyên sáng lập. Bản Tuyên ngôn Độc lập tuy rất ngắn nhưng nói lên những sự thật đương nhiên là: "Mọi người sinh ra đều bình đẳng và được tạo hóa ban cho một

số quyền bất khả vi phạm (unalienable rights), trong đó các quyền sống, tự do và tìm kiếm hạnh phúc... Bất cứ lúc nào một thể chế chính quyền trở lại hủy diệt những mục tiêu nêu trên thì dân chúng có quyền thay đổi hoặc lật đổ nó và thành lập chính quyền khác". Bản Tuyên ngôn Độc lập này do Thomas Jefferson soạn thảo. Kế đó là hiến pháp Hợp chúng Quốc Mỹ của Hoa Kỳ được công bố trước quốc hội ngày 20-9-1787. Bởi vì các văn kiện này bao gồm những tinh hoa của nền dân chủ La Hy, Anh Quốc lẫn những tư tưởng tiến bộ nhất của các tư tưởng gia Âu Châu thời đó, vào lúc mới thành tựu, nền dân chủ Hoa Kỳ dĩ nhiên là tiến bộ nhất.

Tuy nhiên từ thế kỷ thứ 18 đến nay, thế giới đã có nhiều biến chuyển và nền dân chủ Hoa Kỳ đã có một số khuyết điểm lớn lao cần phải điều chỉnh. Chúng ta có thể phân loại thành hai loại khuyết điểm để nhận thức một cách rõ ràng hơn : những khuyết điểm có tính cách cấu trúc (structural) và những khuyết điểm có tính cách vận hành (operational). Dĩ nhiên nền dân chủ Hoa Kỳ cũng có nhiều ưu điểm chúng ta cần học hỏi như hệ thống phân quyền, checks và balance rõ rệt, sự trong suốt (transparency) và trách nhiệm (accountability) trong chính quyền, chế độ pháp trị (rule of law) phân minh. Tuy nhiên bài này chỉ giới hạn nơi những khuyết điểm để chúng ta đề cao cảnh giác và học hỏi mà thôi.

Những khuyết điểm có tính cách cấu trúc

Những khuyết điểm này phát xuất từ những văn kiện pháp lý nền tảng như Bản Hiến Pháp Hiệp Chúng Quốc (nhất là các đoạn 2, 3 và 7 của điều I về thượng viện và hạ viện, đoạn 1 của điều II về bầu cử tổng thống sau đó được thay thế một phần (partly amended) bởi tu án XII vì đã lỗi thời, đoạn 1 của tu án XXIV củng về luật bầu cử, v.v.), các đạo luật của liên bang, hiến pháp và đạo luật của các tiểu bang, và các ước lệ có tính cách pháp lý và chính trị (legal and political conventions) thành văn hoặc bất thành văn, các quyết định của các tòa án trở thành những tiền lệ mà các tòa án thấp hơn phải tuân theo, v.v.

Chúng ta có thể nêu ra một số

khuyết điểm điển hình như sau:

Cử tri đoàn (electoral college) : Theo hiến pháp, công dân Hoa Kỳ không được quyền đi bầu tổng thống. Họ chỉ được quyền đi bầu những cử tri (electors) để những người này đại diện cho họ đi bầu tổng thống cho họ mà thôi. Khi người dân Hoa Kỳ đi bầu tổng thống sự thật là họ đi bầu cho những người cử tri trên 50 tiểu bang và Quận Columbia (District of Columbia) vốn là vùng đất của thủ đô liên bang Washington DC coi như tiểu bang thứ 51. Hiến pháp quy định mỗi tiểu bang sẽ được một số cử tri tương đương với số đại diện tiểu bang trong quốc hội, và mỗi tiểu bang có ít 2 thượng nghị sĩ trong quốc hội liên bang (không cần biết tiểu bang đông dân hoặc ít dân) trong khi số hạ nghị sĩ sẽ tăng lên cho những tiểu bang với dân số cao và giảm đi với những tiểu bang có dân số thấp. Chẳng hạn tiểu bang nhỏ nhất là Vermont có 3 cử tri đồng nghĩa với 3 phiếu trong cuộc bầu cử tổng thống. Tiểu bang California lớn nhất có 54 cử tri. Khi tổng cộng tất cả mọi tiểu bang thì số cử tri tổng cộng là 538 cử tri. Điều này có nghĩa là ứng cử viên nào được 270 phiếu của cử tri thì sẽ thắng cử và trở thành tổng thống, không phải là ứng cử viên nào được nhiều cử tri bầu nhất. Đây là một trường hợp ít khi xảy ra vì số cử tri tỷ lệ thuận với dân số. Tuy nhiên không phải không thể xảy ra và đã từng xảy ra trong quá khứ. Phương thức bầu cử này rõ ràng không phản ảnh thực sự tinh thần dân chủ triệt để và cần phải sửa đổi. Tuy nhiên sửa đổi hiến pháp theo điều V không phải đơn giản và có quá nhiều khối quyền lực bảo thủ sẽ làm cho những tiến trình tu chính khó khăn hơn. Nguyên do chính của hệ thống cử tri này vì trong thời lập quốc, Hoa Kỳ vào thế kỷ 18 là một xã hội dưới sự thống trị của những điền chủ sống trên xương máu của những công nhân làm việc trong các nông trại hoặc những nô lệ da đen. Những người như George Hamilton không tin tưởng thực sự vào khả năng hành xử quyền công dân của từng người dân Hoa Kỳ vào thời buổi ấy. Nếu mỗi người dân đều có quyền bầu cử tổng thống thì giai cấp điền chủ (như là một giai cấp quý tộc mới tương đương với giai cấp quý tộc cũ tại mẫu quốc thời đó là Anh Quốc) sẽ dần dần

mất hết quyền hành. Chính vì thế hệ thống electoral college kỳ cục này mới được sáng tạo ra để quấy rầy toàn dân Hoa Kỳ ngày hôm nay. Mục đích của những người như Hamilton là cốt làm sao giữ quyền bầu cử trong tay những cử tri với một con số giới hạn, đại đa số là những điền chủ, để dễ bề kiểm soát và bảo vệ quyền lợi giai cấp.

Khuyết điểm kế tiếp là không có một luật lệ nào bắt buộc các cử tri này phải bầu cho những ứng cử viên thắng phiếu trong tiểu bang của họ cả. Một vài tiểu bang sau này nhận thấy khuyết điểm này và ra luật để phạt vạ mà thôi. Hệ lụy trên nguyên tắc là một cử tri có thể đi ngược lại lòng dân và bầu cho một cử tri hoàn toàn ngược lại với sự ủy thác của dân chúng qua lá phiếu. Điều này đã từng xảy ra mặc dầu chưa ảnh hưởng đến kết quả tổng quát của một cuộc bầu cử. Vào thế kỷ 18 khi nền dân chủ còn phôi thai, điều này rất có lợi cho giới điền chủ và tất cả những sự chỉ trích đều bị ếm nhèm. Tuy nhiên ngày hôm nay, khi một cuộc bầu cử trở nên sát sao (close election) trong một xã hội trong suốt (transparent society) thì điều này trở nên khó coi vô cùng.

Khuyết điểm và cũng là nghịch luận kế tiếp là mặc dầu bầu cử rình rang như thế nhưng kỳ thực hiến pháp đoạn 1 điều II ghi rõ "mỗi tiểu bang sẽ bổ nhiệm, theo sự chỉ thị của ngành lập pháp của tiểu bang, một số cử tri, ngang bằng với số thượng nghị sĩ và hạ nghị sĩ mà tiểu bang được phép có". Điều này có nghĩa là quốc hội của mỗi tiểu bang có quyền ngang nhiên tước quyền bầu cử tổng thống của người dân trong tiểu bang và đề cử những cử tri theo ý riêng của quốc hội. Dĩ nhiên đây chỉ là một quy định của hiến pháp chưa được hành xử và cũng chưa được thử thách trong một phiên xử trước Pháp viện Liên bang Tối cao. Tuy nhiên đoạn này của hiến pháp một quốc gia dân chủ lãnh đạo thế giới như vậy thật không che dấu được tham vọng khổng chế chính trường của giới đại điền chủ Hoa Kỳ vào thế kỷ thứ 18. Đoạn này không có tác dụng trong những cuộc bầu cử mà kẻ thắng người thua quá rõ rệt. Tuy nhiên sẽ có tác dụng và tiềm năng phản dân chủ khi có những tranh chấp trong những cuộc bầu cử sát sao (close elections).

Khuyết điểm kế tiếp là thể thức bầu cử theo lối "chạy đua về nhất" (first past the post) thay vì "đại diện theo tỷ lệ" (proportional representation). Chẳng hạn tại Hoa Kỳ (first past the post) thì trong một tiểu bang hoặc một đơn vị hạ nghị viện (congressional district) miễn là một ứng cử viên có số phiếu cao nhất một cách tương đối là thông thường thắng số cử tri của toàn tiểu bang hoặc đắc cử chức vụ hạ nghị sĩ. Trong khi đó tại Úc Đại Lợi (proportional representation), nếu một ứng cử viên ở một đơn vị không đạt được số phiếu 50% thì mọi ứng cử viên sẽ phải tính đến phiếu phụ (préférences) và người được phiếu 50% sau cùng sẽ là người đắc cử. Dĩ nhiên nếu đã tính hết phiếu phụ rồi mà vẫn không có người được 50% thì người có phiếu cao nhất vẫn đắc cử. Tuy nhiên trường hợp này tương đối hiếm. Tại Pháp và một số quốc gia Âu châu, có hệ thống bầu cử tổng thống hai vòng (système d'élection à deux tours). Nếu vòng đầu không có ai đạt được 50% thì 2 ứng cử viên cao phiếu nhất phải ứng cử vòng nhì. Người cao phiếu vòng nhì sẽ đắc cử. Mục đích của phương pháp đại diện theo tỷ lệ là làm cho sự đại diện của dân chúng trong các cơ cấu dân cử trở nên nhạy bén hơn. Chính vì thế tại các quốc gia có phương pháp này, những chính đảng nhỏ vẫn có đại diện trong quốc hội, nói lên tiếng nói của họ, và đôi khi còn có nhiều quyền vì nắm được cân quyền lực (balance of power) nữa. Dĩ nhiên chỉ là đôi khi và họa hoằn mà thôi và cũng không phải là nhất thiết đem lại công ích. Trong khi đó thì tại Hoa Kỳ sự ngự trị của 2 chính đảng trên chính trường hầu như tuyệt đối và các đảng phái khác chỉ là những hoa hòe không đáng kể.

Khuyết điểm thứ 5 là được quyền tự do không đi bầu. Đây là một quyền tự do có tính cách "phản động" (reactionary) nhất, theo quan điểm của tôi. Lý do là vì những người dân nghèo nhất thông thường ít ý thức đầy đủ nhất về giá trị của việc sử dụng lá phiếu để bảo vệ quyền lợi của mình. Chính vì thế cho những người dân này quyền tự do không đi bầu là một âm mưu có tính toán (calculated ploy) để củng cố quyền lực của giai cấp được ưu đãi hơn trong xã hội. Chính vì thế tại Úc Đại Lợi bầu

cử không những là một quyền lợi mà còn là một trách nhiệm. Không đi bầu thì sẽ bị phạt. Một chế độ bầu cử như thế mới thật sự không bất công cho những giai cấp nghèo hơn trong xã hội.

Những khuyết điểm có tính cách vận hành

Những khuyết điểm này phát xuất từ sự vận hành (operations) và tương sinh (co-existence) tương khắc (conflicts) của những yếu tố kinh tế và xã hội cận kim và hiện đại.

Chế độ lưỡng cực : Khuyết điểm đầu tiên loại này là nền dân chủ Hoa Kỳ từ lâu không còn là một nền dân chủ đa nguyên đa đảng (pluralist multi-party democracy) nữa mà từ lâu là một hệ thống chính trị lưỡng cực (bipolarist political system) và chỉ có một trong 2 đảng hoặc Dân chủ hoặc Cộng hòa để cho dân chúng chọn lựa đại diện cho mình trong quốc hội hoặc tòa Bạch Ốc mà thôi. Những đảng phái khác thực sự không có tiềm lực gì trên chính trường cả. Có thể nói rằng nền dân chủ đa nguyên Hoa Kỳ chỉ là một chế độ lưỡng nguyên trá hình mà thôi.

Phân biệt giàu nghèo: Chính vì quan điểm nhị nguyên nêu trên mà, mặc dầu Hoa Kỳ là cường quốc lớn nhất thế giới và có thể nói rằng thế kỷ 20 vừa qua là thế kỷ của Hoa Kỳ ngự trị thế giới (Pax Americana), Hoa Kỳ vẫn là một trong những quốc gia nhiều bất công và tẻ đoan nhất thế giới. Lý do là vì một chế độ lưỡng cực có khuynh hướng phân hóa (polarize) xã hội tích cực hơn một xã hội đa nguyên với nhiều đảng phái có thực quyền để mọi tầng lớp dân chúng chọn lựa. Chẳng hạn nếu Hoa Kỳ có hệ thống đa nguyên và proportional representation tương tự Úc châu hoặc Pháp, thì với 13% dân số người da đen Hoa Kỳ sẽ có khoảng 13 % dân biểu trong các nghị viện liên bang và tiểu bang. Những người gốc Mỹ La Tinh cũng sẽ có những ảnh hưởng chính trị lớn lao tương xứng với dân số của họ. Lúc đó chúng ta sẽ thấy tại Hoa Kỳ sẽ có những cải tổ xã hội lớn lao thật sự về an sinh xã hội (welfare and social security reforms), bảo hiểm y tế công cộng (public medicare) và luật lao động

(industrial laws) bảo vệ quyền lợi nhiều hơn cho giới thợ thuyền, hầu có thể bắt kịp các quốc gia Âu Châu, Úc châu và Gia Nã Đại, và giảm thiểu những bất công xã hội ngay tại Hoa Kỳ.

Làm công cụ thống trị thế giới cho các công ty quốc tế và đại tài phiệt: Đây chính là khuyết điểm có tầm vóc lớn nhất. Lý do là vì từ khuyết điểm này, nền dân chủ Hoa Kỳ xuất cảng những khuyết điểm của mình ra khắp thế giới. Có thể nói rằng nền kinh tế thế giới ngày hôm nay nằm trong vòng ảnh hưởng của những đại công ty quốc tế (mà đôi khi lợi tức hàng năm còn cao hơn tổng sản lượng của nhiều quốc gia) và khoản 500 giám đốc quỹ đầu tư (fund managers) mà số vốn tổng cộng lên đến hơn 30 ngàn tỷ USD (có nghĩa là hơn hoặc ngang ngửa với tổng sản lượng quốc gia của 7 cường quốc kinh tế lớn nhất thế giới.) Vì Hoa Kỳ là cường quốc số 1 về cả 2 phương diện kinh tế lẫn quân sự, có thể khuynh đảo kinh tế và chính trị khắp nơi trên thế giới và vì hệ thống chính trị Hoa Kỳ có nhiều khuyết điểm nên Hoa Kỳ trở thành nạn nhân ưu tiên của các thế lực này. Họ chỉ cần kiểm soát bằng tài chánh 1 trong 2 chính đảng và trong những cuộc bầu cử tổng thống (mà người dân không bị bắt buộc đi bầu) chỉ cần vận động sự ủng hộ của 50% số người đi bầu (chứ không cần 50% số cử tri) là có thể kiểm soát hoặc ảnh hưởng rất mạnh mẽ đến hành pháp của Hoa Kỳ. Họ dĩ nhiên cũng ảnh hưởng đến lập pháp bằng phương pháp tương tự. Nếu chỉ có 100 trong 200 triệu cử tri Mỹ đi bầu thì họ chỉ cần vận động được 50 triệu là đủ để ảnh hưởng chính quyền Hoa Kỳ và qua chính quyền và guồng máy quân sự Hoa Kỳ họ có thể khuynh đảo toàn thế giới. Vì mục đích của họ là kiếm lời bằng mọi giá nên họ chú trọng nhiều hơn đến khía cạnh sáng tạo của cải (wealth creation) thay vì tái phối trí của cải (wealth redistribution). Chính vì thế ngay tại Hoa Kỳ họ phải duy trì tiến trình sáng tạo của cải bằng cách duy trì hố sâu giữa thợ thuyền và chủ nhân hầu làm cho mỗi đồng đô la đầu tư đem lại lợi tức tối đa (maximum profit) trong mục tiêu bảo vệ những đầu tư của họ tại Hoa Kỳ. Họ cũng sẽ dồn tiền đầu tư nhiều hơn tại những quốc gia chậm tiến

về dân chủ và còn nhiều bất công xã hội để kiếm lời tối đa. Họ cũng cương quyết chống đối tất cả mọi khuynh hướng an sinh xã hội (social welfare) bảo vệ quyền lợi cho giới thất nghiệp chẳng hạn. Chính vì thế, ở một mặt nào đó, trị giá đồng bạc của những quốc gia phát triển nhưng ít bất công xã hội (như Âu châu, Gia Nã Đại, Úc) sẽ không thể cạnh tranh với đồng Mỹ kim. Những nhà đại tư bản này sẽ không ngần ngại ảnh hưởng đến chính quyền Hoa Kỳ để lật đổ bất cứ chính quyền ở những quốc gia mà họ cho là đi ngược lại quyền lợi của họ.

Làm ô nhiễm thiên nhiên toàn thế địa cầu: Hiểm họa lớn lao nhất cho loài người hiện nay là sự phát triển kỹ nghệ thái quá và thiếu trách nhiệm, làm ô nhiễm môi sinh nhất là hiện tượng green house gas emission. Trong cuộc Hội nghị Quốc tế tại The Hague, thủ đô của Hòa Lan vừa qua chúng ta nhận thấy sự xung đột rõ rệt giữa Hoa Kỳ và Liên bang Âu châu. Hoa Kỳ thì luôn luôn giữ một vị trí bảo thủ để bảo vệ quyền lợi cho các công ty tư bản và kỹ nghệ. Liên bang Âu châu (với đa nguyên chính trị và đại diện theo tỷ lệ) thì bị ảnh hưởng nhiều hơn của các thế lực màu xanh bảo vệ thiên nhiên (Green). Tại Âu châu phần lớn các thế lực này có đại diện trong các quốc hội và có thể ảnh hưởng đến các chính sách của chính quyền. Dĩ nhiên lập trường của Hoa Kỳ không phải duy nhất chịu ảnh hưởng của tư bản và kỹ nghệ. Chẳng hạn Hoa Kỳ, Úc Đại Lợi, Gia Nã Đại cũng cùng lập trường này lý do một phần nữa là vì 3 nước này cũng có nhiều rừng có thể sử dụng như những credit thay vì phải giảm thiểu mức độ thải ra thán khí, với lý do là quốc gia mình có nhiều rừng hút bớt thán khí rồi.

Tuy nhiên chúng ta không thể nào chối bỏ được sự kiện rằng Hoa Kỳ là quốc gia kỹ nghệ lớn nhất thế giới và mức độ năng lượng sử dụng cao nhất thế giới đồng thời cũng đem lại nhiều ô nhiễm nhất cho quả địa cầu. Các thế lực tài phiệt và kỹ nghệ Hoa Kỳ sẽ là những thế lực bảo thủ nhất trong tương lai có thể nhìn thấy được.

Kết luận

Sau khi phân tách các khuyết

điểm nêu trên chúng ta phải kết luận rằng nền dân chủ Hoa Kỳ, tuy là nguồn cảm hứng của nhiều dân tộc tranh đấu cho dân chủ trên thế giới, nhưng vẫn có một số khuyết điểm quan trọng cần phải lưu tâm để học hỏi. Các nước Âu châu, Do Thái, Úc, v.v. đã lưu tâm và nền dân chủ của họ (dĩ nhiên là cũng không hoàn hảo) đa có những cải tiến để hóa giải các khuyết điểm đó.

Hoa kỳ là một dân tộc sáng tạo và hào hùng. Nhưng thức giả của Hoa Kỳ không phải không ý thức được những khuyết điểm tiềm tàng trong cấu trúc xã hội. Tuy nhiên, những khuyết điểm cần phải có thời gian để chín mùi và tạo ra một sự khủng hoảng niềm tin căn bản (fundamental loss of faith) thì mới thúc đẩy được một lớp người dám thân tạo ra một cuộc cách mạng xã hội thật sự, thoát khỏi vòng kiểm tỏa của các thế lực tài phiệt và kỹ nghệ hiện nay.

Đào Tăng Dục

Sách mới xuất bản :

Binh biến 11-11-1960

Khởi điểm một hành trình...

Hồi ký chính trị của Vương Văn Đông tựa Trần Thanh Hiệp Văn Nghệ (Hoa Kỳ) xuất bản vào tháng 11 năm 2000.

Trích lời Tựa:

"[...] Đọc Binh Biến 11-11-60, hiểu rõ thêm cường độ của thảm kịch đất nước, hiểu thấu nỗi u uất của những thế hệ đã bị hy sinh oan uổng trong thảm kịch ấy. Hiểu, không vì tác giả mà để hội nhập vào dòng suy nghĩ đã tự giải phóng khỏi những vong thân vì chiến tranh ủy nhiệm, cũng như chiến tranh ý hệ, từ đó đối chiếu quan điểm, chọn lựa thái độ mà hành động cho tương lai chung. Thái độ nào -miễn được gắn liền với hành động- cũng có chỗ khả vọng, ngoại trừ sự thờ ơ, tòng phạm khách quan của bạo quyền."

Sách dày 372 trang, giá 150 FF + 20 FF (cước phí gửi) Xin hỏi tòa soạn Thông Luận.

THÔNG LUẬN

Phát hành đầu tháng, mỗi năm 11 số (tháng 7 & 8 chỉ ra một số)
Giá báo một năm: 200 FF
Ngân phiếu xin đề
VIETNAM FRATERNITE
(xin đừng đề Thông Luận)

Địa chỉ liên lạc mới:
THÔNG LUẬN
7 allée Bouleau Carreau
77 600 Bussy-Saint-Georges,
FRANCE

Bạn đọc tại Đức có thể liên lạc với đại diện Thông Luận tại Đức:

Nguyễn Thanh Lương
Habsburgerallee 104
60385 Frankfurt aM.

Tel: 069-4940048; Fax: 069-443913

và thanh toán tiền mua báo dài hạn (60 DM/năm) vào trương mục:
Frankfurt Volksbank e G
THANH LUONG, NGUYEN
Konto-Nr : 00 77 70 82 94
Bankleitzahl: 50 19 00 00

Bạn đọc tại Hoa Kỳ và Canada có thể liên lạc và góp ý kiến với Thông Luận qua địa chỉ:
Thong Luan, P.O. Box 7592
Fremont, CA 94537 - 7592
e-mail: qml@juno.com

Khi thanh toán tiền mua báo (40 USD hay 50 CAD), xin đề tên:
Mrs Quan-My-Lan

THÔNG LUẬN

Ấn bản Hòa Lan

do **Hội Bảo Vệ Nhân Quyền Việt Nam**
(Stichting Mensenrechten voor Vietnam)
Đại diện nhóm chủ trương: **Phan Bá Việt**
Địa chỉ liên lạc: Thông Luận Hà Lan
Braamlanden 76
7542 CJ Enschede
Telefax: 053.476 75 56 - 024.373.06 52
Giá báo một năm: 30 Euro,
xin chuyển vào trương mục của hội:
Giro nr 6234112

Bạn đọc tại Úc xin liên lạc với đại diện Thông Luận tại Úc:
Mr. Võ Thanh Liêm
5 Fira Court
Narre Warren VIC 3805

Nghĩ mà thương các anh trong nước

Trần Ngọc Sơn

Chân dung Nguyễn Xuân Tụ và Mai Thái Linh

Tôi đọc bài Mặt thật của một vài người mượn danh hiền sĩ" trên tờ báo An ninh Thế giới ngày 4 và 11-1-2001 mà giật mình. Bài báo dưới tiêu đề Chân dung hai "Hiền sĩ" Cao nguyên đã thóa mạ hai anh Nguyễn Xuân Tụ và Mai Thái Linh cùng nhiều người tranh đấu cho dân chủ khác một cách thật sỗ đãng. "Chân dung" hai anh được vẽ ngay trong một phòng thẩm vấn của công an ở Đà Lạt nơi hai anh bị giam giữ.

Tác giả vẽ "chân dung" này là một công an phóng viên. Trong bối cảnh đặc biệt thể hiện qua lời mở đầu: "Tôi gặp Nguyễn Xuân Tụ trong căn phòng nhỏ của biệt thự Đồi Tân tại Đà Lạt, biệt thự này là của ông Trương Tấn Đồi, một người nổi tiếng trong giới kinh doanh Sài Gòn trước năm 75, nay thì khu biệt thự này trở thành nhà khách của công an tỉnh Lâm Đồng".

Rõ ràng đó là một biệt thự đã bị Đảng Cộng sản cướp đoạt, và anh công an phóng viên đã nhìn phòng thẩm vấn ra "nhà khách" của công an. Vì vậy không cần đọc hết cũng biết trước chân dung các anh Nguyễn Xuân Tụ và Mai Thái Linh sẽ được vẽ ra như thế nào dưới cách nhìn ngược ngạo. Tuy nhiên khi đọc kỹ hết bài viết tôi càng hiểu thêm cung cách của những anh em đấu tranh trong nước đối phó với công an, đây không phải là lần đầu tiên hai anh Nguyễn Xuân Tụ và Mai Thái Linh bị chất vấn và có lẽ cũng chưa phải là lần chót.

Không phải đây là lần đầu người ta vẽ chân dung ở Việt Nam. Nhà thơ Xuân Sách đã viết cuốn Chân dung nhà văn tháng 3-1992, nhưng bị cấm xuất bản. Với dăm ba câu thơ cho mỗi nhà văn, Xuân Sách đã tóm lược rất gọn cuộc đời văn nghệ sĩ dưới chế độ xã hội chủ nghĩa. Phác họa chân dung thi sĩ Chế Lan Viên, một trong những người anh cả của thi đàn Việt Nam với tập thơ Điêu Tàn thời tiền chiến và những tập thơ sau này như Chim báo bão, Ánh sáng phù sa khi theo Đảng Cộng sản, thì Xuân Sách đã chấm phá:

"Chim báo bão lựa chiều cơn gió
dậy

Lựa ánh sáng trên đầu
Mà thay đổi đất phù sa"

Cụ thể sống trong xã hội chủ nghĩa, muốn có danh vọng con người phải biết trá hình dưới một dạng khác. Trong trường hợp của Chế Lan Viên là hóa con kỳ nhông, biết thay hình đổi dạng cho hợp lúc, hợp ý cấp trên. Trong tập Di Cảo viết trước lúc lia đời Chế Lan Viên đã cho thấy nhận định trên của Xuân Sách rất đúng qua ba bài thơ sấm hối mà tôi sẽ có dịp nêu lên trong bài này.

Một trong những nhiệm vụ của ngành công an là bôi nhọ và tìm cách gây chia rẽ trong hàng ngũ đối phương. Bài viết lần này chủ ý tạo hiềm khích giữa những người và tổ chức đấu tranh trong nước và hải ngoại, dùng nghệ thuật lấy lời nói của công an đặt vào miệng người khác. Nhưng nghệ thuật ấy đã được cường điệu hóa đến vụng về lại thành ngớ ngẩn, khó tin. Vì vậy những nét "chấm phá" chân dung các anh em trong nước đã để lại nét chấm nổi hơn nét phá. Xem xong tôi hơi ngờ ngợ về anh phóng viên này. Tôi sẽ trở lại sự ngờ ngợ này.

Công an đã đặt lên miệng anh Nguyễn Xuân Tụ hai bài học nói rằng anh tự thú và tự rút ra khi bị bắt: "Thứ nhất là không thể viết kiểu hồ lớn, pha tạp giữa lý luận triết học với bày tỏ ý kiến của một công dân", "Thứ hai là không hiểu biết gì về chính trị thì đừng có làm chính trị"

Công an đã đánh giá về các anh như sau: "Nói tóm lại, đây là những người mà họ không hiểu họ đang nói gì, họ không điều khiển được hành vi của họ mà chỉ theo sự giật dây của kẻ khác. Họ cũng giống như con muỗi, chỉ vo ve làm cho người khác khó ngủ...chứ khó gây chết người".

Những người đấu tranh cho dân chủ một cách bất bạo động như chúng tôi không hề có ý muốn gây chết người, chúng tôi quý giá từng mạng sống và đặt niềm tin vào những giá trị của nhân quyền, dân quyền. Chúng tôi cũng nhận thấy rằng Đảng Cộng sản muốn anh Nguyễn Xuân Tụ hoặc viết nghiên cứu về lý luận triết học, hoặc bày tỏ ý kiến của một công dân chú pha lẫn cả hai "kiểu hồ lớn" thì đau lắm. Đau chứ không phải chỉ là khó chịu như những con muỗi (không có máu công nông) vo ve như họ nói. Nếu không đau và bị đụng đến tim đen tại sao họ thường trực hành hạ anh từ năm 1993

đến nay? Nào là thẩm vấn, đi tù, đem "nhân dân" đến nhà hành hung, nay lại buộc tội phản bội tổ quốc... Chính phủ của một đất nước đang tụt hậu xuống xếp hàng với những nước nghèo nhất thế giới không có chuyện gì khác làm hay sao?

Tôi nghĩ rằng anh Nguyễn Xuân Tụ dù có muốn thỏa mãn Đảng Cộng sản cũng khó làm được điều thứ nhất vì biết rằng họ chỉ muốn anh nghiên cứu vậy vậy, trên trời dưới đất chung chung. Anh Nguyễn Xuân Tụ được đào tạo trong khung khổ xã hội chủ nghĩa, hiểu biết thế nào là duy vật biện chứng của chủ nghĩa Mác-Lê. Nghiên cứu lý luận triết học phải đi từ thực tế. Anh đã đi từ thực tế Việt Nam và thế giới để chứng minh chủ nghĩa cộng sản là sai và nếu còn nghĩ đến dân tộc thì phải chịu cay đắng mà "chia tay ý thức hệ".

Đừng quên rằng tất cả tinh hoa của Đảng Cộng sản một thời được chỉ thị phải phê phán anh và đã có đến hơn 40 bài viết phê phán một bài chưa bao giờ được đăng của anh. Đúng về mặt lương tri, chỉ có thể khẳng định hành động của Đảng Cộng sản đối với công dân Nguyễn Xuân Tụ là đánh lén sau lưng.

Còn việc bày tỏ ý kiến của một công dân thì cũng như nói chuyện với cái đầu gối của mình và rồi cũng đi tù. Bao nhiêu người đã làm như vậy và cũng đang bị khốn khổ. Chỉ kể riêng những trường hợp được biết đến như các ông cựu bộ trưởng Lê Giản, Trung tướng Trần Độ, Hoàng Minh Chính, Nguyễn Thanh Giang, Hoàng Tiến, Phạm Quế Dương, Tiêu Dao Bảo Cự, Bùi Minh Quốc...bên cạnh hàng trăm ngàn đơn khiếu nại không giải quyết.

Anh Nguyễn Xuân Tụ cũng đã đi tù một lần chỉ vì có trong tay một bản sao góp ý kiến của công dân cựu thủ tướng Võ Văn Kiệt, hiện nay là một trong ba cố vấn của Đảng Cộng sản. Anh cũng đã viết bài Đòi điều suy nghĩ của một công dân. Bài này cũng bị công an xem là một "kiểu hồ lớn" như con muỗi vo ve trong tim đen của nhà nước.

Về điều thứ hai công an đặt vào miệng anh là không hiểu biết gì về chính trị thì đừng có làm chính trị. Anh Nguyễn Xuân Tụ nổi tiếng về công trình nghiên cứu triết học mà chưa bao giờ được đăng. Những tác phẩm của anh đã làm anh bị trừ dập bởi chính quyền cộng sản. Anh đã đi tù một lần và Đảng Cộng sản đối xử với anh như một thường phạm và chưa bao giờ Đảng Cộng sản tự nhận có giam giữ

tù nhân chính trị. Thế thì tại sao công an lại buộc tội anh làm chính trị được?

Nếu nhìn lại lịch sử Đảng Cộng sản thì các văn kiện đều nói rằng thấy cảnh mất nước, bần cùng của dân tộc do thực dân Pháp gây ra nên Đảng Cộng sản phải đứng lên đòi cơm no áo ấm cho đồng bào, đòi độc lập cho đất nước chứ không bao giờ nói Đảng Cộng sản đang làm chính trị. Tuy nhiên khi bị thực dân Pháp bắt, họ đã được đối xử như tù nhân chính trị.

Hai anh Nguyễn Xuân Tụ và Mai Thái Linh cũng chỉ đấu tranh cho đất nước mà thôi. So với thực dân Pháp, ứng xử của Đảng Cộng sản đối với công dân Việt Nam Nguyễn Xuân Tụ và Mai Thái Linh là không xứng đáng với việc chỉ xem họ như là những "con muỗi vo ve".

Trong bài viết nhục mạ hai anh Nguyễn Xuân Tụ và Mai Thái Linh, anh công an phóng viên đã kể chuyện một người ngoại quốc (ngoại quốc là nhất) lớn lên ở Việt Nam đang yêu đất nước này qua những kỷ niệm thời thơ ấu như đánh đu trên của sắt công nhà anh ta (trong lúc trẻ em Việt Nam chỉ đánh đu trên cây khế) để cho một bài học về tình yêu quê hương. Bài học thật rõ rành.

Quê hương đâu phải chỉ là chum khế ngọt. Quê hương quan trọng hơn thế nữa lại là những con người, là sự hạnh phúc hoặc sự bần cùng của anh, của tôi, của đồng bào. Thực dân Pháp trước kia cũng chỉ muốn Đảng Cộng sản định nghĩa quê hương Việt Nam chỉ là chum khế, chum cau hoặc là những món đồ hộp béo bở. Thực dân Pháp đã thất bại, nếu Đảng Cộng sản cũng mong muốn người Việt nhìn quê hương của mình như kiểu thực dân Pháp thì họ cũng sẽ thất bại.

Về anh Mai Thái Linh, không có cơ sở nào để bôi nhọ anh họ đã làm áp lực trên vợ con anh. Không ai ngạc nhiên về việc làm áp lực trên gia đình anh Mai Thái Linh của Đảng Cộng sản. Đảng Cộng sản có thể làm tất cả để duy trì cái ghế của họ. Anh em trong nước đã dự kiến cả rồi. Họ bắt khuất. Anh Nguyễn Thanh Giang đi tù thì tuyệt thực phản đối, anh Hoàng Tiến thì gói gém sẵn áo quần, phòng công an đến bắt thì đi. Anh Phạm Quế Dương vẫn sóc vác mọi nơi. Trung tướng Trần Độ vẫn tiếp tục lên tiếng. Tất cả thật là bình tĩnh. Thứ bình tĩnh của lương tri. Nghĩ mà thương các anh!

Coi dzậy mà không phải dzậy

Xem kỹ hai bài viết của công an

nhằm bôi nhọ và tạo sự hiềm khích giữa những người đấu tranh trong và ngoài nước, có một cái gì đó làm tôi ngờ vực. Số ra ngày 4-1-2001 đăng bài Mặt thật của một vài nhân vật mượn danh hiền sĩ khoác chiêu bài dân chủ bên cạnh một tựa đề Bùi Lâm- Bao Công của Việt Nam những ngày đầu cách mạng.

Ông Bùi Lâm nổi tiếng là Bao Công những ngày đầu cách mạng vì ông đã cứu không biết bao nhiêu người bị oan ức về tay cộng sản. Tôi nhớ một lần tên ông cũng đã được nhắc tới trong một bức thư của nhiều vị lão thành cách mạng gửi Đảng Cộng sản để nói đất nước này có quá nhiều oan khuất, phải cần đến một Bao Công.

Tuy nhiên sau 1954, khi đã có chức phó viện trưởng Viện Kiểm sát Nhân dân Tối cao thì ông Bùi Lâm Bao Công cũng chỉ biết "bao" cho cái ghế của mình như phần lớn những người cộng sản tại chức hiện nay. Trong cuốn hồi ký Đêm giữa ban ngày, anh Vũ Thư Hiên có kể một chuyện về ông Bùi Lâm bị ông tài xế Đoàn Xuân Sơ tống cổ ra khỏi cửa với một câu chữ: "Vợ đồng chí gặp khó khăn thì tìm đến đồng chí chứ còn tìm ai? Biết chúng mày là giống ăn cháo đá bát chắc vợ thằng Long đã chẳng thèm gặp. Cút ngay khỏi nhà tao /Đồ đều /Cả lũ chúng mày đều /Cút !" Tuy nhiên ít ai biết đến việc này nên ông Bùi Lâm vẫn còn được nhiều người xem là Bao Công những ngày đầu cách mạng.

Nhắc lại tên Bao Công cũng có thể là một sự nhắc khéo với Đảng Cộng sản của những người cộng sản còn chút lương tri nhưng chưa dám ra mặt, rằng đất nước này còn có quá nhiều oan khuất chẳng? Coi dzậy mà không phải dzậy...

Từ đó tôi ngờ vực nên đọc rất kỹ bài phóng sự của anh công an phóng viên. Anh ta đã đánh một vòng lớn trước khi cung cấp cho bạn đọc những điều mà trước nay Đảng Cộng sản vẫn giấu.

Nhờ nó mà tôi được biết anh Nguyễn Xuân Tụ được đào tạo có chất lượng với bằng "phó tiến sĩ thật chứ không như nhiều phó tiến sĩ rơm hiện nay".

Tên các tác phẩm của anh Nguyễn Xuân Tụ được nêu rõ ràng vì từ trước đến nay hơn 40 bài viết đánh phá sau lưng anh nhưng không bài nào nêu tên tác phẩm và tác giả bị đánh.

Từ Đất tay nhau đi dưới tấm bảng chỉ đường của trí tuệ, Đói điều suy nghĩ của một công dân cho đến Chia tay ý thức hệ. Độc giả đã biết đến tên tác phẩm rồi đấy,

không quảng cáo gì hay hơn.

Tôi cũng được biết thêm về anh Mai Thái Linh với một quá khứ và một sự nghiệp quan trọng. Nếu anh vút bỏ cái khí thế của một kẻ sĩ ra ngoài và chịu công lưng như những người khác thì anh đã thăng quan tiến chức với bổng lộc đầy kho.

Hai anh đã không chịu bỏ khí thế kẻ sĩ mà cúi đầu hưởng lộc để rồi phải mang hận xuống tuyền đài như nhà thơ Chế Lan Viên.

Chân dung Xã hội chủ nghĩa và Đảng Cộng sản

Con chim khi chết kêu tiếng kêu bi thảm, con người khi chết nói những lời thành thật. Chế Lan Viên trước lúc qua đời đã nói lên những lời vừa thành thật vừa bi thảm qua ba bài thơ trong tập Di Cảo được vợ và con in ra sau khi ông mất. Phải chăng Hội Nhà văn cũng muốn "ăn theo, nói leo" sự sấm hối một cách khéo léo bằng việc trao giải thưởng văn chương cho tập Di Cảo này? Coi dzậy mà không phải dzậy...

Trong bài thơ Bánh vẽ, Nhà thơ thú nhận cách sống trong chế độ xã hội chủ nghĩa:

"Chưa cần cầm lên nếm anh đã biết là bánh vẽ

Thế nhưng anh vẫn ngồi vào bàn cùng bè bạn

Cầm lên nhấp nhấp

Chả là nếu anh từ chối

Chúng sẽ bảo anh phá rối

Đêm vui"

Với những người đã tin hoặc sẽ đọc thơ ông, nhà thơ đỉnh chính qua bài thơ "Trừ đi-Sau này anh đọc thơ tôi nên nhớ": "Có phải tôi viết đâu? Một nửa Cái cần viết vào thơ tôi đã giết đi rồi Giết một tiếng đau, giết một tiếng cười"

Và với bài thơ Ai ? Tôi, nhà thơ Chế Lan Viên đã can đảm nhận phần trách nhiệm của mình đối với sự cùng cực của những người đồng chí của ông sau hai mươi năm thời bình.

Còn Đảng Cộng sản thì phải tay. Số là năm 1996, trong mùa khai mạc đại hội liên hoan phim Việt Nam, phim Thương nhớ đồng quê do ông Đặng Nhật Minh đạo diễn phỏng theo chuyện ngắn của Nguyễn Huy Thiệp, Văn phòng chính phủ qua ngòi bút của ông Phạm Duy Khê đăng trên Tạp chí Công an Thành phố Hồ Chí Minh, đá kích cuốn phim rất nặng nề và cuốn phim bị xem không nhìn đồng quê như Đảng Cộng sản muốn và lọt sổ. Chỉ với vài câu viết được trích dẫn sau

đây, ông Phạm Duy Khê đã phải tay rất gọn gàng về trách nhiệm của Đảng Cộng sản với đời sống khốn đốn của nông dân : "Lịch sử Việt Nam là lịch sử dựng nước và giữ nước. Các thế hệ người nông dân Việt Nam cày ruộng và đánh giặc là hai việc thường nhật trong một đời người. Hai việc ấy đều nặng nề, đầy mồ hôi và máu. Nhưng họ chẳng ghi nợ, chẳng đòi ai trả công". (Nếu anh Bùi Tín và anh Vũ Thư Hiên, bị kết tội "ăn cơm cộng sản", có đọc mấy hàng này chắc cũng kêu lên: chúng tôi ăn cơm của các thế hệ người nông dân Việt Nam cày ruộng và đánh giặc kia mà.)

Phải đợi những người đang sống hoặc đã chết đòi nợ kia à? Lương tâm và trách nhiệm đâu rồi? Xin trích một đoạn trong bài thơ Ai? Tôi của nhà thơ Chế Lan Viên:

"Mặt Thân 2000 người xuống đồng bằng
Chỉ một đêm còn sống sót có 30

Ai chịu trách nhiệm về

Cái chết 2000 người đó?

Tôi !

Tôi - người viết những câu thơ cổ võ
Ca tụng người không tiếc mạng mình
trong mọi lúc xung phong

Một trong 30 người khi ở mặt trận về sau
mười năm

Ngồi bán quần trên đường, nuôi đàn con nhỏ

Quán treo huân chương đầy mọi chỗ
Chả Huân chương nào nuôi được người
lính cũ

Ai chịu trách nhiệm vậy?

Lại chính là tôi !

Người lính cần một câu giải đáp về đời
Tôi ú ớ!

Người ấy nhắc lại những câu thơ tôi làm
Mà tôi xấu hổ!"

Theo anh Vũ Thư Hiên kể lại trong cuốn Đêm giữa ban ngày, cụ Vũ Đình Huỳnh, nhà cách mạng lão thành và là thân sinh anh, nói với anh: "Con ạ, những ngày gần đây bố suy nghĩ nhiều về tương lai đất nước mình. Con có biết bố đi đến kết luận gì không? Kết luận của bố là thế này: muốn cho dân tộc ta không thua kém các dân tộc khác, muốn cho đất nước được thịnh vượng, dân ta không nghèo khổ mãi thì không thể thiếu một điều kiện tiên quyết: ấy là phải gạt bỏ sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Đảng đến nay đã hết là đội quân tiên phong của cách mạng giải phóng dân tộc rồi. Bây giờ nó trở thành chướng ngại vật trên đường phát triển của dân tộc. Kẻ nào trong lúc này đặt quyền lợi của Đảng trên quyền lợi của

Tổ quốc là kẻ phản bội Tổ quốc".

Cần gạo và lạng thịt

Anh công an phóng viên có kể chuyện gặp một người Việt làm trong một khách sạn ở quận 15 Paris. Người Việt này hỏi anh ta về việc lương bổng, cần gạo, lạng thịt, tem phiếu của anh ta. Anh ta lấy thí dụ này để muốn nói rằng những người chỉ trích chế độ cộng sản đều không biết gì về tình hình đất nước. Đất nước đã giàu rồi.

Nếu là chuyện có thật thì tôi nghĩ người Việt này đã nói với một giọng mỉa mai. Chế độ kềm kẹp bao tử con người bằng tem phiếu, bằng hộ khẩu cho đến trước năm 1990 quả thật là một nỗi kinh hoàng và nhớ đời cho mọi người. Những người chống đối Đảng Cộng sản bị gạt ra khỏi biên chế và đói. Họ bị cô lập vì bà con hàng xóm sợ bị liên lụy không dám chào hỏi. Họ sống trên trần thế mà cứ như là địa ngục. Địa ngục trần gian. Chúng ta đã biết quá nhiều qua hình ảnh của các nhà thơ Trần Dần, Phùng Quán, Quang Dũng, Nguyễn Hữu Đang ...

Nó là việc thật của một thời với bao tội ác mà Đảng Cộng sản phải chịu trách nhiệm. Coi thường sự việc có thật này là bao che cho một tội ác. Những người cộng sản có đô la tiêu xài ngày nay mà không nhớ đến sai lầm trước kia là những người đã đánh mất lương tri.

Đất nước ta có giàu lên không? Thưa có. Cũng may mà Đảng Cộng sản không kềm kẹp nổi nữa nên mọi người được bung ra làm ăn và làm cho đất nước tiến lên. Nếu không có sự kềm chế của Đảng Cộng sản, đất nước này chắc chắn sẽ còn bung lên gấp bội. Nhưng chúng ta nên thận trọng trong sự hồ hởi này.

Lợi tức trung bình ở Việt Nam là 360 đô la một năm cho mỗi người. Tính ra là chưa tới 1 đô la một ngày. Một trong những nước nghèo khó nhất thế giới. Nếu anh công an phóng viên tiêu cho khách sạn ở Paris 50 đô la một ngày thì phải có 50 người Việt Nam khác trong nước nhịn đói một ngày. Sự thật giản dị và phủ phàng như thế.

Có người trong nước khoe rằng họ tiêu xài 200 đô la một ngày như chơi. Xin thưa nói khê chứ, coi chừng trong ngày ấy có 200 người không kiếm được đồng xu, họ đói đấy. Chưa kể vợ con các ông các bà tay to mặt lớn trong bộ chính trị có thể tiêu một ngày hàng ngàn đô la. Sự thật giản dị và phủ phàng như thế sao họ không hiểu nhỉ? Không cần về nước cũng biết được như thế.

Đất nước

Hồ Chí Minh đã tung ra khẩu hiệu "không có gì quý hơn độc lập tự do", nay độc lập đã có rồi. Nếu chủ tự do là chung cho mọi người thì chưa có tự do. Nếu hiểu chủ tự do hạn hẹp hơn, là đời sống được nâng cao của giới công nông thì cũng vẫn chưa có vì đất nước chúng ta sau hơn phần tư thế kỷ độc lập, hòa bình lại là một trong những nước nghèo nhất thế giới.

Chủ nghĩa cộng sản ra đời đầu thế kỷ 20 và đã chấm dứt vào cuối thế kỷ 20. Chúng ta đã qua thế kỷ 21. Bốn nước còn cố duy trì chế độ cộng sản hiện nay chỉ là một cỗ vật trong viện bảo tàng lịch sử nhân loại.

Trước kia giải phóng dân tộc được chọn lựa bằng con đường cộng sản và dân tộc Việt Nam đã là nơi thử nghiệm của mọi thứ vũ khí, của mọi tham vọng chủ nghĩa là việc chẳng đặng đừng của một lựa chọn. Ngày nay đất nước có thể thoát ra khỏi bảo tàng viện lịch sử nhân loại bằng những lựa chọn khác phù hợp với thế giới mà chúng ta muốn hòa nhập.

Đó là một đất nước chấp nhận những giá trị phổ cập của nhân loại. Những giá trị này đã được thế giới mà chúng ta muốn hòa nhập kiểm chứng. Không cần phải tìm tòi, thử nghiệm Xã hội chủ nghĩa một lần nữa trên xương máu của dân tộc.

Những giá trị phổ cập đó là tự do, dân chủ đa nguyên từ tư tưởng đến kinh tế, xem việc thực thi nhân quyền, dân quyền là nền tảng của xã hội. Thêm vào đó, dựa trên một thực tế của đất nước quá tụt hậu và chia rẽ, chúng ta còn có một sắc thái riêng dựa trên việc cùng nhau xây dựng một xã hội bao dung, công bằng và liên đới.

Cách mạng xã hội chủ nghĩa cho lắm cũng không ra khỏi viện bảo tàng lịch sử nhân loại, ai còn muốn phản cách mạng mà làm gì. Cách mạng và phản cách mạng hiện nay chỉ là ngôn từ thóa mạ nhau. Mà thóa mạ nhau làm gì khi đất nước ngày cứ tụt hậu.

Khi Việt Nam và Mỹ còn tìm cách nói chuyện với nhau thì những người Việt Nam cùng một dòng máu lại không thể và không tìm cách nói chuyện với nhau được sao? Trong điều kiện công kiến cao tường hiện nay, Đảng Cộng sản phải biết sám hối bằng cách đi bước đầu trong việc hòa giải thay vì tìm cách củng cố một chế độ bất dung bằng bạo lực.

Trần Ngọc Sơn

Các cải tổ về giáo dục liên quan tới cấp đào tạo sau đại học ở Việt Nam

Song song với các cải tổ ở bậc đại học, việc tổ chức lại hệ thống đào tạo "sau đại học" cũng gây ra nhiều tranh luận không kém sôi động. Bài viết này trình bày các vấn đề liên quan đến đề tài này.

Sơ lược về hệ thống các cấp đào tạo và học vị ở Việt Nam

Trước tiên là một vài nét chính về việc thành lập bộ giáo dục và đào tạo và mạng lưới các trường đại học. Sau hiệp định Genève, 1954, bộ giáo dục cho thành lập Vụ đại học và chuyên nghiệp, có nhiệm vụ xây dựng và quản lý các trường đại học và trung học chuyên nghiệp. Đến niên khóa 1964/1965, ngành đại học có được 17 trường. Đến tháng 10-1965, vụ đại học được tách rời khỏi bộ giáo dục để thành lập bộ đại học và trung học chuyên nghiệp. Cho đến niên khóa 1974/1975, trước khi thống nhất, miền Bắc có 41 trường đại học với 8658 cán bộ giảng dạy và khoảng 55700 sinh viên, trong khi ở miền Nam có 18 viện đại học với khoảng 166500 sinh viên (7 viện đại học công và 11 viện đại học tư, trong đó viện đại học Sài Gòn được chia thành 8 trường với 113600 sinh viên). Tiếp theo đó, theo quyết định 426-TTg ngày 27-10-1976, các viện đại học tư miền Nam bị giải thể và các viện đại học công được tổ chức lại thành 17 trường đại học mới. Trong niên khóa 1977/1978 trên toàn lãnh thổ có 50 trường đại học và 20 trường cao đẳng. Các đào tạo sau đại học dưới chế độ hiện tại được chính thức thành lập theo quyết định số 224/TTG ngày 24-5-1976, cho phép 8 đại học ở miền Bắc được giao nhiệm vụ tổ chức hệ thống đào tạo sau đại học. Đến tháng 12-1980, 42 trường đại học và viện nghiên cứu khoa học được dùng làm cơ sở đào tạo sau đại học, cụ thể là đào tạo nghiên cứu sinh lấy văn bằng phó tiến sĩ. Đến năm 1994, con số các cơ sở này là 72 đơn vị.

Sau thời đổi mới, để thực hiện các cải tổ mới, bộ giáo dục và đào tạo được thành lập vào tháng 4-1990 để thống

nhất quản lý hệ thống giáo dục quốc dân, kể từ bậc giáo dục mầm non cho đến bậc đào tạo sau đại học. Tháng 11-1993, nghị định 90/CP ra chỉ thị chia các đào tạo ở đại học thành 3 cấp, tương ứng với 4 loại bằng cấp khác nhau:

* Cấp đào tạo cao đẳng, thực hiện trong 3 năm trong các trường cao đẳng với mục tiêu đào tạo các "cán bộ có chuyên ngành ở mức thực hành cao hơn bậc trung học chuyên nghiệp nhưng phân lý thuyết chỉ ở mức rất cơ bản". Khi tốt nghiệp sinh viên được cấp phát văn bằng tốt nghiệp "cao đẳng".

* Cấp đào tạo đại học với mục tiêu đào tạo các "cán bộ chuyên ngành, có hiểu biết lý thuyết sâu và rộng hơn ở mức rất cơ bản, vừa có khả năng thực hành, vừa có khả năng thiết kế ở các mức độ khác nhau nhưng yếu tố tự nghiên cứu và sáng tạo còn ít...". Thời gian đào tạo thay đổi từ 4 đến 6 năm tùy theo các ngành nghề. Tốt nghiệp, sinh viên được cấp phát văn bằng tốt nghiệp đại học và gọi là "cử nhân".

* Cấp đào tạo sau đại học với mục tiêu đào tạo các "cán bộ khoa học kỹ thuật biết nghiên cứu khoa học, có khả năng sáng tạo". Sau hai năm đào tạo cao học thì được cấp phát học vị "thạc sĩ". Thêm hai năm nghiên cứu sinh thì được học vị "tiến sĩ". Danh từ "học vị" thường hay được dùng để nói đến hệ thống các bằng cấp được cấp phát và đặc biệt là ở cấp đào tạo sau đại học mà cụ thể là các bằng thạc sĩ, phó tiến sĩ và tiến sĩ.

Đồng thời, là sự sắp xếp mạng lưới các trường thành các viện đại học quốc gia, các viện đại học Khu vực và cụ thể hóa quy trình đào tạo đại học trong các viện này. Các cải tổ chính có thể tóm lược qua sự phân chia thời gian đào tạo thành hai giai đoạn độc lập với nhau: "giai đoạn đào tạo đại cương" (kéo dài một năm rưỡi để được cấp phát "chứng chỉ đại học đại cương") và "giai đoạn đào tạo chuyên ngành" (từ hai năm rưỡi đến bốn năm rưỡi, tùy theo các ngành nghề). Sự phân chia này đưa đến sự thành lập một loại trường mới gọi là

"trường đại học đại cương" để đảm nhận việc đào tạo chung cho sinh viên toàn viện trong giai đoạn đầu trong các viện đại học. Các sinh viên chỉ được phân chia về các trường chuyên ngành trong giai đoạn hai. Khi được áp dụng, các cải tổ này đã gây ra nhiều xáo trộn và chống đối gay gắt trong việc tổ chức công tác đào tạo, cũng như trong việc tuyển sinh ở mỗi giai đoạn. Kể từ niên khóa 1999/2000, các cải tổ này đã bị bãi bỏ và việc đào tạo ở bậc đại học được giao lại cho các trường chuyên ngành như trước.

Sơ lược về các cải tổ trên hệ thống đào tạo sau đại học và các học vị

Về nguyên tắc, các cải tổ về các cấp đào tạo và hệ thống các văn bằng nhằm mục tiêu "chuẩn hóa" các trình độ đào tạo, ổn định các tiêu chuẩn tuyển dụng và sắp xếp đi ngũ cán bộ trong các cơ cấu tổ chức trong các guồng máy nhà nước. Nhưng ở Việt Nam hiện nay, hầu hết các cán bộ khoa học kỹ thuật của chế độ đều được đào tạo ở ngoại quốc, nên các cải tổ này còn có mục đích đưa các đào tạo ở Việt Nam lại gần với quan niệm chung của các quốc gia phát triển trên thế giới ngày nay, nhất là để thỏa mãn nhu cầu của các tầng lớp đông đảo cán bộ trẻ tuổi mới được đào tạo tại các nước tư bản từ sau thời kỳ đổi mới. Tuy chưa ký vào các công ước của UNESCO (21-12-1979 ở Paris và 16-12-1983 ở Bangkok) về các giao ước về sự tương đương giữa các bằng cấp nhưng các cải tổ về học vị ở Việt Nam lúc đầu đều theo sát khuynh hướng chung trên thế giới là chia các đào tạo ở đại học thành 4 trình độ khác nhau: trình độ đào tạo bình thường ở bậc đại học (với văn bằng tốt nghiệp "cử nhân"), trình độ tốt nghiệp hoàn chỉnh đại học (hay trình độ cao học, với văn bằng tốt nghiệp hiện nay gọi là "thạc sĩ"), trình độ nghiên cứu sinh (với học vị "phó tiến sĩ") và trình độ nghiên cứu khoa học đầu đàn (với học vị "tiến sĩ khoa học"). Khi so sánh với các nước trên thế giới, giới đại học ở Việt Nam cho rằng các văn bằng nói trên

tương ứng với các văn bằng Bachelor, Master, Doctor of Philosophy và Post-Doctoral ở Hoa Kỳ hay ở các nước theo văn hóa Anh-Xác. Ở Pháp, các văn bằng tương đương là Maitrise, DEA, Doctorat de 3ème cycle và Doctorat d'Etat (hay Docteur-ès-Sciences). Nhưng, sau các cải tổ mới, hiện nay ở Pháp chỉ còn một loại tiến sĩ duy nhất (có trình độ tương đương với Doctor of Philosophy ở Hoa Kỳ). Trên thực tế, sau văn bằng tiến sĩ mới, ở Pháp lại đặt thêm một tiêu chuẩn mới để dùng trong việc tuyển dụng ở các đại học, gọi là Habilitation à diriger les recherches, được xem như để thay thế Doctorat d'Etat (cũng như ở Hoa Kỳ với Post-Doctoral). Các quy định mới ở Việt Nam cũng dựa theo các chiều hướng này ở Pháp, áp dụng chế độ "luận án duy nhất" ở bậc đào tạo sau đại học, chỉ đào tạo một loại nghiên cứu sinh duy nhất, với học vị tiến sĩ. Các văn bằng phó tiến sĩ trước đây đều được xem như là tương đương với tiến sĩ mới. Sự khác biệt là ở Việt Nam chưa đặt ra những tiêu chuẩn mới để thay thế tiến sĩ khoa học cũ và do đó đặt ra một số các tranh luận trong các đại học.

Vài nhận xét và tranh luận trên hệ thống học vị mới

Các tranh luận trên các quy định mới về các học vị được tập trung dưới ba đề tài chính: thời gian đào tạo ở cấp, vị trí của các văn bằng đã được cấp phát trước đây trong khối Đông Âu và các tiêu chuẩn để đánh giá học vị tiến sĩ mới.

Trước tiên là các vấn đề điều hòa thời gian đào tạo ở các cấp và tên gọi các văn bằng tốt nghiệp ở cấp đào tạo đại học. Bình thường cấp đào tạo đại học được quy định là 4 năm nhưng đối với một số ngành nghề như ở y, dược, kiến trúc,... thời gian đào tạo có thể kéo dài đến 6 năm nhưng theo quy chế mới đều được cấp phát một văn bằng "cử nhân đại học" như nhau và được đánh giá như nhau trong hệ thống hành chính. Ngược lại, ở một số ngành khác (như ở các khoa học cơ bản), thì thời gian đào tạo cao học chỉ có 6 năm và được sắp xếp vào cấp đào tạo sau đại học. Trước đây cao học được xem như là thuộc cấp đào tạo đại học ở mức độ hoàn chỉnh, nay lại được nâng lên cấp đào tạo sau đại học và được cấp bằng thạc sĩ. Sự kiện này đang

gây ra một tâm lý mới đề cao và tạo ra nhu cầu giả tạo cho các đào tạo cao học. Danh xưng thạc sĩ hiện đang được xem như là một "thời trang" về học vị, làm tăng hơn nữa các tệ nạn mua bán các bằng cấp ở đại học. Vì vậy các quy định mới về các cấp đào tạo đang gây ra các tranh cãi gay gắt. Một số dư luận cho rằng sự sắp xếp cao học vào cấp đào tạo sau đại học cũng không hợp lý vì mục tiêu chính của cấp này là đào tạo các "cán bộ khoa học kỹ thuật biết nghiên cứu khoa học, có khả năng sáng tạo,..." trong khi đó các đào tạo ở cao học lại chưa đòi hỏi các nghiên cứu khoa học sáng tạo. Một tranh luận khác liên quan tới học vị thạc sĩ là sự sắp xếp trình độ các văn bằng tốt nghiệp ở Liên Xô cũng như ở các nước trong khối Đông Âu cũ. Theo một số giải thích thì các văn bằng tốt nghiệp này phải được xem như đã có trình độ cao học và đòi được công nhận như đã tương đương với văn bằng thạc sĩ trong khi đó hệ thống hành chính vẫn xem các bằng này là cử nhân. Phải chăng, từ khi khối cộng sản Đông Âu tan rã thì các đào tạo trong các quốc gia này không còn hợp thời nữa? Các tranh luận trên chiều hướng này nhằm điều hòa cấp đào tạo đại học, bằng cách đưa cao học vào cấp đào tạo đại học, gọi cấp này là cấp đào tạo đại học "ở mức độ hoàn chỉnh" và được cấp văn bằng thạc sĩ. Các trường hợp đào tạo đại học kéo dài quá 6 năm đều được xem như là đã ở mức độ hoàn chỉnh. Đó cũng là giải pháp đang được áp dụng ở nhiều nước trên thế giới.

Các cải tổ về cấp đào tạo sau đại học mà chủ yếu là đào tạo các nghiên cứu sinh cũng không kém sôi động và liên hệ trực tiếp tới toàn bộ hệ thống đào tạo ở các đại học. Trước đây, sự phân biệt các nghiên cứu sinh với hai trình độ khảo cứu khoa học khác nhau cho phép đặt ra những tiêu chuẩn rõ ràng trong việc tuyển chọn đi ngũ cán bộ giảng dạy trong các đại học. Tại Pháp, tuy chỉ còn một luận án tiến sĩ duy nhất nhưng vẫn có các tiêu chuẩn duyệt xét và đánh giá các công trình nghiên cứu khoa học có giá trị đặc biệt, tương đương với trình độ tiến sĩ khoa học, và dùng làm tiêu chuẩn căn bản trong việc tuyển chọn đội ngũ các giáo sư ở các đại học. Trong khi đó, hiện nay các cải tổ mới ở Việt Nam không có một giải thích nào của chính

quyền trên khía cạnh này hay một giải thích nào xác định vị trí của học vị tiến sĩ khoa học cũ đối với các cấp đào tạo mới. Trong hệ thống mới, học vị phó tiến sĩ trước đây được xem như là tiến sĩ, điều này chắc làm cho nhiều người thỏa mãn nhưng nhiều người còn cho rằng, xét về thời gian đào tạo thì phó tiến sĩ lại có giá trị cao hơn tiến sĩ mới. Đó là những tranh luận hình thức bất tận. Trên thực tế, các đòi hỏi về trình độ của học vị tiến sĩ hiện nay lại rất kém xa với các đòi hỏi của học vị tiến sĩ khoa học cũ. Vì vậy chế độ tiến sĩ duy nhất hiện nay gây ra nhiều trở ngại cho việc xây dựng trong tương lai đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật đầu đàn trong các đại học và trong các cơ quan nghiên cứu khoa học. Sự hạ thấp trình độ đào tạo các nghiên cứu sinh và của học vị tiến sĩ tất yếu sẽ dẫn tới tình trạng lạm phát bằng cấp này. Theo một phát biểu trong tài liệu của Hội Khuyến Học thì vào năm 1988, "số lượng bằng phó tiến sĩ (mà nay trở thành tiến sĩ) của cả nước đã đến con số gần vạn" (nghĩa là xấp xỉ 10000 người), các phó tiến sĩ được "đào tạo" không bắt buộc là cán bộ ở các đại học mà còn ở khắp nơi trong bộ máy chính quyền nhà nước. Theo một tài liệu khác của bộ giáo dục và đào tạo xuất bản vào năm 1995 thì "hệ thống đào tạo sau đại học đang phát triển mạnh để đạt mục tiêu đến năm 2000 mỗi năm nước ta đào tạo từ 250 đến 300 tiến sĩ và số lượng thạc sĩ gấp nhiều lần". Trong một xã hội như Việt Nam hiện nay, các "chỉ tiêu" trên đây chắc chắn đã đạt được gấp nhiều lần! Đặt ra ngoài mọi so sánh về chất lượng đào tạo, các số lượng trên đây chắc chắn sẽ làm cho mọi người ngạc nhiên khi được biết rằng, ở toàn miền Nam trước năm 1975, số lượng tất cả những người có trình độ sau đại học (cao học, tiến sĩ và tiến sĩ khoa học) cũng không thể vượt quá con số 200!

Hiện nay, với luật giáo dục mới (luật số 11/1998/QH10 ban hành ngày 2-12-1998), các quy định trên đây cũng gần như không thay đổi, ngoại trừ điều khoản sau đây xác định tên gọi các bằng tốt nghiệp đại học: "Bằng tốt nghiệp đại học của ngành kỹ thuật được gọi là kỹ sư, của ngành kiến trúc là bằng kiến trúc sư, của ngành y tế là bằng bác sĩ, bằng dược sĩ, của các ngành khoa học cơ bản, sư phạm, luật, kinh tế là bằng cử nhân.

Đối với các ngành còn lại là bằng tốt nghiệp đại học".

Sau hết, cũng cần nhấn mạnh ở đây rằng, mặc dầu có sự nổi lỏng về các tiêu chuẩn (lý lịch) tuyển sinh ở cấp đào tạo đại học, cùng với việc hoạt động của các đại học tư, các cơ sở được phép các đào tạo sau đại học, cũng như các tiêu chuẩn tuyển sinh vào cấp đào tạo này vẫn luôn luôn là một "lãnh vực thuộc quyền sở hữu" của Đảng. Mọi ứng viên vào cấp đào tạo sau đại học đều phải có sự đề cử của một cơ quan chính quyền nhà nước và xem đó là một đặc ân của chế độ.

Qua các cách so sánh trên đây thì trình độ cao học ở Việt Nam hiện nay được xem như là tương đương với văn bằng Master ở Hoa Kỳ mà giới đại học của ta đã có "sáng kiến" phiên dịch là "thạc sĩ". Phải chăng nguyên do chính của cách đặt trình độ đào tạo cao học vào cấp đào tạo sau đại học và sự thay đổi danh xưng "cao học" thành "thạc sĩ" đã xuất phát từ sự kiện, sau thời đổi mới, đa số các du học sinh được gửi đi đào tạo ở ngoại quốc đều xuất phát từ các thành phần con cháu trong giới lãnh đạo chế độ, phần lớn được đào tạo theo mô hình đào tạo ở Hoa Kỳ và phần lớn được cấp phát văn bằng Master?. Các thành phần này đang ngày càng có nhiều ảnh hưởng trong bộ máy chính quyền và dần dần thay thế các thành phần cũ đã được đào tạo ở các nước Đông Âu. Vì vậy có nhu cầu cần ban phát cho các thành phần mới này một danh xưng mới, "xứng đáng" với vị trí của họ trong chế độ?.

Khi nhìn lại hệ thống các bằng cấp được cấp phát từ khi chế độ được hình thành cho đến nay, ngoài sự kiện lạm phát các văn bằng, có một điều làm cho dư luận ngạc nhiên hơn cả là việc đặt tên cho hai học vị tượng trưng cho "sản phẩm" của hệ thống đào tạo của chế độ trong các thập niên vừa qua ở Việt Nam. Trên nguyên tắc danh xưng của một văn bằng (kết quả của sự kiểm tra của một trình độ học vấn) là một vấn đề thứ yếu và chỉ có một giá trị tương đối phản ảnh nội dung mục tiêu được đào tạo. Cùng trên nguyên tắc, ta có thể dùng bất kỳ một danh xưng nào để chỉ định một cấp đào tạo nào, miễn rằng các danh xưng này không tạo ra các mâu thuẫn với các thực tế hay với những gì vẫn còn được dùng. Nhưng hai danh xưng "phó tiến sĩ" và "thạc sĩ" đã và đang được dùng ở

Việt Nam chắc chắn chứa đựng nhiều ẩn ý và đã tạo ra các "hư danh" đang tàn phá xã hội Việt Nam đến tận gốc rễ. Trong tiềm thức của nhiều người Việt Nam, ai ai cũng có ấn tượng rằng tiến sĩ và thạc sĩ là tượng trưng cho đỉnh cao của hệ thống đào tạo ở bậc đại học. Học vị tiến sĩ đã được dùng nhiều trong lịch sử, chắc khỏi cần bàn thêm. Nhưng nguồn gốc của các danh xưng "phó tiến sĩ" và "thạc sĩ" thì chắc vẫn còn nhiều người chưa rõ và chỉ được biết từ thời Pháp thuộc hay trong thời kỳ chủ nghĩa xã hội thịnh hành.

Ai cũng biết học vị phó tiến sĩ xuất phát từ hệ thống đào tạo ở Liên Xô và trước đây, đa số các văn bằng này ở Việt Nam đã được đào tạo ở Liên Xô (và trong các nước cộng sản Đông Âu). Trong hệ thống đào tạo này, sau khi tốt nghiệp bậc đại học, các sinh viên đi vào một giai đoạn mới gọi là "Kandidat Nauk" để đào tạo nghiên cứu sinh trước khi thực sự đi vào các công trình nghiên cứu khoa học để lấy học vị tiến sĩ khoa học. Đó là một giai đoạn "dự bị", đào tạo các "ứng viên" có khả năng sửa soạn các công trình khoa học có giá trị. Hiển nhiên, đào tạo tiến sĩ khoa học như ở Liên Xô không phải là một việc làm dễ dàng. Vì vậy, trước khi các đào tạo này được hình thành một cách bình thường ở Việt Nam, phải chăng các nhà khoa học của ta đã có sáng kiến dùng danh xưng "phó tiến sĩ" để diễn tả giai đoạn "Kandidat Nauk", xem học vị này cũng "gần như" là tiến sĩ? và xem học vị "phó tiến sĩ" xem như là "đỉnh cao" trong hệ thống đào tạo ở đại học, "biểu tượng" của tầng lớp trí thức xã hội chủ nghĩa. Chắc chắn trong giới khoa học Việt Nam trong các thập niên vừa qua đã có những người được đào tạo khắp nơi trên thế giới xứng đáng được mang danh hiệu tiến sĩ hay phó tiến sĩ. Nhưng các tệ nạn phổ biến về việc mua bán các hư danh này, cộng thêm với một số các đào tạo có tính cách "ngoại giao" do các nước "anh em" trong thế giới cộng sản đảm nhận, đã để lại trong xã hội Việt Nam một dấu vết làm tổn thương đến danh dự của cả một hệ thống đào tạo. Ai cũng biết danh xưng "thạc sĩ" có nguồn gốc và được phiên dịch từ chức danh "Agrégé" trong hệ thống "học hàm" ở Pháp. Trong hệ thống này, "thạc sĩ" là những người được tuyển chọn qua những

kỳ thi tuyển dụng (concours de recrutement) các giáo sư để giảng dạy trong các trường trung học và (trước đây) trong một số các trường đại học (luật, y, dược, kinh tế,...). Vì vậy thạc sĩ ở Pháp có hai trình độ hoàn toàn khác nhau và là một danh xưng liên quan tới khái niệm "học hàm" (đảm nhận một "chức năng" trong hệ thống giáo dục) chứ không phải là một "học vị" (một "bằng cấp", kiểm tra một trình độ học vấn của một giai đoạn đào tạo). Kết quả của các kỳ thi tuyển này ở Pháp thường tùy thuộc vào các nhu cầu tuyển dụng, không nhất thiết phải tùy thuộc vào trình độ của các thí sinh. Nhưng, ngay cả đối với các thạc sĩ giảng dạy trong các trường trung học ở Pháp, ai ai cũng biết đó là những kỳ thi tuyển khó khăn, phải sửa soạn rất công phu và luôn luôn thu hút những phần tử ưu tú nhất trong xã hội Pháp, làm cho danh xưng thạc sĩ có một uy tín rất lớn. Phải chăng sự kiện thay đổi danh xưng "cao học", đã được dùng từ lâu, thành "thạc sĩ" đã được quyết định trong dụng ý này, tạo thêm một hư danh mới, đang tàn phá xã hội Việt Nam?

Vài dữ kiện về hệ thống học hàm

Qua nhiều thời kỳ khác nhau, khái niệm học hàm ở Việt Nam có một phần nào thay đổi. Lần phong học hàm đầu tiên được thực hiện khi ba trường đại học đầu tiên (y dược, sư phạm văn khoa và sư phạm khoa học) của chế độ được thành lập vào niên khóa 1955-1956 ở Hà Nội. Lúc đó có 20 nhân vật đầu đàn (trong danh sách đó có các vị Hồ Đắc Di, Tôn Thất Tùng, Đào Duy Anh, Lê Văn Thiêm,...) được phong giáo sư để điều hành các đại học. Theo quyết định 162-CP ngày 11-9-1976, trong các đợt phong học hàm năm 1980 và 1984, "học hàm" được dùng để chỉ định hệ thống các "chức vụ" trong đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật giảng dạy và nghiên cứu khoa học, được phân biệt với 4 chức danh: giáo sư, phó giáo sư, giảng viên và trợ giảng. Đến lần phong học hàm lần thứ tư vào năm 1991, các chức danh này được gọi là: giáo sư, phó giáo sư, giảng viên chính, giảng viên và trợ giảng. Sau đó, theo các nghị định 21/CP ngày 4-3-1995 và 200/TTG ngày 4-4-1995, Học hàm không còn được xem như là hệ thống các "chức vụ" mà trở thành hệ

Số phận ông tổng Phiêu

thống các "cấp bậc" của đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật giảng dạy và nghiên cứu khoa học, có trực tiếp giảng dạy trong các đại học và gồm có 4 chức danh: giảng viên cao cấp, giảng viên chính, giảng viên và trợ giảng.

Trong chế độ hiện tại, việc phong học hàm cho đội ngũ cán bộ giảng dạy là một đặc ân vì việc này luôn gắn liền với một số tiêu chuẩn về quyền lợi trong hệ thống đẳng cấp của chế độ. Các hồ sơ phong học hàm giáo sư và phó giáo sư đều phải đi qua hội đồng chính phủ, được sự chấp nhận của Quốc hội và thường chỉ được ban phát khi sự trung thành với chế độ được thể hiện rõ rệt. Sau đây là một vài số liệu liên quan tới việc phong học hàm ở Việt Nam. Theo tài liệu 50 năm phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo, 1945-1995, tổng số cán bộ giảng dạy ở các đại học và trung học chuyên nghiệp trong niên khóa 1991-1992 là 20637 người trong đó có 124 giáo sư (0,6%), 312 phó giáo sư (2,97%), 178 tiến sĩ (0,86%), 2319 phó tiến sĩ (11,24%). Đến niên khóa 1994-1995, số cán bộ giảng dạy là 21484 người trong đó có 210 giáo sư (0,98%), 1065 phó giáo sư (4,95%), 244 tiến sĩ (1,14%), 2745 phó tiến sĩ (12,78%). Theo tài liệu của Hội Khuyến Học thì vào đầu niên khóa 1997-1998, trong số các cán bộ giảng dạy, có 332 giáo sư, 1293 phó giáo sư. Đối với tổng số cán bộ giảng dạy, các số liệu trên đây về giáo sư và phó giáo sư được phong là quá ít, so với các nhu cầu trong các đại học. Một điểm đáng chú ý khác là việc phong các chức danh giáo sư hay phó giáo sư không bắt buộc phải gắn liền với với các chức năng đào tạo và nhiệm vụ giảng dạy ở các đại học, và các con số trên đây chỉ phản ánh các số liệu được ban phong trong các đại học nhưng chưa phản ánh đầy đủ số lượng các học hàm được ban phong thực sự. Tài liệu của Hội Khuyến Học cho biết, trong 10 năm kể từ thời đổi mới, lại có thêm một số lượng lớn là 597 giáo sư và 2270 phó giáo sư được ban phong.

Tôn Thất Long

(*) Viết phỏng theo tài liệu hội thảo của Hội Khuyến Học (Hà Nội, 1998), tài liệu 50 năm phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo, 1945-1995 (Hà Nội, 1995) và luật giáo dục (được quốc hội thông qua ngày 2-12-1998).

Via hà Hà Nội râm ran bàn luận về số phận ông tổng Phiêu. Người Hà thành kháo nhau rằng : ba cụ "cố" họ Đỗ, Lê và Võ đã gửi thư cho các ủy viên trung ương báo động rằng sự lãnh đạo của đảng từ khi ông Phiêu lên ngôi là quá yếu, là mềm, là kém. Tin nói thêm rằng ba cụ "cố" đã thỏa thuận về hưu hẳn, nghĩa là cái chức cố vấn sẽ chấm dứt, với điều kiện được giữ lại nhà ở, lái xe, người nấu bếp, bác sĩ và bảo vệ. Ba cụ cố còn phán rằng ba năm nay tình hình sa sút mọi mặt ; rằng ông Phiêu bất lực cầm đầu đảng ; rằng ông Phiêu tham quyền, đòi kiếm luôn chức chủ tịch nước ; rằng ông Phiêu đi châu Âu tự tô vẽ là nhân vật số một của chế độ, để bị chê cười là Pinochet châu Á ; rằng ông Phiêu quá kém về đối ngoại, ăn mặc xộc xệch, ăn nói vô duyên, nụ cười nham nhở, đối đáp không nên lời...

Hội nghị trung ương 11 (khóa 8) vừa bế mạc trước Tết Tân Ty cũng bàn về số phận ông tổng họ Lê. Nhiều đại biểu lưu ý : ông Phiêu lôi kéo bè phái, "quân đội hóa" và "Thanh Hóa hóa" bộ máy đảng và nhà nước (như đưa ông Nguyễn Di Niên làm ngoại trưởng, đưa ông Tô Huy Rứa làm bí thư Hải Phòng...) ; phê phán ông Phiêu bản lĩnh kém, bấp bênh, có thái độ từ hữu chuyển sang tả khi tiếp tổng thống Clinton ; lên gân không đúng chỗ làm hỏng quan hệ đối ngoại, làm trò cười cho dư luận...

Ở văn phòng trung ương Đảng, một cán bộ chuyên viết diễn văn cho các cụ than phiền rằng ông Phiêu đã chọn một nhà văn lảm cẩm, tính tình mát mát bất định, không vợ con, hình như "lại cái" làm thợ viết thân cận nhất, đó là trung tá về hưu Nguyễn Chí Trung, một nhân vật nổi tiếng hăm hấp khi còn ở tòa soạn báo Văn nghệ Quân đội.. Chính ông ta đã phịa thêm để viết ra bản tin về nội dung ông tổng Lê nói với tổng thống Clinton...

Ở trường Đại học Sư phạm Hà Nội (khoa văn), các sinh viên trẻ kháo nhau : Ông tổng nói chuyện thì 7 trên 10 câu là sai văn phạm ! Đất nước ta nhân tài đời nào cũng có, vậy sao tổng bí thư lại kém học đến như vậy ? Một giáo sư sử cho rằng : Đây là tổng bí thư kém nhất trong các tổng bí thư từ xưa đến nay.

Ở bộ công an, đường Yết Kiêu, cán bộ kháo nhau rằng ông tổng có một cháu họ là Lê Tất Đào làm việc ở đây. Với thiện chí, anh ta gửi thư cho chú khuyên rằng : chú chớ nên xuất hiện trên tivi, vì ngoại hình chú không có lợi. Thế là anh ta bị mất việc. Phải đuổi cổ thằng cháu mất dạy, hôn láo đó.

Hội nghị trung ương 11 chưa kết thúc. Mới chỉ nghỉ Tết Tân Ty. Sẽ còn hội nghị 11B. Sẽ định đoạt số phận ông tổng Lê và nhiều vị khác. Ông Phiêu còn phải đối đầu với một quyết định của trung ương : Nói chung, không ai trên 65 tuổi sẽ được bầu vào ban chấp hành trung ương. Trường hợp đặc biệt thì đến 70 tuổi là cùng. Vậy là ông Phiêu, sinh năm 1931, nay đã hơn 69 tuổi, quá bốn tuổi so với quyết định chung, và thiếu một tuổi nếu coi là trường hợp đặc biệt. Phe phái ủng hộ ông Phiêu đang vin vào cái giới hạn mong manh này để hy vọng ông ta còn ngồi lại bốn năm nữa, hoặc chỉ ít cũng cố với vát được nửa nhiệm kỳ, tức thêm hai năm nữa.

Ở đài phát thanh và truyền hình Hà Nội, vẫn còn một số đoạn phim còn lưu lại, để giải trí cho các nhân viên khi thấy cuộc đời tẻ nhạt. Đó là cảnh ông Phiêu thắng bộ, đi viếng đền thờ vua Lê, rất dềnh dàng, tuồng chèo ; hoặc cảnh ông cúi xuống đàn thiếu nhi khăn quàng đỏ, xưng là bác, và hỏi rằng "Các cháu có biết bác Hồ là ai không ?", để bị các cụ "cố" mắng cho cho là xác láo với bác Hồ. Hoặc cảnh ông thăm đồng bào đang khốn khổ vùng lũ lụt, bồng đùa vui với trẻ em : "Thích hè ! Tha hồ bơi lội, các cháu có vui không ?" ; hoặc Tết Trung Thu, ông ăn nhồm nhoàm một chiếc bánh nướng lớn và nói : "Tôi phá cỗ cùng các cháu có mặt ở đây và... với cả các cháu không có mặt ở đây nữa". Vô duyên, ngớ ngẩn, vụng dại đến vậy là cùng.

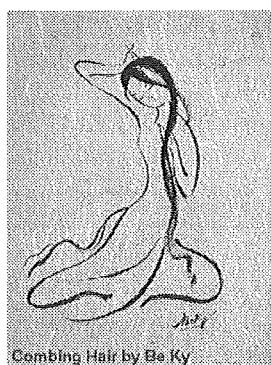
Nhưng có lẽ ở ủy ban khoa học xã hội đường Trần Xuân Soạn, các vị trí thức ở đây có nhiều lý do để mừng tuổi ông tổng họ Lê nhân Tết Tân Ty. Số là trong bài phát biểu về công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước, ông nói : "Trong thế kỷ 20, nét nổi bật là cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật của thời đại đã sinh ra giai cấp vô sản...". Thật ra

giai cấp vô sản đã được sinh ra từ máy thế kỷ trước, không phải chờ đến cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật sau này. Thế là 120.000 cuốn sách có in bài phát biểu ấy bị hủy bỏ nhằm tránh để lộ trình độ thông thái phi thường của ông tổng họ Lê.

Hiện nay số phận ông tổng Lê theo ước tính là 50/50. Bỏ thì thương, vương thì tội.

Ông tổng Phiêu mà ra đi thì kể ra cũng đáng tiếc ! Tú Săn tôi tiếc là mất đi một nguồn giải trí cho người Hà Thành, khi sân khấu chính trị ở đây thường là tẻ nhạt.

Tú Săn (Hà Nội)



Tình Xuân

*Một buổi sáng bình minh trời rạng rỡ
Suối nắng vàng óng ả trải đường đê
Gió dạt dào quyện hơi lúa đồng quê
Hạt sương tròn trên cánh đào hồng ửng*

*Ôi bao la mùa xuân mang màu mới
Cho mắt em tô đậm môi tình xanh
Thân ngọc ngà như thể vẽ trong tranh
Mái tóc dài ngậy ngất thơm từng sợi*

*Người con gái mặn mà xinh tươi hời
Xin tặng nàng cánh mai vàng đầu tiên
Đến từ tâm, từ nỗi nhớ triền miên
Của người trai xạ chân trời đất Việt*

*Tâm tình chàng như cánh én mãi miết
Vỗ cánh trên từng ngọn sóng quê hương
Tiếng nhạc tình từ lòng Mẹ đại dương
Sao ngọt ngào như thuở nuôi tôi lớn*

*Xuân lại về trên muôn hoa mơn mẩn
Em và anh ngắm nhìn cảnh đẹp xinh
Tay trong tay ta đón nhận ân tình
Ôi hạnh phúc ngày mai nơi nguồn cội*

Nguyễn Trường Thanh

1. Sách mới :

Tổ Quốc Ăn Năn

của **Nguyễn Gia Kiểng**

Tổ Quốc Ăn Năn là một cuốn sách chính luận có mục đích trả lời hai câu hỏi : Tại sao Việt Nam lại như hiện nay ? Phải làm gì để ra khỏi bế tắc và vươn lên ?

Cuốn sách mở đầu bằng một quan sát mới về đất nước và con người Việt Nam, tiếp theo là một cuộc hành trình ngắn nhưng náo động theo dòng lịch sử và một khảo sát không nhân nhượng về nền văn hóa và các giá trị đã nhào nặn người Việt và đã khiến Việt Nam là Việt Nam ngày nay. Phần cuối đề nghị một đồng thuận để làm lại đất nước.

Tác giả đã gạn lọc để chỉ đề cập đến những ý kiến hoặc chưa được đưa ra hoặc, theo tác giả, cần được nghị lại.

Sách dày 597 trang, không kể lời dẫn nhập và nhận định của một số nhân vật.

Đặt mua :

- Tại Pháp : 200 FRF. Chi phiếu xin đề Nguyễn Gia Kiểng, 11 Mail Le Corbusier, 77185 Lognes.

- Tại Đức : 60 DM. Chi phiếu xin đề Nguyễn Thanh Lương, Habsburgerallee 104, 60385 Frankfurt am Main, hoặc chuyển vào trương mục : Frankfurt Volsbank e G, Thanh Luong Nguyen, konto nr 00 77 70 82 94, Bankleitzahn 50 19 00 00.

- Tại Hòa Lan : 70 NFL. Chi phiếu xin đề Trần Thị Mến, Braamlanden 76, 7542 CJ Enschede, hoặc chuyển vào trương mục : 0126440 (Postbank) của Trần Thị Mến, Enschede, phần ghi chú xin đề TQĂN.

- Tại Úc : 50 AUD. Chi phiếu xin đề Thu S. Duong và gửi về Việt Luận Magazine, P.O. Box 99, Bankstown NSW 1885.

- Tại Hoa Kỳ : 30 USD. Chi phiếu xin đề Đinh Quang Anh Thai, 12866 Main Street, Suite # 101, Garden Grove, CA 92840.

- Tại Anh : 20£. Chi phiếu xin đề Đoàn Xuân Kiên, 74 Swaffield Road, London SW 18 3AE.

- Tại Canada : 45 CND\$. Chi phiếu xin đề That Thien TON, 223 Britannia Road, Ottawa, ONT k2B 5X1.

2. Sách nên có :

"Những Mảnh Đời Rách Nát"

do **Nguyễn Văn Huy** và **Phan Minh Hiền** biên soạn (350 trang, bìa màu), là tên một tuyển tập gồm 15 bài tự thuật ghi lại cuộc đời của tập thể anh em thương phế binh và cô nhi quả phụ Việt Nam Cộng hòa đang sống dưới chế độ cộng sản trong nước.

Đây là một tài liệu quý giá dành cho những người quan tâm đến hiện trạng xã hội Việt Nam sau 1975.

Giá bán 120 FRF hay tương đương (đã kể cước phí gửi). Ngân phiếu xin đề Mr NGUYEN và gửi về: Nguyễn Văn Huy, 9 rue Jehan Scarron, 77185 Lognes, France.

Nói chuyện với người trong nước

Nói chuyện với người trong nước có thể là độc thoại, nói không có người nghe, nhưng phải nói vì muốn giải tỏa một số ngộ nhận hay hiểu lầm về tình hình đất nước giữa người trong và ngoài nước. Nghe hay không là chuyện khác.

Người trong nước nhắm đến là ai ? Đó là những người đang giữ những trách nhiệm trong và ngoài guồng máy chính quyền, có một uy tín nào đó trong dư luận trong và ngoài nước, nói chung đó là những người còn ưu tư gần hay xa đến sự tồn vong của Việt Nam. Những người chỉ biết lo cho bản thân hay gia đình mình, không quan tâm đến những gì đã và đang xảy ra cho đất nước, không phải là đối tượng của bài này mặc dù là đa số.

Tại sao cần phải nói ? Vì có một nhận định không đúng về cộng đồng người Việt ở nước ngoài cần được giải thích. Một luận điệu nghe mãi đến quen tai là người Việt hải ngoại không nắm vững tình hình trong nước bằng người trong nước, do đó những suy tư hay phát biểu về đất nước bị bỏ ngoài tai, bị cho là không phản ánh đúng thực tế, đôi khi còn bị xuyên tạc bởi một số người trong guồng máy chính quyền nhằm tách cộng đồng người Việt hải ngoại với người trong nước. Tách được hay không là một chuyện khác.

Tuy sinh sống ở nước ngoài, người Việt hải ngoại vẫn là người Việt Nam, nghĩa là vẫn phải chia sẻ một thân phận Việt Nam chung cho dù có mang một quốc tịch khác. Đất nước đó có vinh quang tất cả chúng ta được kính trọng ; đất nước đó nghèo nàn tất cả chúng ta bị khinh khi.

Vì sao có ngộ nhận ? Người trong nước cho rằng Việt Nam ngày nay đã có rất nhiều thay đổi : kinh tế phát triển, nạn đói đã bị đẩy lùi, mức sống người dân được nâng cao, nhà cửa mọc lên khắp nơi, điện nước về đến thôn quê, đường sá được tu sửa và đi đến đâu người ta chỉ nói đến chuyện làm ăn và thi đua làm giàu... Đúng, đất nước có

không ít tiến bộ hơn xưa, nếu so với chính mình. So với trước năm 1975, mức sống của dân chúng miền Bắc đã cao hơn xưa rất nhiều và đời sống người dân tại miền Nam cũng đã ngang bằng ngày trước, có khi còn hơn đối với một số người công danh thành đạt. Nhưng người trong nước quên rằng trong hơn 25 năm qua chúng ta mới chỉ đạt ngang bằng mức sống đã có trước đó trong khi các quốc gia khác đã tận dụng khoảng thời gian đó để xây cho mình một chỗ đứng vinh quang hơn trong cộng đồng thế giới. Không cần nhìn đâu xa, cứ lấy Thái Lan và Đại Hàn làm thí dụ. Trước 1975 mức sống của hai nước này chưa bằng miền Nam, vậy mà năm 1993 Thái Lan dám đề nghị lấy đồng baht làm đồng tiền chung cho cả ba nước Việt Nam, Lào và Căm Pu Chia, còn doanh nhân Đại Hàn thì đến Việt Nam như những thực dân có đủ mọi quyền, kể cả quyền đánh đập công nhân bản xứ. Khinh thường Việt Nam đến thế là cùng.

Tình trạng Việt Nam giống như một khu xóm trong đó mọi gia đình có con cái đến tuổi trưởng thành đều học hành thành đạt và giữ những chức vụ vinh quang ngoài đời, trong khi con cái chúng ta cũng bằng tuổi đó nhưng chỉ vừa biết đi và đang biết viết. Nếu so sánh với chính nó thì đứa bé Việt Nam có tiến bộ thật nhưng so với con cái người khác thì nó chỉ là một đứa bé tật nguyền, khờ khạo, bị chúng bạn khinh thường và lờn mặt cho dù trước đó cha anh của nó là những người gan lì.

Ngày nay sự vinh nhục giữa các dân tộc được đo lường theo lợi tức đầu người chứ không bằng sự chịu đựng. Dân tộc nào có lợi tức đầu người cao, dân tộc đó được kính trọng ; dân tộc nào có lợi tức đầu người thấp, dân tộc đó bị khinh khi. Liên hiệp Quốc còn qui định mức lợi tức tối thiểu để được xếp vào hạng các dân tộc biết đến hạnh phúc là 730 USD/năm, hay 2 USD/ngày ; dân tộc nào có lợi tức thấp hơn hạn mức này bị liệt vào hạng nghèo khổ. Không nên ngụy biện

"Nhiệm vụ lịch sử của thời đại chúng ta là giải thoát dân tộc khỏi cảnh lầm than hiện nay và cứu đất nước khỏi nguy cơ bị thua kém vĩnh viễn"

Dự án Chính trị Dân chủ Đa nguyên
Thành công Thế kỷ 21

trị giá 2 USD/ngày tại một quốc gia chậm tiến cao hơn một quốc gia phát triển vì vật giá tại quốc gia chậm tiến thấp hơn. Mức lợi tức tối thiểu này đã được tính toán kỹ lưỡng, con người không phải chỉ sinh ra để suốt ngày truy tìm thức ăn như loài thú vật mà còn cần những nhu cầu khác, như kiến thức và văn hóa, để xứng đáng là con người, do đó 2 USD/ngày là định mức thấp nhất để đo lường hạnh phúc của một dân tộc.

Lợi tức bình quân một người Việt Nam năm 2000 là 370 USD/năm, nghĩa là chỉ hơn một phần trăm lợi tức của một người Nhật (32.230 USD/năm). Cách so sánh quá bộc trực này có thể làm phẫn lòng nhiều người trong nước vì nhìn chung người Việt có thua ai đâu, cũng thông minh và cần cù trên mức trung bình. Cũng không nên cường điệu cho rằng con số 370 USD/năm không phản ánh đúng thực tế. Có thể trong một vài thành phố lớn mức sống người trong nước ngang với các quốc gia trong vùng, nhưng với một tổng sản lượng (GDP) 28, 2 tỷ USD/năm cho một dân số 78,7 triệu người thì lợi tức bình quân đầu người Việt Nam dưới 360 USD, tức chưa tới một đô la một ngày. Với kết quả đó, chúng ta là một trong 48 quốc gia chậm tiến nhất và là một trong 15 quốc gia nghèo nhất trên tổng số 174 quốc gia trên thế giới. Thân phận đau lòng đó chất vấn mọi người Việt Nam. Tại sao chúng ta vẫn là một nước nghèo nàn và lạc hậu nhất thế giới ?

Trở lại những tiến bộ vừa có trong nước. Nhờ đâu có tiến bộ ? Đó là vì chính quyền đã cởi trói người dân, nơi nào nhà nước bỏ rơi nơi đó phát triển, nơi nào nhà nước nắm giữ nơi đó kiệt quệ. Canh tác nông nghiệp vừa được giao cho tư nhân, đời sống nông dân trở nên sung túc, nạn đói bị đẩy lùi. Thương nghiệp tư doanh vừa được giải tỏa, hàng hóa tràn ngập thị trường, kim ngạch xuất khẩu gia tăng. Càng ít nhà nước, mức sống càng cao. Tổ chức xã hội rõ ràng là chìa khóa của tiến bộ, là yếu tố

quyết định chỗ đứng và sự vinh nhục của các dân tộc. Muốn thay đổi tổ chức xã hội, trước hết phải thay đổi những giá trị nền tảng của xã hội. Những giá trị đó, cũng là những giá trị phổ cập của loài người, là hòa bình, tự do, dân chủ, bình đẳng, nhân quyền, nhà nước pháp trị, đối thoại, hợp tác, lợi nhuận, môi trường và liên đới. Những giá trị này đã có sẵn trong xã hội Việt Nam nhưng rất tiếc là đã không được phát huy đúng mức nên đất nước phải hổ nhục và thua kém như hiện nay. Nếu tình trạng này tiếp tục kéo dài, nguy cơ thua kém vĩnh viễn là điều không thể tránh khỏi và Việt Nam có thể sẽ bị xóa tên trên danh sách những dân tộc có quyền nói đến hạnh phúc.

Nét đậm của buổi hoàng hôn thế kỷ 20 là thế giới đang trải qua một cuộc chuyển hóa trọng đại, và sẽ còn kéo dài ít nhất trong vài thập niên đầu của thế kỷ 21, đó là khuynh hướng toàn cầu hóa trong mọi giao dịch và trao đổi quốc tế. Các tiến bộ khoa học kỹ thuật dồn dập hằng ngày làm thay đổi hẳn bản chất của hoạt động kinh tế và những trao đổi giữa các quốc gia, đẩy các quốc gia vào một cuộc cạnh tranh dữ dội. Cuộc chạy đua tìm kiếm hiệu năng tối đa, phẩm chất cao nhất và giá thành thấp nhất không những buộc mọi xí nghiệp xét lại phương thức sản xuất và quản trị mà còn buộc nhiều quốc gia, kể cả các quốc gia giàu mạnh nhất thế giới, phải xét lại mô hình tổ chức xã hội của mình để thích ứng với trào lưu mới, nghĩa là phải có tự do và dân chủ ngay bây giờ, nếu không muốn bị đào thải hay bị vượt qua.

Trong cuộc chạy đua không nhân nhượng này, không có chỗ đứng cho những quốc gia chậm chân lỡ bước như Việt Nam, không bắt kịp đà tiến hóa chung của thời đại, với hậu quả tất nhiên là bị đẩy vào số kiếp tòi đòi, nghĩa là bị chèn ép và bóc lột bởi những dân tộc hay quốc gia biết thích ứng với tình thế mới. Sự khác biệt quan điểm giữa người Việt trong và ngoài nước là ở chỗ đó. Người trong nước không phủ nhận tự do và dân chủ là chìa khóa của tiến bộ, nhưng lại nói phải từ từ vì tình hình trong nước chưa cho phép.

Một điều quan trọng khác mà người trong nước nói riêng và người Việt Nam nói chung không cho là quan trọng, đó là yếu tố thời gian. Sự hơn thua ngày nay

giữa các dân tộc chính là thời gian, dân tộc nào nhanh chân chấp nhận những giá trị phổ cập của loài người thì dân tộc đó sớm hưởng vinh quang. Sự do dự này không những do chính chính quyền cộng sản chủ động mà một phần nào đó do chính quần chúng Việt Nam chấp nhận. Nhưng đừng quên rằng, càng do dự càng chìm sâu vào vũng lầy chậm tiến, và đến một lúc nào đó chúng ta không thể vượt lên nổi.

Việt Nam ngày nay là một quốc gia rất cô lập do sự ngoan cố duy trì một chế độ độc tài và một chủ nghĩa đã bị thế giới vứt bỏ. Cách quản lý thô vụng trong suốt 25 năm qua không những đã làm tiêu hao tài nguyên mà còn hủy hoại một cách trầm trọng môi trường và làm kiệt quệ con người. Các tệ nạn xã hội gia tăng, các giá trị nền tảng ngày càng xuống cấp. Nếu tình trạng này tiếp tục kéo dài, không còn ai còn đủ tinh thần để lập cho mình những kế hoạch lâu dài và mất lòng tin vào tương lai đất nước. Nếu không thay đổi kịp thời tổ chức xã hội để bắt kịp đà tiến chung của nhân loại, nghĩa là phải có tự do và dân chủ, nguy cơ thua kém sẽ trở thành vĩnh viễn và người Việt sẽ khó nhìn nhau mắt trong mắt.

Cộng đồng người Việt hải ngoại có một vai trò quan trọng trong cuộc đổi đời này nếu đất nước thật sự cần đến và nhìn nhận vai trò phải có của nó. Quốc gia nào cùng cần một cộng đồng hải ngoại, đó là con mắt hướng nhìn ra thế giới, nhất là Việt Nam không thể tự tồn tại trong một thế giới liên lập như ngày nay. Đó là đầu cầu kỹ thuật và văn hóa, là nguồn giao lưu hàng hóa và ngoại tệ. Sở dĩ mức sống người dân trong nước được nâng cao một phần nào đó đã nhờ sự giúp đỡ của cộng đồng người Việt hải ngoại. Hàng năm số tiền viện trợ cấp không gởi về cho thân nhân trên toàn quốc, chính thức và không chính thức, không dưới hai tỷ đô la, nghĩa là bằng 1/10 GDP cả nước, cao hơn bất cứ số tiền đầu tư quốc tế nào. Rất tiếc số tiền này đã bị chi tiêu vào những nhu cầu phi sản xuất để rồi lọt vào túi của ngoại nhân qua những dịch vụ vui chơi phù phiếm hay vào túi những quan lại tham nhũng.

Người Việt hải ngoại không ngại thơ, họ biết số tiền gởi về không được tiêu xài xứng đáng nhưng vẫn tiếp tục

gởi về vì đó là một tình cảm. Bù lại người Việt hải ngoại được gì? Một sự bất kính. Không những chỉ gặp sự bất kính từ phía chính quyền mà còn ngay cả quần chúng trong nước: đã là Việt kiều thì phải có tiền, đã có tiền thì phải bị móc hết và khi hết tiền thì đuổi ra khỏi nước.

Theo nhận xét riêng, người trong nước vừa tự ái vừa mặc cảm với người ngoài nước. Tự ái vì người ngoài nước hiểu biết hơn mình, mặc cảm vì mình thua kém nó thật. Do đó, khi về thăm nhà, người Việt hải ngoại thường bị hà hiếp để hạ xuống ngang bằng người trong nước. Tại sao chỉ dám hà hiếp Việt kiều mà không dám đụng đến Hoa kiều, Hàn kiều, Nhật kiều hay Tây kiều? Sợ. Đụng tới người ngoại quốc thì sợ bị khinh khi còn giữa người Việt với nhau muốn làm gì cũng được, người Việt mà. Mà thật sự người Việt hải ngoại có giành giật chỗ đứng của ai đâu, họ chỉ đất nước này vươn lên để con cháu họ còn hành diện là người Việt. Chỉ thế thôi.

Còn nói người Việt hải ngoại không nắm rõ tình hình trong nước bằng người trong nước là sai. Có thể họ không nắm vững tâm lý an phận thủ thường hay cách luồn lách của người trong nước để được yên thân hay để được ăn trên ngồi trước, nhưng họ nắm rất vững tình hình trong nước vì được thông tin đầy đủ và có cơ hội so sánh Việt Nam với các nước khác. Có thể thái độ của người Việt hải ngoại không mềm dẻo và uyển chuyển như người trong nước, ngôn ngữ không êm tai như mong đợi, nhưng sự nhiệt tình về tương lai đất nước không thua kém ai.

Người Việt ở ngoài nước chỉ muốn chia sẻ người trong nước điều này: chúng ta đang đứng trước một thế giới đầy thử thách và hy vọng. Các chế độ độc tài chỉ kèm hãm dân tộc trong nghèo nàn và lạc hậu, tất cả đang theo nhau sụp đổ. Dân tộc nào sớm trút bỏ ách độc tài và chấp nhận luật chơi dân chủ, dân tộc đó sớm bước lên chiếu trên của vinh quang. Với một dân số đông đảo, những con người cần mẫn và một địa lý thuận lợi, Việt Nam có tiềm năng của một nước lớn và giàu mạnh nếu biết sớm bắt kịp đà tiến hóa của nhân loại.

Nguyễn Văn Huy

Ghi nhanh :

Dân chủ trong nội bộ đảng ?

Nguyễn Gia Kiểng

Những ai đã đọc dự thảo báo cáo chính trị cho đại hội 9 của Đảng Cộng Sản Việt Nam chắc đều có một nhận định : nó thủ cựu và giáo điều hơn cả ba báo cáo của ba đại hội trước đây, dù đại hội 8 đã được coi là đại hội của chủ trương xiết lại (xiết lại chứ không xét lại). Nó nhắc lại hàng chục lần sự kiên trì theo đuổi chủ nghĩa Mác-Lênin, nó cũng phủ nhận quyền tư hữu và khẳng định quan điểm sở hữu công cộng.

Nhưng cũng có một điều mới : nguyên tắc "dân chủ trong nội bộ đảng" được nhấn mạnh hơn nhiều so với trước đây.

Có gì đáng nói về vấn đề "dân chủ trong nội bộ đảng" ? Tôi hỏi các thân hữu trong nước và họ đều gạt phăng đi : "Chẳng có gì mới, đó chỉ là một khẩu hiệu rỗng nghĩa vì một đảng phủ nhận các quyền tự do căn bản là đảng của những kẻ phản dân chủ và làm sao có thể có dân chủ giữa những kẻ có bản chất phản dân chủ". Tôi không hoàn toàn đồng ý.

Đầu năm 1996, sau khi đọc một bài của tôi phê phán ông Võ Văn Kiệt sau lá thư gửi bộ chính trị của ông (thư này tuy đã được phổ biến rất rộng rãi cũng vẫn khiến hai ông Lê Hồng Hà và Hà Sĩ Phu bị đi tù vì tội tàng trữ tài liệu bí mật của nhà nước), ông Nguyễn Hộ đã gọi điện thoại nói chuyện với tôi. Chắc hẳn ông Nguyễn Hộ thấy rất cần nói chuyện với tôi vì một cú điện thoại gọi ra nước ngoài là một chi phí lớn. Và chắc ông cũng thấy cần phải nói ngay vì ông đánh thức tôi dậy lúc 2 giờ sáng.

Ông Nguyễn Hộ yêu cầu tôi ngưng đả kích ông Kiệt, trái lại còn phải ủng hộ ông Kiệt. Ông nói một cách sôi nổi : "Phải ủng hộ anh Sáu Dân, tôi thông cảm là anh thấy lập trường của anh Kiệt còn quá giới hạn, thậm chí chứa đựng những điều rất phản dân chủ như anh đã phân tích nhưng mình vẫn phải ủng hộ anh ấy vì anh ấy đòi dân chủ trong nội bộ đảng. Điều này quan trọng lắm ! Hề

có dân chủ trong nội bộ là sẽ có thay đổi lớn. Đại đa số đảng viên cộng sản không đồng ý với ban lãnh đạo, nếu có dân chủ trong nội bộ đảng là họ sẽ đòi đa nguyên đa đảng và ban lãnh đạo sẽ phải thay đổi đường lối". Tôi hứa với ông Nguyễn Hộ là sẽ không đả kích ông Võ Văn Kiệt nữa cho đến hết đại hội 8. Có những lúc mà những nhận định khác nhau đưa đến cùng một kết luận.

Tại sao lại có thể có vấn đề "dân chủ" trong nội bộ một tổ chức ?

Dân chủ, hiểu theo nghĩa cụ thể và không ai chối cãi của nó, là một phương thức sinh hoạt quốc gia với ba quyền tự do căn bản : tự do phát biểu, tự do kết hợp (lập hội và lập đảng), tự do bầu cử và ứng cử. Đó là một phương thức sinh hoạt cho một quốc gia, không nhất thiết phải có và cũng không cần phải có trong một tổ chức, và dù muốn hay không cũng không thể đem áp dụng một cách máy móc cho một tổ chức. Giữa một quốc gia và một tổ chức có những khác biệt lớn, không những về tầm vóc mà còn về bản chất.

Quốc gia là tập hợp của những con người tình cờ phải sống chung với nhau dù có muốn chấp nhận nhau hay không, trong đó người ta có thể hoàn toàn không đồng ý với nhau, thậm chí có thể chống đối nhau. Một tổ chức, trái lại, là kết hợp tự nguyện của một số người cùng chia sẻ với nhau một số mục tiêu và đồng ý thực hiện những mục tiêu đó với cùng một phương thức. Nền tảng sinh hoạt của quốc gia là dân chủ, nền tảng sinh hoạt của một tổ chức là tinh thần đồng đội. Một quốc gia nếu bảo đảm được sự sống chung của những con người tự do là đã có thể chấp nhận được rồi. Một tổ chức trái lại phải thành công trong các mục tiêu đề ra, nếu không thì chỉ là một sự phí uổng công sức. Trong một quốc gia thực sự dân chủ, tuyệt đại đa số các tổ chức đều không dân chủ, ngay cả các tổ chức rất đứng đắn. Các ban nhạc đại hòa tấu không dân chủ ;

các đội ban không dân chủ ; các tôn giáo không dân chủ ; quân đội, cảnh sát, các cơ quan hành chính, các tòa án, các xí nghiệp tư cũng như công đều không dân chủ.

Còn các chính đảng ? Trên nguyên tắc đó là kết hợp của những người cùng theo đuổi một dự án chính trị và muốn được cầm quyền để thực hiện dự án đó. Mục tiêu của đảng có thể là xây dựng dân chủ cho đất nước và bảo đảm tự do cho mọi người nhưng các đảng viên sinh hoạt theo một qui ước sinh hoạt mà họ nghĩ là có hiệu lực nhất để đạt thắng lợi. Qui ước sinh hoạt đó như thế nào, dân chủ hay không, là chuyện riêng của họ.

Vậy thì chúng ta có thể nói thẳng với đảng cộng sản : "Quý vị có dân chủ trong nội bộ đảng hay không là chuyện của quý vị, chúng tôi không cần biết. Điều chúng tôi cần và đòi là có dân chủ trong xã hội".

Cái nghịch lý của dự thảo báo cáo chính trị cho đại hội 9 là nó khẳng khái phủ nhận một điều cần thiết, nghĩa là dân chủ trong xã hội và đề ra một điều chỉ là vấn đề vớ vẩn vì chỉ là riêng của đảng, nghĩa là dân chủ trong nội bộ đảng. Nghịch lý mà lại đầy ý nghĩa.

Dân chủ trong bản chất của nó chủ yếu là để tổ chức sự chống đối nhau và tranh giành quyền lực một cách văn minh. Tinh thần đồng đội chủ yếu là để làm việc chung với nhau một cách thông minh và đạt thắng lợi. Dân chủ là lý và là luật, tinh thần đồng đội là tình và là sự chung sức chung lòng. Dĩ nhiên giữa dân chủ và tinh thần đồng đội trong một tổ chức đấu tranh cho dân chủ có nhiều điểm chung như tự do phát biểu ý kiến và vận động để ý kiến của mình được chấp nhận, bình đẳng trong việc biểu quyết những định hướng chung ; bầu cử tự do và lương thiện những người lãnh đạo, v.v. nhưng tinh thần đồng đội đi xa hơn dân chủ rất nhiều, nó còn đòi hỏi sự quý trọng, sự thỏa hiệp và sự hợp tác

trong một phân công trách nhiệm hiệu lực nhất để giành thắng lợi. Khi một thành viên không còn đồng ý với mục tiêu và cách sinh hoạt của tổ chức nữa thì chỉ có hai lựa chọn: một là thấy những bất mãn của mình không quan trọng bằng những gì mình chấp nhận trong tổ chức và tiếp tục sinh hoạt chờ đợi một cơ hội khác để tranh thủ tổ chức theo đường lối của mình; hai là thấy mâu thuẫn quá lớn và rời tổ chức; Nhưng nếu chọn lựa ở lại thì vẫn phải tích cực tranh đấu cho lập trường chung. Dân chủ chỉ là tối thiểu, là chuyện giữa người dung nước lã, sinh hoạt dân chủ cho phép một người chống đối đến cùng và dùng mọi phương tiện hợp pháp để làm thất bại một chủ trương mà mình không đồng ý. Điều này không thể có trong một tổ chức. Người ta không gia nhập một chính đảng để được sinh hoạt dân chủ, mà để có hy vọng thực hiện thành công một số mục tiêu. Không ai đánh cá trên một đội bóng đá dân chủ hay bỏ tiền đi nghe một dàn nhạc hòa tấu dân chủ.

Khi trong nội bộ một đảng người ta đòi dân chủ có nghĩa là cái tình không còn nữa, người ta chỉ còn coi nhau như người dung nước lã, có lẽ vì đã bị đối xử một cách quá tệ. Người ta chỉ còn đòi cái tối thiểu, người ta đòi quyền chống đối lẫn nhau và ăn thua đủ với nhau. Đây chính là trường hợp của đảng cộng sản. Từ trước đến nay mọi chính sách và chiến lược đều do một người hay một vài người quyết định, mọi biểu quyết chỉ là hình thức. Những ai phát biểu trái với lập trường của người lãnh đạo khó tránh khỏi tai họa. Các cấp lãnh đạo được chọn lựa trước các đại hội theo kết quả của những tranh giành quyền lực trên thượng tầng lãnh đạo. Vai trò của các đảng viên chỉ là võ tay, và không những thế phải võ tay một cách nhiệt tình. Sự phục tùng ngoan ngoãn này càng ngày càng khó chấp nhận khi đường lối của đảng đã sai một cách quá rõ rệt và những người lãnh đạo cũng tỏ ra tầm thường một cách rõ rệt không kém. Ly nước đã tràn. Cuộc tranh cãi sẽ không đem lại kết quả, bởi vì các lý do sẽ nhiều hơn các lý do, cái luôi gỗ đã chiếm chỗ của tiếng nói chân tình. Kinh nghiệm cho thấy mỗi khi trong một chính đảng có một số đông đảng viên đòi dân chủ là đảng có nguy cơ tan rã vì

tình đồng đội không còn nữa. Đó là điều đã xảy ra với Đảng Xã Hội Pháp năm 1993 tại đại hội Rennes, đó là điều đang xảy ra đối với đảng De Gaulle.

Đảng Xã Hội Pháp sau cùng đã hòa giải được và gượng dậy bởi vì ít ra họ còn chia sẻ với nhau một số giá trị chung. Nhưng đó không phải là trường hợp của Đảng Cộng Sản Việt Nam.

Đảng Cộng Sản Việt Nam được thành lập để thực hiện mục tiêu làm cuộc cách mạng vô sản và xây dựng chủ nghĩa Mác-Lênin (nhiều người nói nó cũng có mục tiêu giành độc lập, thiết tưởng không cần tranh cãi vì đây cũng là mục tiêu của nhiều đảng không cộng sản mà đảng cộng sản đã thẳng tay tiêu diệt, và lại vấn đề giành độc lập không còn đặt ra nữa). Rất có thể chính mục tiêu này cũng chỉ là một chiêu bài cho những tham vọng quyền lực, nhưng đầu sao ở một giai đoạn nó cũng đã là một mục tiêu được các đảng viên chấp nhận. Nhân danh mục tiêu này, đảng đã tàn sát hàng trăm ngàn người, kể cả một số đảng viên cộng sản. Đảng cộng sản chưa bao giờ là một đảng dân chủ, chưa bao giờ thực hiện những nguyên tắc dân chủ tối thiểu. Nhưng cứu cánh đã biện minh cho phương tiện. Ngày nay mục tiêu chung không còn nữa, lý tưởng Mác-Lênin không còn hấp dẫn bất cứ ai. Đã không còn lý tưởng chung thì cũng không còn tình đồng chí, chỉ còn lại những quyền lợi được phân chia không đồng đều và một "nghĩa vụ" chung không vinh quang chút nào là đàn áp những tiếng nói của lương tri và ngăn cản đất nước vươn lên. Do đó mới có vấn đề đòi dân chủ trong nội bộ đảng. Cuộc tranh cãi về dân chủ trong nội bộ đảng sẽ làm tan vỡ đảng, lý do không phải là vì đảng không có dân chủ trong nội bộ, đảng chưa bao giờ có dân chủ trong nội bộ cả mà có sao đâu, mà là vì đảng không còn lý do tồn tại. Nhiều người nói đảng cộng sản sẽ vẫn tồn tại được như là một tập hợp vì quyền lợi, nhưng quyền lợi bất chính chưa bao giờ là nền tảng cho một kết hợp lâu dài.

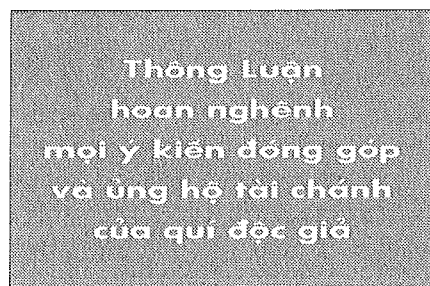
Một đảng cộng sản - tại Việt Nam hay tại bất cứ một nước nào - không được thành lập để vận động thắng lợi một cuộc bầu cử mà để lợi dụng một tình trạng khủng hoảng để cướp chính quyền,

và khi đã nắm được chính quyền rồi thì dùng bạo lực tiêu diệt mọi chống đối để giữ chính quyền vô hạn định. Bầu cử tự do không có trong tự điển cộng sản. Một đảng cộng sản chỉ chấp nhận luật chơi dân chủ khi nó đã tự cảm thấy tuyệt vọng và chấp nhận thất bại để hy vọng có thể hồi sinh sau khi đã hóa thân thành một đảng khác. Phải sang suốt lắm mới có được quyết định này.

Có ba thái độ khác nhau dưới cùng một khẩu hiệu. Những người cộng sản lương thiện đòi dân chủ trong nội bộ đảng vì muốn đất nước chuyển hóa về dân chủ trong hòa bình và trật tự. Những người cộng sản thất sủng đòi dân chủ trong nội bộ để có thể chống đối lại ban lãnh đạo và giành quyền lợi vì họ không còn gì để mất. Ban lãnh đạo đảng dùng chiêu bài "dân chủ trong nội bộ" vì không còn khống chế được các đảng viên nữa. Cuộc tranh luận về dân chủ trong nội bộ đảng sẽ không bao giờ ngã ngũ bởi vì nó giả tạo. Vấn đề thực là chế độ cộng sản không thể tiếp tục được nữa. Đại hội 9 sẽ chỉ là một cột mốc của một tiến trình đảo thải không thể đảo ngược được.

Một lời cuối: Dưới các chế độ thuộc địa, điển hình là chế độ thuộc địa Pháp mà chúng ta đã biết, nhà nước thực dân có thể là một nhà nước rất dân chủ, nhưng chế độ thuộc địa mà họ áp đặt lên các dân tộc bị trị lại rất thô bạo. Trong hoàn cảnh chao đảo và phân hóa hiện nay, Đảng Cộng Sản Việt Nam đang cố kéo dài cuộc sống bằng liều thuốc dân chủ trong nội bộ đảng. Liều thuốc này có thể hiệu lực trong một thời gian ngắn trước khi nó làm nổ tung một đảng không còn lý tưởng và tình đồng chí. Trong khoảng thời gian ngắn đó, đảng cộng sản xuất hiện dưới mặt nhân dân Việt Nam như một lực lượng chiếm đóng.

Nguyễn Gia Kiểng



Ai sẽ là tổng bí thư sau đại hội IX ?

Từ một năm nay, ông Lê Khả Phiêu không những tin rằng mình có thể sẽ được tiếp tục làm tổng bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam mà còn hy vọng được kiêm nhiệm chức chủ tịch nhà nước. Nhưng tình thế đã thay đổi nhanh chóng và thế lực của ông đã suy yếu rất nhiều trong vài tháng qua. Ông Phiêu bị ba vị cố vấn Lê Đức Anh, Đỗ Mười và Võ Văn Kiệt phê phán là hữu khuynh và thiếu quyết tâm. Ông Võ Văn Kiệt vốn đã không ưa ông Lê Khả Phiêu từ lâu nhưng hai ông Đỗ Mười và Lê Đức Anh là những người đã từng nâng đỡ ông Phiêu một cách tận tình, cất nhắc ông lên những chức vụ quan trọng và sau cùng đưa ông lên làm tổng bí thư. Thế lực của ông Lê Đức Anh hiện vẫn còn rất mạnh. Mất sự đỡ đầu của ông Lê Đức Anh, ông Lê Khả Phiêu gặp khó khăn lớn vì phần đông các ủy viên trung ương đảng đều không nể phục ông, họ chỉ nhìn nhận một điều : ông Lê Khả Phiêu không tham nhũng. Nhưng họ chê ông Lê Khả Phiêu nhiều điểm khác : ông thiếu kiến thức và tầm nhìn, nhất là về tình hình thế giới, chuyến công du Pháp của ông đã quá bề bàng, trong cuộc gặp gỡ với tổng thống Mỹ Bill Clinton ông đã tỏ ra kiêu ngạo và thiếu văn hóa; trong suốt thời gian cầm quyền ba năm qua ông không đưa ra một quyết định quan trọng nào cả. Nhiều cán bộ cao cấp còn nhắc lại những sai phạm về mặt lý luận ái trong quá khứ của ông, một số còn buộc tội ông ngay gần đây đã có những quan hệ không đúng đắn với một thư ký riêng là Đặng Việt Hà. Lý do chính thức được đưa ra để đòi ông Phiêu ra đi là vì ông đã đến tuổi 70.

Ai sẽ là tổng bí thư sau đại hội 9 ? Trước hết là chính ông Lê Khả Phiêu, ông vẫn cố gắng phấn đấu để được ở lại chức tổng bí thư, dù việc kiêm nhiệm chức chủ tịch nước hoàn toàn không đặt ra nữa, và ông cũng vẫn giữ được một số hậu thuẫn. Trong trường hợp ông Lê Khả Phiêu ra đi, hai người được coi là có hy vọng thay thế ông : Nông Đức Mạnh và Nguyễn Phú Trọng. Cả hai đều xấp xỉ 60 tuổi. Ông Nông Đức Mạnh đã là ủy viên bộ chính trị và chủ tịch quốc hội từ hai khóa trước. Ông Mạnh không có thù địch nhưng cũng không có khả năng và cũng không có cả ý muốn làm tổng bí

thư, ông hài lòng với địa vị hiện nay. Ông Nguyễn Phú Trọng là một lý thuyết gia của Đảng Cộng sản, mới được vào bộ chính trị từ ba năm nay phụ trách về chủ nghĩa, gần đây ông kiêm nhiệm cả chức vụ bí thư thành ủy Hà Nội. Mặc dầu được coi là ngọn cờ của phe bảo thủ, điều nghịch thường là ông cũng được cả những người dân chủ trong nước coi là là khá hơn ông Lê Khả Phiêu và ông Nông Đức Mạnh.

Trương Tấn Sang vẫn vững mạnh ?

Theo những tin tức nhận được từ Việt Nam thì ông Trương Tấn Sang sẽ vẫn ở lại bộ chính trị sau đại hội IX, trái với nhiều dự đoán trước đây là ít nhất ông sẽ bị loại khỏi bộ chính trị. Theo nhiều nguồn tin phù hợp thì ông Trương Tấn Sang sẽ vẫn tiếp tục là ủy viên bộ chính trị và trưởng ban kinh tế trung ương đảng. Đây là một chức vụ rất quan trọng, và ngày càng gia tăng tầm quan trọng. Ông Trương Tấn Sang, 54 tuổi, từng bị cụ Nguyễn Văn Trấn, người cầm đầu cuộc khởi nghĩa Sài Gòn năm 1945, tố giác là mượn người thi hộ mình để tốt nghiệp "đại học tại chức". Gần đây dư luận còn xôn xao vụ vụ ông Trương Tấn Sang bị bà Võ Thị Thu Hồng, giám đốc công ty May Quận 3 Sài Gòn, tố cáo là đã cưỡng dâm bà. Chồng bà Thu Hồng là Nguyễn Cảnh Sinh trước đó cũng viết thư đề ngày 3-10-1999 gởi cho ông Lê Khả Phiêu tố giác như vậy. Thông Luận đã nhận được những thư tố giác này từ hơn một năm nay nhưng không phổ biến. Gần đây các thư này đã đến tay một số cơ quan truyền thông hải ngoại và được phổ biến rộng rãi trên mạng Internet. Các cơ quan này không có một tài liệu khác mà Thông Luận đã có cùng với hai thư tố giác trên, đó là một bản "báo cáo nhiệm vụ đặc biệt kính gửi thủ trưởng" của "báo cáo viên Nguyễn Quang Vinh", người được giao nhiệm vụ điều tra về việc này. Có rất nhiều lý do để tin rằng đây là báo cáo của người được ông Lê Khả Phiêu giao nhiệm vụ điều tra vì các thư khiếu nại được gởi đến ông Lê Khả Phiêu và người bị điều tra là một ủy viên bộ chính trị. Theo bản báo cáo này, bà Thu Hồng đã được ông Huỳnh Văn Thành, tức Tám Thành, bí thư quận ủy quận 3, đem đến cho ông Trương Tấn Sang nhưng bị ông Sang

chê là già (bà Thu Hồng sinh năm 1955, sự việc xảy ra năm 1992, lúc đó bà Thu Hồng 37 tuổi). Thay vào đó Tám Thành dùng điện thoại gọi một địa điểm thi hoa hậu tại Sài Gòn đem tới cho Trương Tấn Sang một thí sinh tên là Ngọc Khanh. Cô này sau đó được Trương Tấn Sang đền bù bằng một chỗ làm tiếp viên hàng không. Sau đó Thu Hồng trở thành người tình của Tám Thành. Vì chuyện ghen tương hai người thù ghét nhau, công ty May Quận 3 bị phá sản. Không biết có phải do hậu quả của báo cáo này hay không, nhưng sau đó cả Tám Thành lẫn Thu Hồng đều bị án tù. Riêng Trương Tấn Sang, tức Tư Sang thì không hề hấn gì. Những người đứng đắn hơn chê trách ông Trương Tấn Sang là thiếu khả năng. Trong thời gian làm chủ tịch rồi bí thư thành ủy Sài Gòn, ông Sang đã không có sáng kiến nào và cũng để cho nạn ô nhiễm và tắc nghẽn giao thông gia tăng một cách báo động, tham nhũng lên cao và nhiều ngân hàng bị phá sản. Ông Sang cũng dính líu đến vụ Epcó-Minh Phụng, sự kiện mà "bản báo cáo nhiệm vụ đặc biệt kính gửi thủ trưởng" của Nguyễn Quang Vinh có nhắc lại. Phe ông Võ Văn Kiệt còn căm thù ông Sang vì tội "phản bội". Ông Sang đã nhờ ông Võ Văn Kiệt cất nhắc lên nhưng khi ông Kiệt yếu thế trước ông Lê Đức Anh, ông Sang đã ngã thẳng về phe ông Lê Đức Anh và đề nghị khai trừ ông Võ Văn Kiệt. Nếu được ở lại bộ chính trị và tiếp tục nắm ban kinh tế trung ương đảng, thế lực của ông Sang sẽ tăng lên vì ông trở thành một ủy viên thâm niên trong bộ chính trị trong khi theo dự đoán của giới thạo tin một nửa bộ chính trị sẽ là những người mới. Đứng đầu kinh tế Việt Nam, ông Sang có chủ trương nào ? Những người theo dõi thời cuộc còn nhớ ông Sang đã từng viết một bài trên báo Sài Gòn Giải Phóng hô hào chủ nghĩa "tư bản nhà nước". "Tư bản nhà nước" thực ra không phải là một lý thuyết mà chỉ là một cụm từ được phe chống cộng chế tạo ra để mỉa mai chủ nghĩa cộng sản. Việc ông Sang dùng cụm từ này chứng tỏ ông thiếu hiểu biết.

Hà Sĩ Phu và Mai Thái Linh được miễn tố

Ngày 05-01-2001, hai ông Hà Sĩ Phu và Mai Thái Linh đã được chính

thức thông báo là lệnh khởi tố họ về tội "cấu kết với nước ngoài, phản bội tổ quốc" đã được bãi bỏ. Hai ông Mai Thái Lĩnh và Hà Sĩ Phu đã bị bắt trong một thời gian ngắn và bị quản chế từ tháng 5-2000 sau khi công an khám nhà và phát hiện một số thư từ trao đổi với các thân hữu tại nước ngoài, đặc biệt là với một số thành viên Tập hợp Dân chủ Đa nguyên. Việc bắt giam và truy tố hai ông đã gây xúc động trong dư luận thế giới. Hơn 1 500 người Việt Nam tại hải ngoại đã ký tên vào một bản lên tiếng bênh vực và ủng hộ hai ông. Nhiều nghệ sĩ, dân biểu các nước dân chủ và nhiều tổ chức nhân quyền quốc tế đã gửi thư đòi chính quyền Việt Nam hủy bỏ lệnh truy tố. Quyết định miễn tố hai ông Mai Thái Lĩnh và Hà Sĩ Phu là một nhượng bộ của Hà Nội đối với dư luận thế giới. Nhưng điều này không ngăn cản tờ báo An ninh Thế giới thuộc bộ công an đăng một bài nhiều kỳ gắn cho hai ông tội phản bội tổ quốc, một tội theo hình luật Việt Nam có thể đưa đến án tử hình. Loạt bài này đã gây ra những phản ứng công khai của nhiều người dân chủ trong nước, trong đó đáng kể nhất là các ông Nguyễn Thanh Giang, Hoàng Tiến và Nam Sơn. Một lập luận mới của tiến sĩ Nguyễn Thanh Giang là : dù Mai Thái Lĩnh có gia nhập Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên cũng không thể coi là một tội. Tiến sĩ Hà Sĩ Phu, tên thật Nguyễn Xuân Tự, năm nay 60 tuổi, là một nhà nghiên cứu sinh học, đồng thời cũng là một nhà tư tưởng được giới trí thức mến mộ. Mai Thái Lĩnh, một nhà trí thức, đã từng hoạt động tích cực cho Đảng Cộng sản và giữ chức phó chủ tịch thường trực của hội đồng nhân dân Tỉnh Lâm Đồng, đã phát biểu lập trường dân chủ từ 1988 đến nay.

Nhân vật Hương Cảng số hai từ chức

Bà Trần Phương An Sinh (Anson Chan), nhân vật số 2 của đặc chính khu Hương Cảng xin từ chức ngày 12-1 vì bất đồng ý kiến với ông Đồng Kiến Hoa và Bắc Kinh sau 3,5 năm hợp tác. Bà Trần đã là người thân cận của cựu thống đốc cuối cùng Christopher Patten. Đứng đầu guồng máy hành chính với 190 000 công chức, bà biểu tượng sự ổn định cho giới kinh tài và đầu tư ngoại quốc.

Cách đây ba năm, bà tuyên bố trên tạp chí Newsweek là bà không ngần ngại từ chức nếu phải bắt buộc làm trái lương tâm. Theo các quan sát viên, giọt nước làm tràn ly là bà bị phó thủ tướng Tiền Kỳ Tham cho triệu tập ở Bắc Kinh trong tháng 9 năm qua. Trong cuộc gặp gỡ này, họ Tiền "khuyến" bà ủng hộ ông Đồng Kiến Hoa tái nhiệm lần thứ hai vào năm 2002 trong khi ông này chỉ được 23% dân Hương Cảng tín nhiệm và 11% trong giới công chức mà bà là thủ trưởng. Song song đó, bà bất mãn về sự chậm chạp của tiến trình dân chủ hoá thể chế địa phương vẫn còn bị nhóm kinh tài chi phối làm thỏa hiệp với lục địa. Việc ký giả nổi tiếng của nhật báo Anh ngữ Hoa Nam Buổi sáng, ông Lâm Hoà Lập (Willy Lam), bị cách chức vì những bài viết của ông không làm Giang Trạch Dân hài lòng cũng là một trong những lý do từ chức của bà (tờ báo này do một trong các tài phiệt thân cận Bắc Kinh kiểm soát). Người thay bà Trần có thể là ông Tăng Âm Quyền (Donald Tsang), đang là giám đốc ty tài chính.

Kim Chính Nhật lại đi Bắc Kinh

Theo giới báo chí quốc tế, Kim Chính Nhật công du ở Bắc Kinh từ ngày 15 đến 20-1. Đây là lần thứ hai họ Kim bí mật đi Bắc Kinh sau khi gặp Giang Trạch Dân vào cuối tháng 5 trong năm qua. Họ Kim có cái bệnh là những chuyến đi ra ngoài nước đều phải giữ bí mật ! Dù vậy ai cũng biết là họ Kim đi đường xe lửa từ Bình Nhưỡng đến Bắc Kinh cùng với một phái đoàn hơn 20 người trong đó có nhiều quân nhân và bí thư Đảng. Sau khi về nước, họ Kim hiện nguyên hình với ông Giang ở trang đầu của nhật báo Nhân Dân ra ngày 22-1. Nếu chuyến đi lần trước có tính cách chính trị, thì lần này nó có tính cách kinh tế. Họ Kim được thủ tướng Chu Dung Cơ hướng dẫn đi thăm Thượng Hải trong 4 ngày, đặc biệt là khu Phố Đông (Pu Dong) để quan sát kinh nghiệm của Trung Quốc về chính sách mở cửa khai phóng. Trong lần trước, Giang Trạch Dân có dẫn họ Kim đi xem khu Trung Quan thôn (Zhong Guan cun) gần Bắc Kinh, một loại "Silicon Valley" của Mỹ. Theo người phát ngôn viên Chu Bang Tạo, họ Kim rất hứng thú! Bắc Triều Tiên của Kim Chính Nhật

muốn học đòi kinh nghiệm của Bắc Kinh là mở rộng kinh tế nhưng khép chặt về mở rộng chính trị. Dù đã trẻ nhưng còn trẻ hơn không! Dù vậy, vấn đề chính trị cũng không vắng bóng. Họ Kim sắp sang Hán Thành vào mùa xuân tới. Họ Kim cần có hậu thuẫn của Bắc Kinh và Mạc Tư Khoa. Chuyến đi của họ Kim ở Bắc Kinh vào lúc nhậm chức của tân tổng thống Mỹ ông George W. Bush là muốn gửi một thông điệp cho tổng thống Mỹ rằng Bắc Triều Tiên sẽ mở cửa về kinh tế nhưng đứng về phía "xã hội chủ nghĩa" mà Bắc Kinh là hậu phương lớn.

Lại chuyện "thái tử Đảng".

Thái tử Đảng là danh từ của dân chúng Trung Quốc gán cho các con cái của những cán bộ cao cấp Đảng chiếm những địa vị cao sang ở trong Đảng và nhà nước. Theo nhật báo kinh tế xuất bản ở Hương Cảng ngày 17-1 và được báo Hoa ngữ Âu châu Nhật báo trích dẫn ngày 19-1, nhiều con cái của các cựu tướng lãnh đang chiếm địa vị cao trong quân đội. Con của nguyên đại tướng Túc Dự (Su Yu) là trung tướng Túc Nhung Sinh (Su Rong Sheng), hiện là phó tư lệnh quân khu Bắc Kinh; con của cựu nguyên soái La Vinh Hoàn (Luo Rong Huan) là La Đông Tiến (Luo Dong Jin) là chính uỷ pháo binh; con của cựu tướng Đàm Chấn Lâm (Tan Zhen Lin) là Đàm Đông Sinh (Tan Dong Sheng) đang là phó tư lệnh quân khu Quảng Châu; con của cựu bộ trưởng quốc phòng Trương Ái Bình (Zhang Ai Ping) là Trương Tường (Zhang Xiang) đương là phó tham mưu trưởng pháo binh; con của cựu phó tham mưu trưởng quân đội Dương Dũng (Yang Yong) là Dương Dịch Bình (Yang Yi Ping) hiện là phó tư lệnh khu đồn trú tỉnh Thiên Tân; con gái của cựu tổng tham mưu trưởng quân đội Dương Thành Vũ là Dương Tuấn Sinh đang là thủ trưởng trang bị quân đội vũ trang cảnh vệ; cháu gái của cựu nguyên soái Bành Đức Hoài (Peng De Huai) là Bành Cương (Peng Gang) hiện là thủ trưởng của tổng chính trị kỷ luật kiểm sát; con của cựu chủ tịch nước Lưu Thiếu Kỳ là Lưu Nguyên (Liu Yuan) có lúc là phó tỉnh trưởng Hà Nam, hiện là phó chính uỷ quân đội vũ trang cảnh vệ.

Động đất ở Ấn Độ

Theo những ước lượng đầu tiên, cuộc động đất xảy ra ngày 27-1-2001 ở Bhuj, Tây Bắc Ấn Độ, đã gây thiệt mạng cho 100 000 người và 500 000 người không còn nhà cửa. Đây là cuộc động đất lớn nhất xảy ra tại Ấn Độ kể từ 1905. Sức mạnh của nó là 7,9 theo thang đo Richter. Các nhà địa chấn học đã không tiên đoán được biến cố này vì khu vực này không bị liệt kê như một mảnh đất có nhiều rủi ro động đất. Nhà nước Ấn Độ đã phản ứng một cách chậm trễ. Phải chờ tới năm ngày sau cuộc động đất mới thấy được những phương tiện cứu trợ tương xứng với tình thế nhưng đây là một khoảng thời gian quá dài để cứu sống những người bị chôn. Một lần nữa sự vắng mặt của nhà nước đã tạo ra một cơ hội để các nhóm tôn giáo cực đoan - Ấn giáo và Hồi giáo - tranh thủ lòng dân. Điều an ủi duy nhất là nước Pakistan - kẻ thù không đội trời chung với Ấn Độ - đã đề nghị phụ giúp Ấn Độ. Người ta nhớ rằng cách đây gần hai năm, cuộc động đất xảy ra ở Thổ Nhĩ Kỳ đã là cơ hội hòa giải - một phần - giữa Thổ Nhĩ Kỳ và Hy Lạp. Các nước Đài Loan, Nhật Bản, Anh cũng sẵn sàng tiếp tay, chỉ chờ New Dehli bật đèn xanh.

Chánh quyền Miến Điện phóng thích hơn 80 nhân vật đối lập

Cuối tháng 1-2001, chế độ quân phiệt Rangoon đã trả tự do cho 85 tù nhân chính trị, trong đó có ông Tin Oo, nhân vật số hai trong Liên minh Dân chủ Quốc gia của bà Aung San Suu Kyi. Còn quá sớm để đánh giá ý nghĩa của những biện pháp này, thời cơ hay thực tâm? Việc trả tự do xảy ra vài ngày trước cuộc viếng thăm của một số đại diện của Liên hiệp Âu châu và vài tháng sau những cuộc gặp gỡ giữa bà Suu Kyi và tướng Khin Nyunt, một trong những nhân vật có quyền hành nhất. Nhân vật đã làm trung gian giữa nhà đối lập và nhóm quân phiệt là ông Razali Ismail, một nhà ngoại giao Mã Lai làm việc cho Liên hiệp Quốc. Ông Razali cũng là một người thân cận của thủ tướng Mahathir Mohamad, một trong những lãnh tụ đã tranh thủ tích cực cho sự gia nhập của Miến Điện vào Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á.

Ông Razali đã nhận được sự ủng hộ của Liên hiệp Âu châu nhưng Hoa Kỳ đã tỏ ra dè dặt. Cựu ngoại trưởng Mỹ Madeleine Albright đã ghi nhận mối liên lạc tái lập giữa bà Suu Kyi và tập đoàn quân phiệt nhưng cho rằng "bà Suu Kyi phải được kính trọng như một nhà lãnh đạo chánh trị chứ không như một "cô em" được [các viên tướng] chăm sóc bằng cách nhốt ở nhà". "Em" là danh xưng mà ông Khin Nyunt dùng để chỉ bà Suu Kyi ... trong những lúc hòa hoãn.

Tổng thống Bush đã nhậm chức

Hai tháng sau khi được Tòa án Tối cao Hoa Kỳ "xử thắng", ngày 20-01-2001, ông George W. Bush đã chánh thức nhậm chức. Theo truyền thống Hoa Kỳ, tân tổng thống Mỹ đã bổ nhiệm toàn thể các thành phần nội các trước đó. Trong đội ngũ của "Bush con", người ta nhận thấy rất nhiều nhân vật đã làm việc cho các tổng thống thuộc Đảng Cộng hòa trước đó, ngoài phó tổng thống Richard Cheney (bộ trưởng quốc phòng dưới thời "Bush cha" và ngoại trưởng của Gerald Ford), còn có ngoại trưởng Colin Powell (cựu tổng tham mưu trưởng dưới "Bush cha"), bộ trưởng quốc phòng Donald Rumsfeld (đã nắm giữ chức này dưới thời Ford), chủ tịch hội đồng an ninh quốc gia, Condoleeza Rice (đã làm cố vấn trong cơ quan này cho "Bush cha") và bộ trưởng tài chánh Paul O'Neill (chủ nhiệm ngân sách cho Ford và Nixon). Tác động của những người này là bù đắp sự thiếu kinh nghiệm của "W" trên các vấn đề quốc gia. Tuy rằng vai trò phó tổng thống đã trở nên khá quan trọng dưới chế độ Clinton-Gore, chưa bao giờ trong lịch sử Hoa Kỳ, có một vị phó tổng thống quyền thế như ông Cheney. Một đặc tánh khác của guồng máy Bush là nguồn gốc khác nhau của các bộ trưởng, theo cách phân tách của người Mỹ, người ta có thể đếm hai người da đen (ông Powell và bà Rice), một người Mỹ gốc Ả Rập, ông Spencer Abraham, bộ trưởng bộ năng lượng, một người Mỹ gốc Á (Nhật), ông Norman Mineta thuộc Đảng Dân chủ, bộ trưởng bộ vận tải và một người Mỹ gốc Y Pha Nho, bà Melquiades Martinez, bộ trưởng bộ cư trú.

Cựu tổng thống Bill Clinton ra đi với sự ủng hộ của quần chúng và nhiều luyến tiếc. Trong những ngày cuối của nhiệm kỳ của mình, ông đã ký hàng loạt sắc lệnh lập tức bị tân tổng thống đình chỉ. Trước khi giao trả cơ sở cho ê kíp mới, các cộng sự viên của cựu tổng thống Clinton đã làm một trò đùa, ông đã thảo gỡ chữ "W" trên tất cả các máy điện toán trong tòa Bạch Ốc.

Chủ tịch Congo-Kinshasa bị ám sát

Laurent-Désiré Kabila chết như ông đã chiếm quyền, một cách đột ngột và vô nghĩa. Con trai Joseph Kabila được phong làm chủ tịch bởi một quốc hội do chính ông cha bổ nhiệm. Thủ phạm của sự ám sát là một vệ sĩ thuộc sắc tộc Tutsi. Theo lời tuyên bố của một tổ chức kháng chiến, hành động đó nhằm để trả thù những cuộc tàn sát người Tutsi. Ông Kabila đã chiếm được quyền hành với sự ủng hộ của nước Rwanda. Thành phần thống trị ở Rwanda là sắc tộc Tutsi. Cách đây ba năm, họ lấy quyết định tiêu diệt vĩnh viễn các tổ chức kháng chiến Hutu đóng đô ở nước Zaire. Bù nhìn mà họ tìm ra là ông Kabila, một tên cướp khoác áo chánh trị, có tài buôn lậu hơn là làm cách mạng. Cuộc tấn công 1997 lật đổ chế độ mục nát của "chủ tịch trọn đời" Mobutu Sese Seko một cách dễ dàng. Kabila đổi tên nước Zaire thành Cộng hòa Dân chủ Congo và áp đặt một chánh quyền còn độc tài và khủng khiếp hơn là chế độ cũ. Đồng thời ông cũng trở mặt đối với những đồng minh cũ và trả thù bằng cách tàn sát người Tutsi, khiến cho nước Rwanda "lại phải" chế tạo một tổ chức kháng chiến. Nước Congo-Kinshasa lâm vào một cuộc nội chiến khác với hai phần ba lãnh thổ bị các đội quân ngoại bang chiếm đóng, nào là Rwanda, Uganda, nào là Angola, Namibia. Dân chúng và tài nguyên bị các băng đảng cướp bóc. Cũng như một số nước Phi châu khác, Somalia, Liberia, Congo-Brazzaville, nước Congo-Kinshasa không còn nhà nước nữa. Các nước Phi châu đã hình thành như những nhà nước không có quốc gia. Không có quốc gia, họ không giữ được nhà nước. Sénégal, Nam Phi là những trường hợp ngoại lệ. Họ đã xây dựng nhà nước trên quốc gia và quốc gia trên dân chủ.

Thông cáo của Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên

Báo An Ninh Thế Giới của bộ công An nhà nước cộng sản Việt Nam, trong ba số ra ngày 4, 11 và 18-01-2001, đã đăng một loạt bài ký tên Nguyễn Như Phong, dưới tựa đề chung : "Mặt thật của một vài người mượn danh "hiền sĩ" khoác chiêu bài dân chủ", xuyên tạc và phỉ báng nhiều người và nhiều tổ chức trong đó có Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên.

Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên nhận định :

- Tháng 5-2000, nhà cầm quyền cộng sản đã bắt giam hai ông Nguyễn Xuân Tụ (tức Hà Sĩ Phu) và Mai Thái Linh, và khởi tố họ về tội "cấu kết với nước ngoài phản bội tổ quốc". Chiếu theo bộ luật hình sự của nhà nước cộng sản, tội này có thể đưa đến án tử hình. Sau đó vụ này đã được bãi bỏ vì không có cơ sở. Sự kiện khi chưa có chứng cứ đã vội vã cáo buộc cho hai đương sự một tội danh nặng nề như vậy một lần nữa chúng tỏ nhà cầm quyền cộng sản coi thường phẩm giá và sinh mệnh công dân tới mức nào.

- Một khi lệnh khởi tố đã được bãi bỏ, nhà cầm quyền cộng sản đã mặc nhiên nhìn nhận sự sai lầm của mình và nhìn nhận hai ông Hà Sĩ Phu và Mai Thái Linh là vô can. Như thế, với tư cách công dân không phạm tội, thư từ của họ phải được bảo đảm theo chính hiến pháp của chế độ Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam. Việc đem phổ biến những thư từ của họ, thư viết ra cũng như thư nhận được, là một hành động vừa xúc phạm đến các đương sự vừa vi phạm chính hiến pháp của chế độ.

- Tệ hơn nữa, các bài báo trên còn xuyên tạc nội dung các thư từ, đặc biệt là sửa chữa và thêm vào các thư của Nguyễn Gia Kiểng những lời lẽ xúc phạm đến các tổ chức đối lập và Hà Sĩ Phu. Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên cực lực bác bỏ và lên án sự xuyên tạc trắng trợn này. Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên khẳng định sự kính trọng và tin tưởng đối với những anh em dân chủ trong nước và các tổ chức dân chủ, đặc biệt là Liên Minh Dân Chủ Việt Nam, Tổ Chức Phục Hưng và ông Hà Sĩ Phu.

- Sự xuyên tạc của tờ An Ninh Thế Giới là đã quá rõ rệt dù chỉ cần nhận định về nội dung của chính các bài báo : một mặt tờ An Ninh Thế Giới nói ông Đỗ Mạnh Tri "cấu kết chặt chẽ" với Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên, mặt khác lại gán cho ông Đỗ Mạnh Tri nhận định rằng Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên chỉ là một gánh hát rao hàng mà không có hàng ; một mặt nói Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên tin tưởng ở Hà Sĩ Phu, mặt khác lại gán cho Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên nhận xét Hà Sĩ Phu là già cả, thiếu sức bật và thiếu chính chắn. Bài báo còn nói Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên nhận mỗi năm 500.000 USD của Mặt Trận Thống Nhất Giải Phóng Việt Nam trong khi mọi người đều biết hai tổ chức không những không có hợp tác nào mà còn đã từng có nhiều mâu thuẫn. Đây là một thái độ coi thường nhận thức của độc giả.

Loạt bài của tờ An Ninh Thế Giới không đáng bình luận thêm. Sự xuyên tạc của nó đã quá lộ liễu. Nó sẽ không đạt được mục đích nham hiểm nhưng ngây ngô là gây ly gián giữa những người dân chủ và giữa các tổ chức đối lập. Nó chỉ chứng tỏ sự bối rối của một chế độ đang chao đảo.

Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên

Mục lục

1. Câu đối Tết Tân Ty
Hà Sĩ Phu
2. Thử thách lớn cho Đảng Cộng Sản Việt Nam
Thông Luận
3. Phi Luật Tân: sức mạnh của quần chúng
Nguyễn Thành Nhân
4. Tiến trình hiện đại hóa Thái Lan
Diệp Tường Bảo
7. Vấn đề chánh trị trong việc khai thác sông Mê Kông
Nguyễn Hữu Chung
10. Tài liệu mật về Thiên An Môn
Nguyễn Phi Phụng
16. Một vài nét về Bill Clinton
Võ Xuân Minh
17. Những khuyết điểm của nền dân chủ Hoa Kỳ
Đào Tăng Dực
21. Nghi mà thương các anh trong nước
Trần Ngọc Sơn
24. Cải tổ giáo dục liên quan tới cấp đào tạo sau đại học
Tôn Thất Long
27. Số phận ông tổng Phiêu
Tú Sản
28. Thơ: Tinh Xuân
Nguyễn Trường Thanh
29. Nói chuyện với người trong nước
Nguyễn Văn Huy
31. Dân chủ trong nội bộ đảng?
Nguyễn Gia Kiểng
33. Tin tức
36. Thông cáo của Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên

Thông Luận

Tạp chí thông tin và nghị luận do Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên chủ trương

Web: <http://www.thongluan.org>

Phát hành đầu tháng, mỗi năm

11 số. Giá báo một năm: 200 FF

Ngân phiếu xin đề: VIETNAM FRATERNITE

Địa chỉ liên lạc: Thông Luận,
7 rue Bouleau Carreau,
77600 Bussy Saint Georges, France